

“XÂY DỰNG ĐẢNG” TRONG TRẠI GIAM TÙ BINH PHÚ QUỐC

Tù binh Phú Quốc một phần lớn vốn là lính chiến, trải qua nhiều năm gian khổ ở chiến trường và dạn dày trận mạc, hầu hết mới bị bắt ở các chiến trường, rất tin tưởng cách mạng thắng lợi, phần uất căm thù bọn giám thị, quân cảnh, nhất là bọn trật tự chiêu hồi ác ôn, tù binh, thường nói với nhau: “Tụi mình chết là đủ Vốn” (ý muốn nói đã giết nhiều tên địch), sống là lời, sống cho đáng sống, chết cho đáng chết, sống lỗi lạc, chết quang vinh. Nhiều tù binh mong muốn đánh quân cảnh cướp súng, vượt rào, đào hầm vượt ngục về đời chiến đấu...

Ở trại giam thì địch mạnh hơn ta gấp nhiều lần, chúng thường xuyên rút tỉa kinh nghiệm đàn áp khủng bố tù binh, lại được bọn cố vấn Mỹ kẻ cặn kẻ chỉ đạo. Chính sách thâm độc nhất của địch vẫn là tâm lý chiến, chiêu hồi và dùng tù trị tù, dùng tù binh chiêu hồi làm mật báo viên, làm bọn trật tự... để đánh phá tổ chức và tuyên truyền cưỡng ép tù binh chiêu hồi.

Khi ở trong trại, mấy trăm người trong phân khu là một lực lượng lớn, có một sức mạnh nhất định, có thể giành được thắng lợi nếu biết tổ chức đấu tranh chống những âm mưu và thủ đoạn thâm độc của kẻ thù. Nhưng điều đó cũng đồng nghĩa với sự cần thiết phải tập hợp nhau lại thành một khối thống nhất do một tổ chức kiên cường, trung thành với sự nghiệp của quần chúng lãnh đạo. Và tổ chức đó không ai khác hơn là Đảng Cộng sản Việt Nam, một chính Đảng lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc chiến đấu thần thánh để hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc trên phạm vi cả nước.

Xây dựng Đảng trong các phân khu của trại giam tù binh Phú Quốc.

Những đảng viên cộng sản hiểu rõ điều đó, nên khi vừa bước vào một phân khu giam mới liền nhanh chóng tìm hiểu nhau, tập hợp nhau lại, tổ chức thành chi bộ, Đảng bộ đặt ngay kế hoạch tập hợp, giáo dục quần chúng để chuẩn bị đấu tranh với những mục tiêu cụ thể phù hợp với tình hình từng nơi, từng lúc.

Mục đích của việc tổ chức Đảng trong trại giam là để lãnh đạo quần chúng đấu tranh bảo vệ quyền lợi tinh thần và vật chất của tù binh, bảo vệ lực lượng cách mạng trước sự tấn công ác liệt của quân thù để khi trở về anh em còn có đủ điều kiện để tiếp tục cuộc chiến đấu chính nghĩa của mình.

Về tiêu chuẩn đảng viên được tập hợp, trước hết, chỉ tập hợp những người đã là đảng viên từ ngoài đời. Nhưng cũng không phải tất cả đảng viên đều được tập hợp ngay vào tổ chức Đảng mà phải qua cuộc tìm hiểu xác minh lý lịch với các nội dung chủ yếu như:

Người ấy trước khi bị bắt là cán bộ gì, cấp gì, ở địa phương nào, đơn vị nào, có phải là đảng viên không?

Bị địch bắt trong trường hợp nào? Khi bị bắt, địch thăm vấn có khai báo gây thiệt hại cho cách mạng không?

Khi vào trại giam có tham gia đấu tranh chống địch không hay cầu an bảo mạng, chịu sự khống chế của địch?

Quan hệ trong tù minh bạch.

Đoàn kết, hòa mình với tập thể, quan tâm đến lợi ích của quần chúng, gương mẫu trong đấu tranh, được quần chúng tin tưởng.

Người nào đạt các tiêu chuẩn đó mới được tập hợp vào tổ chức Đảng. Việc xác minh phải thật thận trọng để tránh tập hợp làm những tên đầu hàng, những tên tay chân của địch cài vào, những người đã phạm sai lầm nghiêm trọng hoặc những kẻ yếu bóng vía có thể phản bội khi bị khủng bố ác liệt.

Việc tập hợp thành tổ chức Đảng trong phân khu giam có nhiều phức tạp và phải có nhiều thời gian tìm hiểu thử thách. Tuy nhiên, nhờ có nhiều người biết nhau từ ngoài đời, biết được trường hợp của địch bắt, đã từng liên lạc hoặc đã tập hợp thành tổ chức Đảng ở các trại giam vùng chiến thuật hoặc ở các phân khu khác của trại giam Phú Quốc chuyển đến, nên việc hình thành tổ chức Đảng không phải khó khăn lắm.

Điều quan trọng bậc nhất là đảng viên được tập hợp phải là những người tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc và nhân dân, thể hiện tinh thần đấu tranh chống địch, nhất là chống việc cưỡng ép chiêu hồi, luôn đi đầu trong các cuộc đấu tranh.

Về mặt tổ chức, Đảng trong trại giam cũng tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ với nội dung chính là cá nhân phục tùng tổ chức, thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, toàn đảng bộ phục tùng Đảng ủy của phân khu.

Cấp ủy chi bộ do anh em bí mật cử ra. Đảng ủy do các Bí thư Chi bộ bí mật cử. Tuy nhiên những lúc khó khăn, Đảng ủy có thể chỉ định một cấp ủy chi bộ lâm thời đợi đến khi tình hình ổn định sẽ cử chính thức. Việc thành lập Đảng ủy nhiều khi cũng tùy cơ ứng biến. Nếu đến một phân khu hoàn toàn mới lạ với nhau, những đảng viên năng nổ phải đứng ra tập hợp một số đảng viên, hình thành một Đảng ủy lâm thời, phân công nhau phụ trách các mặt công tác, tạm thời lãnh đạo trong phân khu cho đến khi tập hợp được nhiều đảng viên, hình thành các chi bộ rồi mới tổ chức cử Đảng ủy.

Trong thực tế, tổ chức Đảng trong trại giam mang những đặc thù riêng bên cạnh những nguyên tắc bất di bất dịch của Đảng. Những đặc thù ấy là nhằm phát huy được vai trò và hiệu quả lãnh đạo của Đảng trong điều kiện vô cùng khó khăn, nguy hiểm do kẻ địch không lúc nào từ bỏ âm mưu, thủ đoạn tàn bạo hòng tiêu diệt ý chí của người chiến sỹ cách mạng. Quá trình xây dựng tổ chức Đảng trong trại giam Phú Quốc được thể hiện ở những nội dung chủ yếu sau:

Phát huy tinh thần dũng cảm kiên cường của cán bộ, đảng viên và tù binh đấu tranh chống địch:

Cán bộ, đảng viên, bộ đội du kích..., bị bắt, bị tù chỉ có một con đường là đấu tranh chống địch, dù là một mình cũng đấu tranh và đứng hẳn về phía tù binh. Sau đó khéo léo gợi ý kết thúc đấu tranh trong hoàn cảnh thuận lợi nhất và ra sức xây dựng Đảng góp phần đấu tranh thắng lợi trọn vẹn hơn. Một phút chần chừ, do dự... có khi ân hận cả đời mình. Đơn cử trong đợt đàn áp khủng bố để cưỡng ép tù binh chiêu hồi ở A6, B8... địch đánh đập tù binh cả ngày lẫn đêm, năm bảy ngày liên tiếp, vừa đánh vừa tuyên truyền dụ dỗ. Trên 300 tù binh ở B8 dứt khoát không nhận chiêu hồi, địch tra tấn đánh đập tàn nhẫn và đưa qua các trại giam tù binh khác. Đó là những con người trung kiên. Và đây cũng là một trong những tiêu chuẩn tập hợp đảng viên trong các trại giam.

Công tác phát triển đảng viên ở trong trại giam vẫn phải được thực hiện, nhưng trong những điều kiện và yêu cầu đặc biệt hơn. Tổ chức Đảng trong tù rất cần đưa những người trung kiên, chiến đấu dũng cảm vào hàng ngũ của Đảng để gương mẫu lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống địch. Phát triển Đảng là để phục vụ cuộc chiến đấu trước mắt. Còn việc kếp nạp này có được công nhận hay không là tùy thành tích đấu tranh của mình và tùy sau này cấp có thẩm quyền của Đảng quyết định.

Thủ tục kết nạp Đảng vẫn phải được tiến hành từng bước chặt chẽ đúng nguyên tắc của Đảng.

Việc sinh hoạt Đảng được chấp hành nghiêm túc. Tổ Đảng nửa tháng họp một lần. Chi ủy và Đảng ủy mỗi tháng họp một lần. Ngoài ra, giữa các cấp ủy còn thường xuyên hội ý hội báo với nhau về tình hình trong phân khu để có chủ trương đấu tranh kịp thời.

Nội dung các buổi sinh hoạt cũng khá phong phú, kiểm điểm công việc đã qua, thông báo tình hình mà ta nắm được, nhận định âm mưu và thủ đoạn sắp tới của địch, bàn công việc cần thi hành, phân công theo dõi, giáo dục quần chúng do chi bộ, tổ Đảng quản lý.

Trọng tâm của những buổi sinh hoạt cũng như công tác của Đảng ủy, chi ủy và tổ chức Đảng là công tác giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng đảng viên và quần chúng, nhằm giữ vững lòng yêu nước, yêu lý tưởng không có gì quý hơn độc lập tự do, nâng cao ý chí bất khuất, tinh thần kiên quyết đấu tranh, đòi cải thiện đời sống, chống khủng bố, chống dụ dỗ và cưỡng ép chiêu hồi, nêu cao lòng căm thù địch, nhằm củng cố niềm tin vào thắng lợi cuối cùng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng trong cuộc chiến đấu long trời lở đất này, một cuộc chiến đấu vô cùng gian khổ với biết bao sự hy sinh

mất mát của dân tộc cũng như hết sức quang vinh. Mặt khác, các buổi sinh hoạt cũng chú trọng giáo dục việc thắt chặt tình đoàn kết giữa anh em tù binh để có sức mạnh chiến đấu chống quân thù.

Công tác giáo dục chính trị và lãnh đạo tư tưởng lúc nào cũng được đặt lên hàng đầu trong các công tác của Đảng bộ. Nhờ vậy, đã giữ được phần lớn đảng viên và quần chúng tốt về với cách mạng.

Tìm hiểu nhanh qua các đầu mối tổ chức Đảng, tuyển chọn cử người làm tổng đại diện, trưởng phòng nhà bếp, trưởng các phòng giam. Chuyển sang hình thức đấu tranh công khai, hợp pháp, làm giảm bớt tình hình căng thẳng, dồn sức cho công tác xây dựng Đảng:

Giao hẳn trách nhiệm cho tổng đại diện và trưởng phòng nhà bếp thường quan hệ với giám thị và quân cảnh trong đấu tranh nhận lãnh gạo, củi, thức ăn... và làm tạp dịch hàng ngày. Giao trách nhiệm cho trưởng các phòng giam tù binh thống nhất quy định tù binh không xuống nhà bếp, không ra cổng trại giam... nhằm ngăn ngừa những tên chiêu hồi (làm mật báo viên) ra cổng liên lạc với giám thị, vừa giúp cho tù binh giành thời gian hoạt động văn hóa, chính trị và đào hầm vượt ngục.

Tập trung trí tuệ chung, ra sức xây dựng Đảng trong các phân khu của trại giam tù binh Phú Quốc.

Do yêu cầu bức xúc chung các đầu mối tổ chức Đảng đều nhất trí cao là cần phải xây dựng Đảng lãnh đạo chung mỗi phân khu của trại giam tù binh. Một số cán bộ, đảng viên... tổ chức đầu mối gặp gỡ nhau theo lối đơn tuyến đều thống nhất cần xây dựng Đảng ủy, lãnh đạo chung, bước đầu lực lượng cánh nào do cánh đó nắm; Chi bộ Đảng xây dựng chi Đoàn Thanh niên và tổ chức quần chúng. Sau đó lần lượt chân chính dần một cách hoàn chỉnh, hợp lý hơn.

Các đầu mối tổ chức Đảng đề cử giới thiệu thành lập Đảng ủy lãnh đạo chung mỗi phân khu giam tù binh hoặc “tự” thành lập. Đảng ủy chung có từ 3 đến 5 thành viên. Bí thư và Phó Bí thư Đảng ủy phụ trách chung, phụ trách lãnh đạo tổng đại diện và trưởng phòng, nhà bếp, xuyên qua đầu mối liên lạc, Đảng ủy viên phụ trách đầu mối tổ chức Đảng cánh mình và một số đầu mối tổ chức Đảng có liên quan.

Thống nhất xác định rõ Đảng trong trại giam tù binh là tiếp tục chiến đấu. Tổ chức Đảng phải trong sạch mới vững mạnh và thống nhất tiêu chuẩn đảng viên trong các trại giam tù binh như sau:

- Bị bắt, bị tù còn giữ được khí tiết cách mạng, khai báo tránh né bảo vệ được cơ sở cách mạng.

- Phải kiên cường dũng cảm đấu tranh chống địch và nghiêm chỉnh chấp hành Nghị quyết của Đảng ủy, của Chi bộ...

- Có trình độ, khả năng lãnh đạo đảng viên khác, đoàn viên thanh niên và quần chúng, được đảng viên, đoàn viên thanh niên và quần chúng tín nhiệm.

Đảng ủy thống nhất đề ra chương trình, kế hoạch một cách toàn diện, đồng bộ, coi trọng công tác giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng, phát huy tinh thần cách mạng kiên cường tù binh đấu tranh đòi các quyền lợi thiết thân, tập trung chống tâm lý chiến chiêu hồi, nhất là giáo dục, trấn áp bọn xấu, diệt những tên ác ôn chiêu hồi, và tổ chức đào hầm vượt ngục, đánh quân cảnh vượt ngục, biến các trại giam tù binh thành trường đào tạo cán bộ để khi về đời tiếp tục sống, công tác.

Từ chỗ luyện người trong “lửa đỏ”, Đảng ủy từng phân khu giam đã thẩm tra chọn lọc và tập hợp dần những chi bộ, những chi đoàn thanh niên lao động, những tổ kết nghĩa theo đơn vị cũ, những tổ tình nghĩa quê hương... phấn đấu xây dựng nhiều Đảng bộ trong trại giam tù binh thành một khối thống nhất Nam - Trung - Bắc là chung một nhà, một lòng một dạ, nhất hô bách ứng.

Các Đảng ủy trại giam coi trọng công tác giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng, nâng cao trình độ giác ngộ cách mạng, làm cho nhiều đảng viên và anh em tù binh ngoài Đảng luôn luôn tự xác định mình là “Bộ đội Cụ Hồ”, là giải phóng quân Miền Nam, một niềm tin sắt đá cách mạng nhất định thắng lợi, một lòng một dạ hướng về Bác, về Đảng, về Tổ quốc, nhất là kỷ niệm những ngày lễ lớn như ngày 3 tháng 2, ngày 26 tháng 3, ngày 1 tháng 5, ngày 19 tháng 5 v.v...

Trong tù, Đảng ủy và nhiều chi bộ đã tổ chức cho đảng viên, đoàn viên thanh niên lao động học tập về nhân sinh quan, khí tiết cách mạng về năm bước công tác, về công tác bí mật... đặc biệt là ý chí chiến đấu và khí tiết chói ngời của đồng chí Trần Phú, “ai biết Trần Phú thì biết, Trần Phú thì không biết một ai”, đã được nhiều tù binh học hỏi và noi gương. Trình độ chính trị và giác ngộ cách mạng càng ngày càng được nâng cao, ý chí chiến đấu giữ vững, truyền thống bộ đội Cụ Hồ được phát huy... đã tăng thêm sức mạnh giúp cho cán bộ đảng viên, anh em tù binh Phú Quốc kiên gan chịu đựng gian khổ, kiên cường dũng cảm đấu tranh chống địch. Trong từng lúc, Đảng ủy các trại giam tù binh Phú Quốc có tổ chức đấu tranh - tuyệt thực, tổ chức giáo dục, trấn áp một số tên là tù binh đã làm mất mặt báo viên, tổ chức diệt một số tên trật tự “chiêu hồi” ác ôn để bảo vệ tổ chức Đảng trong nhà tù và phẩm chất cách mạng trong nhà tù. Tù binh còn có nơi, có lúc phá lồng và quét sạch bộ máy kìm kẹp trong tù, giành quyền làm chủ từng phòng.

Nhiều Đảng bộ và toàn thể tù binh Phú Quốc tập trung nhiều công sức tổ chức vượt ngục, giành nhiều thắng lợi, đến mức rung động đến nội các ngục quyền Trung ương (Sài Gòn), CIA Mỹ, có tiếng vang xa trên trường Quốc tế, đài BBC đưa tin...

NGUYỄN MINH CAO

(Trưởng ban Liên lạc

Cựu chiến binh Phú Quốc tỉnh Long An)

6 THÁNG ĐÀO HẦM, MỘT ĐÊM VƯỢT TRẠI... (ĐÊM 23 - 12 - 1971)

Ông Nguyễn Đức Hòe (nguyên là cán bộ Trường Đại học Cần Thơ) là một cựu tù ở nhà tù Phú Quốc. Câu chuyện ông kể lại về một kỳ tích đào hầm vượt ngục trong nhà tù thực sự khiến ta khâm phục ý chí, lòng kiên trì, sự lanh lợi và những hiểm nguy mà các chiến sĩ phải vượt qua. Xin trân trọng giới thiệu lời kể của ông.

Giữa năm 1971, sau khi bị chuyển từ phân khu giam D5 về phân khu A4, chúng tôi bắt đầu nghiên cứu phương án đào hầm vượt ngục... Công tác chuẩn bị được tiến hành khẩn trương. Với một số việc cụ thể như: Vận động hai ông đại diện của phân khu A4 (ông Hảo và ông Hai Nghi) là người do anh em bầu ra, hai ông này tranh thủ được cảm tình của bọn giám thị, lợi dụng cảm tình đó mà nắm tình hình địch và thay nhau tiếp chuyện với nó để nó ít đi vào trại lòng sục, tạo điều kiện cho anh em đào hầm. Trưởng phòng nhà bếp (đồng chí Hà) làm công tác tuyên truyền quần chúng, ủng hộ, giúp đỡ vật chất và các phương tiện đào hầm. Báo cáo với Đảng uỷ và các chi bộ, tuyên truyền giáo dục quần chúng ủng hộ, giúp đỡ tham gia bằng mọi hình thức trong thời gian tổ đào hầm hành động.

Tổ đào hầm gồm có 15 đồng chí, đồng chí Hòe làm tổ trưởng đồng chí Ngọc làm tổ phó, và chuẩn bị hai phương án đối phó với địch khi hầm bị phát hiện.

Một là: Nếu hầm mới đào ngắn thì 3 đồng chí đứng ra nhận với địch gồm đồng chí Hòe, đồng chí Bàu, đồng chí Oát.

Hai là: Nếu hầm đào dài gần hoàn thành mà bị phát hiện thì 5 đồng chí đứng ra nhận gồm 3 đồng chí nói trên thêm hai đồng chí nữa là đồng chí Thắng và đồng chí Nô, năm đồng chí này là đội cảm tử.

Địa điểm đặt nắp hầm ở gian thứ hai, phòng hai, đào theo hướng tây qua dưới hai phòng giam, qua lộ xe tuần tra, qua nhà quân cảnh rồi ra bãi tranh thì trở cửa lên. Dự tính đường hầm dài 80-120 mét; Thời gian đào từ 5 tháng đến 6 tháng, càng nhanh càng tốt.

Sau hơn một tháng chuẩn bị, chúng tôi cử đồng chí Hà báo cáo với Đảng uỷ về phương án hành động như trên. Đồng chí Hà về báo lại là Đảng uỷ mới có 1/3 đồng ý,

còn hai phần ba không đồng ý với lý do: tình hình lúc này đang căng thẳng, địch đang tìm sơ hở của chúng ta để đàn áp; Địa điểm đặt nắp hầm xa quá, thời gian kéo dài dễ bị địch phát hiện; Phương tiện kém, kỹ thuật không có, tình hình nội bộ trong trại giam lúc này không tốt, nếu địch phát hiện sẽ bị đàn áp.

Trước tình hình đó, chúng tôi họp lại bàn tính, cân nhắc kỹ, có cả hai ông đại diện, tất cả đều thống nhất ý kiến quyết tâm làm và báo cáo lại với Đảng uỷ vì đào hầm lúc này là thuận lợi, mùa mưa dễ đào, dễ phân tán đất.

Đêm 7-8-1971, chúng tôi đặt nắp hầm, có đất nguy trang giống như nền nhà trại giam. Khoảng 8h30 tối nắp hầm đặt xong, tôi đào được gần một tiếng đồng hồ vừa đủ cho một người ngồi lọt còn hờ cái đầu thì báo động quân cảnh và điểm danh, tôi không kịp lên, anh em ở trên ấn đầu tôi xuống đây nắp hầm lại, tôi cố gắng hết sức co người thật nhỏ lại, không nhúc nhích được tý nào, không có đủ ôxy thở, cứ phải cố nén chịu đựng, ở trên, anh em nhanh trí làm ngay cái hình nhân, trùm khăn kín đầu bằng những chăn mềm tại chỗ tôi nằm, điểm danh xong thằng quân cảnh bấm đèn pin vào cái hình nhân và hỏi thằng nào đây, dậy coi,? Nó đứng ngay gần miệng hầm, tim tôi thót lại, phen này chắc chết, tôi đang quay cuồng nghĩ đến chuyện mình sẽ tự tử, chợt có tiếng trả lời “Nó đang bệnh thương hàn nặng lắm không dậy được”, nghe nói đến bệnh thương hàn thằng quân cảnh lùi lại và nó đi ra luôn, tôi toát mồ hôi đầm đìa, chân tay bủn rủn vì nghẹt thở, giống như người bị bóp cổ, tôi trợn mắt ngáp mấy cái đất cát vào cả mồm, mũi và sau đó tôi xỉu đi lúc nào không biết.

Khi lính quân cảnh đi ra, anh em kéo tôi lên đang trong tình trạng ngất xỉu, khoảng 15 phút sau tôi tỉnh lại, mới biết sự việc diễn ra như vậy. Đồng chí Ngọc và đồng chí Thăng, cùng tổ đào hầm, đã nói với nhau nếu đồng chí Hòe chết chúng ta phải có trách nhiệm mai táng, đánh dấu mộ và đồng chí nào còn sống trở về, hãy đến quê hương đồng chí tại Xuân Hương, Lạng Giang, Hà Bắc thăm hỏi gia đình, báo cho cha mẹ và vợ con đồng chí Hòe đã chết như vậy, tôi nhìn những khuôn mặt cúi xuống mà cười ra nước mắt.

Đào được 4 ngày thì Đảng uỷ lệnh cho chúng tôi phải lấp hầm lại, với lý do: Địa



*Dụng cụ đào hầm vượt ngục
của tù nhân ở nhà tù Phú Quốc*

Ảnh:TL

điểm đặt nấp hầm xa quá, quần chúng không ủng hộ, kỹ thuật không có, khó hoàn thành. Chúng tôi hội ý nếu là lệnh của Đảng uỷ thì chúng ta lấp, nhưng phải hỏi lại, vì lý do trên chỉ là do một số anh em sợ đấu tranh, sợ đàn áp, thành phần lưng chừng, gió chiều nào che chiều ấy.

Đồng chí Hà lại báo cáo lên Đảng uỷ, Đảng uỷ bảo các đồng chí lấp đi, tập trung vào đào một đường hầm khác ngắn hơn. Đồng chí Ngọc lại hỏi: “Cái gì? đào một đường hầm khác ư? Thật khó mà thực hiện, mình không thể sang trại khác đào hầm được, đi lại nhiều không đảm bảo được bí mật mà chỉ những người ở trại đó mới đào được...”. Sau đó chúng tôi lại cử đồng chí Hà trình bày lại thật kỹ phương án đào hầm với Đảng uỷ và đề xuất ý kiến của tổ quyết tâm làm đến cùng. Đồng chí Hà lên gặp Đảng uỷ, đồng chí Hòa phó Bí thư Đảng uỷ đồng ý cho chúng tôi hành động theo phương án, càng nhanh càng tốt, rồi đồng chí xuống chỉ đạo làm luôn.

Tiếp tục đào được khoảng 15 ngày thì Đảng uỷ báo hầm đã bị lộ do có người báo, cho lấp ngay để bảo toàn lực lượng, chuẩn bị cho người ra nhận nếu địch phát hiện được hầm. Chúng tôi hỏi thăm hai ông đại diện xem tình hình địch có gì không, hai ông nói không có gì, tình hình bình thường, nhưng giám thị nói sáng mai quân cảnh vào trại xét hầm. Sau đó ít phút giám thị kêu hai ông đại diện ra hỏi: Các ông có hay gì không? Ông đại diện nói: Dạ... có gì không trung sĩ?

Thằng Phấn giám thị nói: “Các ông còn giấu tôi hả? Ở trong trại ông có một cái hầm, rõ chưa? Hầm ở phòng nào các ông phải báo ngay, không thì mấy ông coi chừng đó”. Hai ông đại diện trả lời: “Dạ, không có đâu trung sĩ, anh em mới chuyển về đây, đâu dám đào hầm, tôi cam đoan với trung sĩ, cho quân cảnh xét phòng nếu có tôi hoàn toàn chịu hình phạt với trung sĩ”. Nghe ông đại diện nói, thằng trung sĩ cười nhạt: “A! Các ông ngon đó, được, chờ ngày mai sẽ biết, thôi về đi”. Hai ông về báo lại với chúng tôi như vậy, chúng tôi quyết định lấp luôn và cử người nhận theo phương án một, gồm tôi, đồng chí Bầu và đồng chí Oát, chúng tôi thống nhất với nhau cách đối phó với địch: chỉ nhận có 3 người và sẵn sàng hy sinh để bảo vệ đồng đội. Nếu chúng kêu 3 người ra cùng một lượt, mà không trối, thì tìm cách 3 người đi gần nhau, ra khỏi cổng trại nếu có thời cơ, tôi hô đánh là tất cả đều hành động, ai gần lính thì đánh lính cướp súng, bắn trả xong chạy mỗi người một hướng lên rừng, thà chết không để địch bắt lại. Nếu nó trối thì cứ trả lời như đã thống nhất, không khai một ai trong tổ chức Đảng và tổ chức đào hầm; chúng tôi xác định sẵn sàng chết.

Chúng tôi chia tay nhau đi tắm giặt, ăn cơm chiều xong, đi thăm hỏi các anh em thân quen cùng quê và đồng đội ở các phòng giam, rồi gặp các đồng chí ở chi bộ thăm hỏi, chào chia tay lần cuối cùng, chúng tôi nhìn nhau rơi hai hàng nước mắt, các đồng chí động viên hãy ráng lên, những con người đồng cảnh, trong lao tù biết nói sao đây, ta chia tay nhau trong lao tù, tủi nhục, bạn đời chúng ta hiểu nhau nhiều, chúng ta ghi nhớ tấm gương của những người đồng chí, đồng đội.

Cả đêm đó không ngủ được, sáng ra quân cảnh vào điểm danh như thường lệ rồi đi ra. Khoảng 3 giờ chiều hôm đó, quân cảnh đột nhiên vào trại điểm danh xét phòng rất kỹ, riêng phòng chúng tôi đặt nấp hầm, chúng chỉ ngó qua loa rồi đi. Chúng tôi mừng

trong bụng, địch chưa phát hiện chính xác, hoặc là có đối tượng báo ra mà chưa biết hầm nằm ở phòng nào. Rồi ít ngày sau đó cũng chẳng thấy gì. Các chi bộ, chi đoàn làm công tác tư tưởng củng cố nội bộ, tình hình trong trại lúc này ổn định, tình hình địch bình thường không thấy nói gì đến hầm nữa.

Gần hai tuần nghỉ đã ổn định được tinh thần, chúng tôi lại hành động tiếp, đất đào ép ngay dưới hầm ít phải mang lên, mỗi ngày đào phát triển gần 5m.

... Đang làm thì một trở ngại nữa ập đến, 5 người đào hầm bị ngạt gần chết, phải làm lỗ thông hơi mỗi lỗ cách nhau 10m, lỗ thấp nhất ngay đường mương thoát nước của phòng 3. Nhưng đường hầm đào lại bị cong mất 25m vậy là khó khăn nữa tới, chúng tôi tìm cách giải quyết bằng cách làm hai cây thước dài 80 phân dùi 3 lỗ trên hai cây thước để xác định đường thẳng muốn đào. Giải quyết đường hầm khỏi cong xong, còn một khó khăn là bảo vệ lỗ thông hơi ở các rãnh có nước, và anh em cũng đã khắc phục được.

Hầm đào hơn 4 tháng thì đo được 50m, ra gần đến hàng rào, càng xa, việc kéo đất càng khó, lúc này phải xuống hầm 5 người để kéo đất tiếp, còn hai người ở gần miệng hầm, một người ém đất có gì báo động giục đây là ra ngay.

Tình hình đối phó với địch rất căng thẳng, đại diện và trưởng phòng phải luôn luôn đối phó với giám thị và quân cảnh; xét phòng và điểm danh bất ngờ, có báo động phải lên thật nhanh, không để kẻ người dưới hầm, nên người đào phải buộc dây vào chân, vừa kéo thùng vào để đất vừa làm dây để báo động.

Có một lần chúng tôi đang làm ở dưới hầm thì quân cảnh đột xuất vào xét phòng, anh em không kịp trở tay, rất căng, có thể bị lộ, nhưng may sao được quần chúng ủng hộ, tất cả 4 phòng ở dưới anh em đi tràn qua phòng của chúng tôi làm cho quân cảnh không đi vào phòng được, chờ cho chúng tôi lên hết, nguy trang xong mới ra từ từ. Mấy thằng quân cảnh đã phải nổi khùng lên: “Tụi bây đi gì kỳ vậy, ngoài sân không đi sao cứ đi qua phòng”, cả đám đông tù chẳng ai nói gì, chúng im lặng đi vào lục soát và kiểm tra. Có cái lạ là phòng chúng tôi đặt nắp hầm mà chúng chỉ kiểm tra qua loa rồi đi, có lẽ nó cho là phòng của mấy ông đại diện ở nên chúng ít để ý.

Đào được trên 5 tháng, cả trại giam ai cũng xông xáo nóng ruột, chỉ sợ bị lộ uổng công, bị đàn áp và đổ máu, chúng tôi quyết tâm phải làm gấp, làm thật nhanh để hoàn thành trước tháng 12, không để sang năm khác nó sẽ chuyển trại. Thế là chiến dịch tốc hành được đặt ra: làm một ngày từ 4-5m nhưng lại gặp khó khăn nữa, gặp đường mương thoát nước ngoài hàng rào, có cọc sắt chắn ngang sâu 50 phân, chúng tôi dừng lại để nghiên cứu. Như vậy, đường mương thoát nước sâu 3m, cọc sắt địch đóng để chông đào hầm và làm rào sâu 50 phân nữa là 3m rưỡi, chúng tôi quyết định lui lại 1m cách đường mương thoát nước đó, đào sâu xuống 2m nữa, rồi từ đó đào ngóc lên và theo kế hoạch đó, phải mất một tuần mới đi thẳng được. Đang đào thì bọn địch cho máy rà đường hầm chạy xung quanh trại, anh em tù kêu là “máy đo địa chấn”, nó kéo qua chỗ hầm, chúng tôi lo muôn tởm, may sao nó kéo qua đi bình thường, không có gì xảy ra, không rõ sao mà máy không phát hiện được, có lẽ đường hầm sâu quá, sâu trên 5m so với mặt đất.

Chúng tôi đào đến ngày 20 tháng 12 năm 1971, anh em lấy dây đo thử đường hầm dài 80m mà vẫn không thấy gì; chúng tôi kiểm tra xong mới biết còn lại 8m nữa là trở

ra giao thông hào, hai ngày nữa sẽ hoàn thành và dự định sẽ ra đi vào đêm 22 tháng 12. Nhưng đào đến ngày 22 mới được 4m và địch lại kiểm tra gắt quá, đến ngày 23 tháng 12 chúng tôi quyết tâm đào phải xong. Thế rồi đào tiếp 3,5 nữa tính ra chỉ còn 1m nữa là trở lên được rồi, chúng tôi dừng lại đây, lên báo với Đảng uỷ chuẩn bị cho kế hoạch vượt ngục.

Như vậy, qua gần 5 tháng chúng tôi đã đào đường hầm dài 88m cộng thêm 25m đường hầm cong nữa là 113m; Mang lên 25m khối đất; Dùng 300m dây bện bằng bao gạo và quần áo rách của lính; Tiêu thụ 3 cái can, 10 quai cà mèm và một cây sắt chữ V của nhà bếp đánh thành thuổng để đào đất.

Kế hoạch vượt ngục đã được chuẩn bị xong: số người đi là 17 đồng chí trực tiếp đào, 6 đồng chí gián tiếp, và 7 đồng chí do Đảng uỷ cho đi, tổng số là 30 người, chia làm 3 tổ – cho một đội cảm tử gồm 6 đồng chí mở đường gỡ mìn, gỡ đến đâu thì căng dây đến đó để các đồng chí đi sau lần theo dây đó đi. Nếu trở cửa hầm bị lộ thì tổ cảm tử này có nhiệm vụ cướp súng của địch đánh địch cho anh em đi, cụ thể cướp súng đại liên ở đầu phân khu B4, 3 đồng chí khác chạy vào nhà quân cảnh cướp súng để đánh lại địch, nếu không lộ tuyệt đối không làm gì để địch nghi ngờ.

Ra khỏi trại, 3 tổ sẽ tách ra đi làm 3 mũi, và đi theo về hướng Bắc đảo. Sau khi 30 anh em xuống hầm hết rồi còn anh em nào dám đi cứ tự do đi không hạn chế, nhưng phải giữ bí mật không được làm lộ xôn trong phòng, địch sẽ phát hiện, các đồng chí nào còn ở lại sẽ nguy trang nắp hầm và chuẩn bị đối phó với địch.

Giờ xuất phát đã đến, chúng tôi chuẩn bị sẵn sàng. Lúc 21h quân cảnh vào điểm danh lần đầu trong đêm, khi chúng ra khỏi cổng trại, chúng tôi lần lượt xuống hầm nằm chờ trở cửa ra rồi lần lượt thoát ra ngoài.

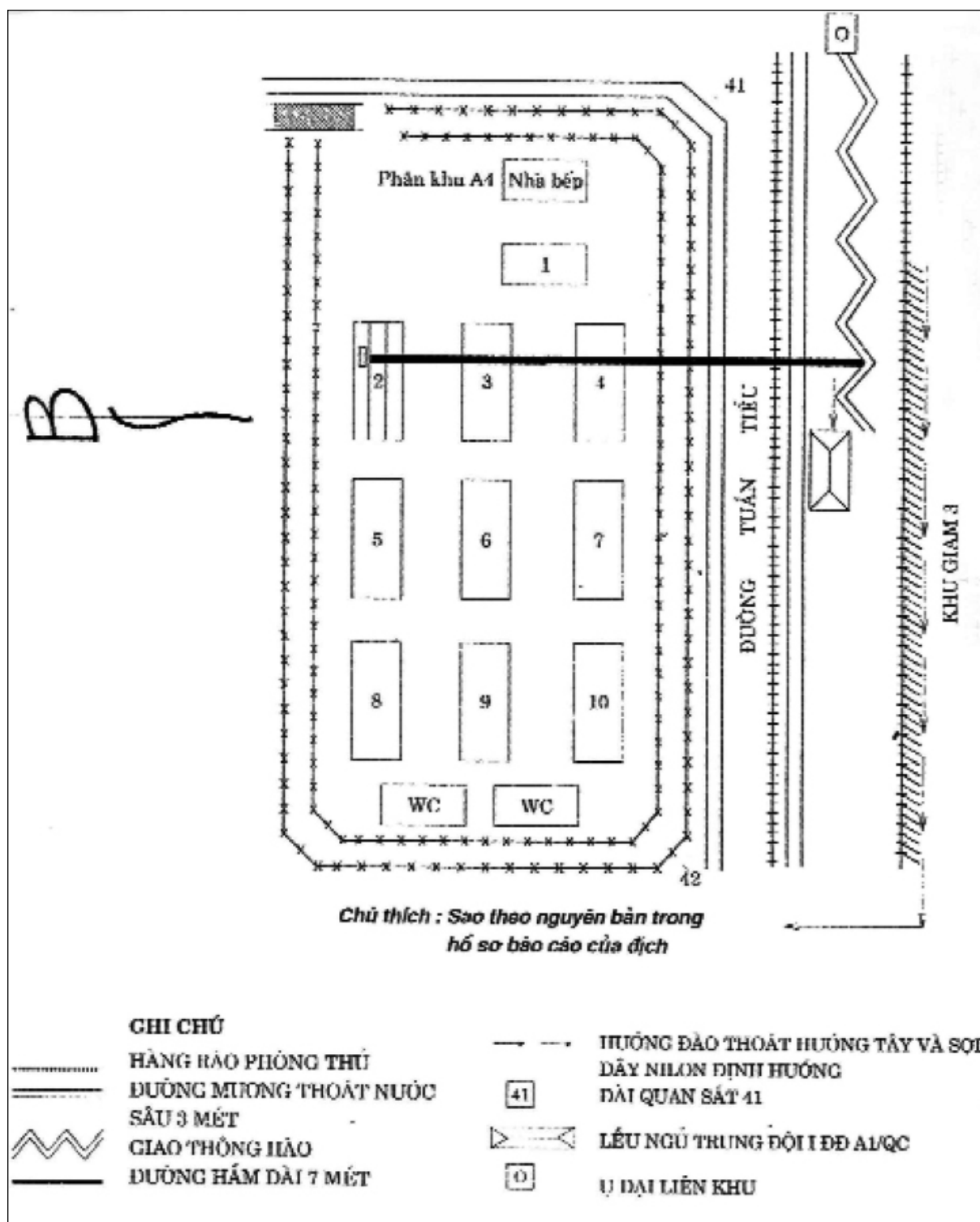
Qua 10 ngày băng rừng lội suối, bị địch bao vây săn đuổi, lưng sục, chúng tôi đói khát ăn rau rừng uống nước suối để sống và cuối cùng chúng tôi đã đến đích, đồng chí Năm Lòng đưa chúng tôi về đơn vị đặc khu của huyện đảo, ít ngày sau một số anh em nữa về kịp, chúng tôi tổng kết đường hầm đó vượt ra được 42 người, 26 đồng chí về đến cứ cách mạng, còn lại 16 đồng chí đã bị địch bắt hoặc đã ngã xuống trên dọc đường.

Trải qua bao nhiêu ngày cực nhọc, sống trong lao tù gian khổ, đầy chết chóc, chúng tôi đã trở về với gia đình cách mạng thân yêu của mình, sau đó một số đồng chí về tỉnh Châu Hà và các đơn vị chủ lực ở đất liền tiếp tục chiến đấu.

Tôi và một số đồng chí tình nguyện ở lại đơn vị của huyện đảo chiến đấu và làm nhiệm vụ nắm tình hình địch, đón anh em mình trong trại giam vượt ra. Cuối năm 1972, trên R (1) cử đơn vị T66 về đảo thành lập đoàn đón tiếp trao trả tù binh tại đảo Phú Quốc, tôi về đơn vị này công tác và chiến đấu tại đảo. Đến tháng 9-1973 đoàn T66 về R, tôi về đất liền, về trung đoàn 101 hoạt động ở Châu Hà, tháng 2 năm 1974 chiến đấu tại cồn cảng Hà Tiên bị thương, sau đó tôi về phòng cán bộ Cục Chính trị Quân khu 9, năm 1975 tiếp quản tại Cần Thơ.

NGUYỄN ĐỨC HÒE
Cựu tù binh Phú Quốc

SƠ ĐỒ ĐƯỜNG HẦM CÁC TÙ BINH ĐÀO THOÁT TẠI PKA4 ĐÊM 23 - 12 - 1974



CHIẾC BẬT LỬA ZIPPO MỞ ĐẦU CHIẾN THẮNG

Nhan đề đoạn hồi ký này tôi nêu “Chiếc bật lửa Zippo mở đầu chiến thắng” cũng chính là cách ghi nhận chiến tích của nhiều anh em dũng cảm và mưu trí trong tư duy phương án kế hoạch và cả trong hành động.

Nơi chúng tôi bị nhốt là phân khu giam A6. Đây là một phân khu “biệt giam”. Ba dãy, chín phòng giam đều bị rào bùng nhùng gai chia cắt riêng biệt từng phòng giam. Anh em tù binh không được qua lại giữa phòng giam này với phòng giam khác. Từ A6 ra đến nơi “đổ thùng” có lẽ không hơn 500 mét. Nếu tính từ phân khu giam A6 ra thì bãi “đổ thùng” còn ở bên trong đồi 37. Đường trống trải, bằng phẳng, cỏ lúa thừa cao chỉ nửa ống chân. Hai bên và phía trước nơi “đổ thùng” thì trại lính bảo an, trên đồi cao, kèm bên mirador quan sát còn có khẩu trọng liên. Hôm đó, một tiểu đội quân cảnh dẫn 38 tù binh “đổ thùng”⁽¹⁾. Anh em chúng tôi chia thành 19 đôi, mỗi đôi khiêng một “thùng cầu”, bằng một cây đòn. Hướng chúng tôi vượt trại, đồi dốc chập chùng, xen với mạng lưới địch bố trí canh giữ, vây hãm anh em tù binh.

Bọn quân cảnh thường rất có kinh nghiệm về việc áp giải tù ra ngoài khu giam. Chúng đi hai hàng dọc hai bên, cách chúng tôi hơi xa, đề phòng bị tù giựt súng. Phía trước vài ba thằng, phía sau ba bốn thằng nữa, cũng đi cách chúng tôi hơi xa. Như vậy, cả bốn phía của chúng tôi - tiền, hậu, tả, hữu - đều có địch, cả gần cả xa cũng vậy.

Dự định tiến công bọn áp giải để vượt trại... chúng tôi bàn tính từ nhiều tuần trước. Và trước nữa thì đã điều tra tương đối kỹ về đường đi nước bước. Chạy ngã nào không đụng địch? Chạy thế nào để không sa vào tầm đạn trọng liên? Cái vùng bãi lầy giữa rừng (tên là Bung ba-gà) bên ngoài xa trại giam, chúng tôi cũng biết.

Kế hoạch đã bàn tỉ mỉ và anh Năm Hùng chỉ huy thực hiện khá tốt. Những khẩu cac-bin của quân cảnh, chúng tôi không ngại lắm. Đáng lo nhất là khẩu bắn đạn chài,

(1) Thùng “phì” (fut) loại 220 lít, cắt làm đôi, dùng làm phương tiện vệ sinh cho tù binh. Hàng tuần khiêng ra ngoài đổ vào hố đào sẵn, lấp lại.

nó hết sức nguy hiểm. Phải cướp cho bằng được khẩu đại chài này. Chiếc bật lửa Zippo (còn mới) nhặt được từ lâu được dự kiến làm cái cơ tiếp cận địch. Hôm đó, sau khi nhận được ám hiệu từ Năm Hùng, đồng chí Năm, 21 tuổi, xĩa chiếc bật lửa ra: “Cái ống quẹt Zippo đẹp quá, trung sĩ ơi”. Thằng quân cảnh “đạn chài” nhào lại “Đâu, đâu, để tao, để tao...”, Năm, Năm Hùng, Tuất, Quý... cùng nhào vô, bẻ tay nó và chĩa ngược khẩu đạn chài vào bọn lính đằng sau. Anh em nói chung đều nhanh tay nhanh chân nhào vô phụ. Thằng quân cảnh đo ván, bất động. Anh em tiến công nhanh, bất ngờ và rất hiệu quả.

Nhờ đã ăn ý với nhau trước, anh em đồng loạt nhào ra mỗi người đều thẳng cánh “nện” cho từng thằng quân cảnh một cây đòn khiêng thùng... và cướp súng chạy. Lúc đó có lẽ hơn 8 giờ sáng. Địch phản kích cũng khá nhanh. Chúng nổ súng và vận động tràn lên cắt xuyên đội hình chúng tôi, 17 người phía sau bị địch chặn lại. Chúng tôi thì cầm cổ, ra sức phóng... Cho đến bây giờ, chưa rõ 17 anh em bị cắt đội hình chặn lại số phận từng người ra sao. Lần đó, vượt trại được 21 người, trong đó có Năm Hùng, tôi và 19 người bạn cùng tù nữa.

Sau khi thoát ra, nếu chạy theo bất cứ đường nào “giữa” đảo thì đều không thoát luôn được. Hoặc bị bắt lại, hoặc hy sinh. Không đụng bọn này thì đụng vào bọn khác. Gần chưa đụng địch thì đi xa hơn cũng đụng. Nơi chúng tôi “đổ thùng” cách bìa khu giam cuối cùng cao lắm là 50 mét. Đông - Bắc bãi “đổ thùng” là đồi 37, có khẩu đại liên án ngữ; Tây - Nam bãi “đổ thùng” đang có tốp lính coi tù binh đồn cây. Chúng tôi phát triển theo hướng Tây - Bắc, lối 400 mét là tới rừng nhum. Khẩu đại liên không thể bắn thẳng vào chúng tôi vì có thể đạn lạc vào số đang coi đồn cây. Khi chúng tôi vào gần đến bìa rừng, địch mới phát huy được hỏa lực bắn đuổi. Thì lúc đó lại khó ăn chúng tôi. Nhưng tai nạn đối với chúng tôi khi vào được rừng nhum lại là lũ dơi quạ. Chúng tôi tới đâu thì dơi quạ tồ ồ ra bay lượn tứ tung. Pháo biển của địch cứ rà theo dơi quạ mà nã vào rừng. Chúng liên tục nã xem xét đội hình chúng tôi. Đêm đầu, chúng tôi tạm ẩn náu tại khu rừng nhum đó.

Nhờ biết trước địa hình, ngày sau, chúng tôi vận động ra ven biển mà đi. Chỉ ven theo men biển mới khai thác được sơ hở của địch, mới có thể còn đường sinh tồn. Sau khi bung ra, chúng tôi và Năm Hùng lạc nhau mấy ngày. Phát triển một đoạn tương đối xa theo ven biển (độ 6-7 cây số) khi biết là đã vượt khỏi trận đồ đóng quân của địch, chúng tôi vận động vào rừng cao. Bị quần trong rừng mấy bữa, nhịn đói, nhịn khát. Trên trời, máy bay địch bắn và kêu gọi inh ỏi. Dưới đất thì bộ binh truy kích, lùng sục. Ngoài biển thì pháo tàu chiến nã vào, chúng hợp đồng chặt chẽ. Nhưng anh em không dao động, sòn lòng. Anh em chúng tôi một phần vì không lường trước nổi, một phần vì chẳng có thứ gì khác hơn có thể ăn được uống được, số đông bị “mệt” vì hậu quả uống quá nhiều nước dừa, chỉ uống nước dừa. Trong tốp tù chúng tôi vượt ngục, có anh Lập (quê ở Bến Tre) không uống nước dừa, cũng không ăn dừa. Anh ăn cá sống - cá anh mò được - với ớt xiêm rừng. Nhờ đó anh Lập là người khỏe nhất. Rà tới rà lui một số khu rừng cao, ít hôm sau, chúng tôi may mắn gặp được người của cơ sở Cách mạng địa

phương trên đảo. Thật không tả được niềm vui, sự mừng rỡ như thế nào! Gặp chúng tôi, anh em biết ngay là những tù binh vượt ngục. Trước khi gặp chúng tôi, các đồng chí trên đảo đã nhận được tin “có tốp tù vượt trại”. Các đồng chí cho người đi dò tìm chúng tôi. Đến đây chúng tôi mới gặp lại Năm Hùng. Dần dần, chúng tôi gặp được các đồng chí lãnh đạo ở đảo. Chúng tôi được sinh hoạt, trao đổi ý kiến và được giao công tác.

Chưa rõ trên toàn đảo Phú Quốc có bao nhiêu xã? Tôi biết được 3 xã: Dương Tơ, Cửa Dương và Hàm Ninh. Trong cánh Năm Hùng phụ trách, có Quý. Quý làm du kích xã Hàm Ninh, chiến đấu một thời gian và hy sinh. Tôi được giao nhiệm vụ Phó chỉ huy trưởng quân sự xã Hàm Ninh. Thời gian sau, tôi được điều động sang làm đội trưởng trình sát công an huyện Phú Quốc. Trong cánh tôi phụ trách (hồi còn trong trại giam) còn có Tiệm và Vũ Sơn (1). Tiệm đã hy sinh rồi. Vũ Sơn nhờ có “tay nghề” thầy thuốc, được địa phương tại đảo rất trân trọng, cố giữ Vũ Sơn lại để phục vụ quân y tại đảo.

Sau chúng tôi, có một cuộc anh em tù phân khu giam C8 đánh lính, vượt trại. Anh em đi làm lao dịch bên ngoài trại giam, do hải quân ngại lãnh đi và coi làm (hình như là đồn gỗ rừng?). Chiều, mãn giờ về, có cơ hội, anh em tiến công, áp đảo bọn hải quân và thoát vào rừng. Tôi không còn nhớ đủ hết số vượt trại chuyên này, chỉ nhớ được 2 người: đồng chí Chín Khoắn và Sáu Khoanh (Sáu Minh) là người chỉ huy cuộc anh em C8 đánh lính và vượt ngục.

Từ trại giam tù binh Phú Quốc vượt ra, nhóm chúng tôi không cùng vượt trại với nhóm các đồng chí Sáu Minh (Sáu Khoanh), Chín Khoắn. Song từ sau khi gặp nhau trên đảo thì chúng tôi lại cùng nhau vượt đảo trở về đất liền. Năm Hùng chỉ huy chuyến vượt đảo đầu tiên, lỗi chục người - vì không đi đông hơn được - thành công. Tôi chỉ huy đi chuyến thứ hai (gồm mười người) đi chung với các đồng chí Sáu Khoanh, Chín Khoắn, cũng thành công, về tới nơi an toàn. Còn lần đi thứ ba, cũng lỗi chục người, thì... cho đến nay, tôi vẫn chưa được tin kết quả ra thế nào...

Sống và công tác ở đảo Phú Quốc vẫn có thể được. Anh em chúng tôi đều biết rằng địa phương đảo Phú Quốc rất cần những chiến sĩ, cán bộ như chúng tôi. Các đồng chí lãnh đạo, chỉ huy, người nào và bao giờ cũng cố gắng thuyết phục chúng tôi yên tâm bám lại công tác lâu dài ở địa phương đảo Phú Quốc. Đồng bào, đồng chí ở đảo Phú Quốc cũng là đồng bào, đồng chí Việt Nam cả. Chúng tôi được biết thực lực các loại ở đảo Phú Quốc thiếu rất nghiêm trọng. Được bổ sung những người đã giác ngộ, biết hoạt động cõ như chúng tôi thì các đồng chí tại đảo rất hài lòng.

Các khu rừng cao, địch biết là địa hình quân ta dựa. Chúng thường trực bao vây phong tỏa, cô lập. Nhưng đồng bào ta ở các địa phương như Cửa Cạn, Hàm Ninh, Dương Đông, Cây Dừa... dù sống trong tình cảnh như “áp chiến lược” vẫn len lỏi tiếp tế giúp đỡ Cách mạng. Nhiều chị em phụ nữ đem gạo, nước mắm “nhĩ” ở Phú Quốc vào cho chúng tôi. Lương thực chủ yếu của anh em là củ nằng. Mới đầu ăn, chúng tôi bị ngầy ngật. Sau quen dần. Lâu thật lâu mới được một bữa cơm “rặc” gạo. Anh em gọi đó là những bữa “cơm tiên” mà thường chỉ dành cho người đau ốm. Bản thân tôi, những

lúc đau ốm, cũng được ăn “com tiên” và được giúp đỡ thuốc men. Tình cảm gắn bó giữa anh em vượt cùng ngục với nhau, giữa anh em vượt ngục với đồng chí, đồng đội và đồng bào địa phương, có thể nói là rất mặn nồng sâu đậm. Khi tôi “tạm biệt” đảo trở về đất liền, anh Hai Quang (cùng đội trinh sát với tôi) khóc muối. Anh ngại tôi về không tới nơi tới chốn, chết dọc đường... Đến sau này, nghe tin tôi đi học ở Hà Nội, anh gửi biểu tôi tiêu hột (sản phẩm ở đảo Phú Quốc). Cộng lại trước sau, số anh em tù binh vượt trại thoát ra độ sáu mươi người tham gia chiến đấu ở đảo, hơn chục người hy sinh. Duy chỉ có một vấn đề ở đây không như địa phương nhà chúng tôi được: đó là việc xem xét và giải quyết “Đảng tịch” đối với chúng tôi sau thời gian bị địch giam giữ, dứt liên lạc với Đảng. Đây là lý do duy nhất khiến chúng tôi không thể yên tâm hoạt động lâu dài ở đảo Phú Quốc. Từ đó nung nấu thường trực trong chúng tôi ý thức tạo điều kiện trở về đất liền. Không được địa phương ủng hộ, giúp đỡ chúng tôi tự mình lo chuẩn bị lấy. Kết hợp trong hoạt động hằng ngày, chúng tôi tiến hành công việc điều tra tìm hiểu về đường đi từ đảo Phú Quốc về đất liền, đường nào không thể đi được? mùa nào không thể đi được? v.v... và lo làm thuyền...

Từ đảo Phú Quốc, như bản đồ đã chỉ rõ: hai đường vượt biển gần nhất về đất liền Việt Nam là về Hà Tiên (gần 40 cây số) và về Rạch Giá (hơn 120 cây số đường biển). Chúng tôi sớm biết được là mình không thể đi được một trong hai con đường đó. Hơn nữa, nếu là đường dây huyết mạch có ý nghĩa sinh tử liên lạc giữa đảo với đất liền thì chúng tôi không được biết con đường bí mật này.

Chúng tôi tự chuẩn bị làm (thuyền bơi) để vượt biển. Thuyền bơi, chỉ có thể đi được là vào những tháng cuối năm trước đến hết quý I năm sau. Lúc đó thời tiết tốt, biển tốt nhưng địch lại tuần tiễu trên biển và trên không rất ngặt. Có lần địa phương đảo tổ chức vào đất liền (Không rõ các đồng chí đi như thế nào) bị địch phát hiện, tiến công và người phải bỏ thuyền, nhảy xuống biển; chỉ sống sót một vài người, trong đó có một đồng chí kể lại là đã bơi hàng chục cây số trên biển... Ngoài những tháng đó thì mưa bão, biển động mạnh có lúc rất mạnh, không ai dám đi bằng thuyền bơi... Nhưng chúng tôi buộc phải chọn lúc biển động để đi (tranh thủ lúc địch sơ hở). Đường chúng tôi chọn phải đi là từ phía Bắc đảo Phú Quốc vượt biển lên hướng Bắc - Tây Bắc, đổ bộ lên lãnh thổ Campuchia và đi lẩn về Việt Nam bằng đường bộ. Thời điểm đó - tháng 5/1971 khomer (đỏ) chưa tiến công khủng bố người Việt Nam yêu nước mà họ còn ủng hộ và giúp đỡ. Đối tượng lúc đó mà chúng tôi cần phải triệt để “tránh” là bọn tay chân Long Nôn (ngụy quyền Campuchia thân Mỹ), nhất thiết không thể để bị bọn này đánh hơi, phát hiện tung tích dấu vết.

Từ đảo Phú Quốc đến vùng “hòn” thuộc tỉnh Kămpôt chỉ chưa đầy 30km đường biển, song để tránh sự tuần tra của địch trên biển và trên không nhằm phát hiện, chúng tôi dự kiến chỉ đi ban đêm, ban ngày thì tìm chỗ nấp, nghỉ. Và khi tạm dừng lại nghỉ (ban ngày) chúng tôi phải khiêng thuyền lên giấu thật kỹ trong vách đá ở rừng tại hòn. Mùa chúng tôi đi nói chung là mùa biển từ động tới động mạnh và có lúc rất mạnh, lắm

khi sóng nhồi như trút cả chúng tôi xuống lòng biển. Từ hòn Nằng, chúng tôi phải tránh tàu địch neo thường trực (phía Đông) đi vòng cung phía Tây, phát triển theo hướng Tây Bắc đi về hướng hòn Phú Dụ và vào Hòn Khô (tỉnh Kămpôt). Đến 1 giờ sáng, trên phần Nam hòn Nằng, chúng tôi vẫn chưa đi được (lý ra phải khởi hành từ chập tối). Thuyền vỡ, bước xuống là chìm. Ở bờ Bắc hòn Nằng, có một đồn nhỏ của quân Long Nôn. Bọn lính nói chuyện lớn, cười giỡn... chúng tôi nghe lồng lộn. Đồng chí Đạt định liều mạng dùng hết cả lựu đạn “da láng” và súng (lỗi một chục quả) tiến công đồn bọn Long Nôn ở hòn Nằng để cướp thuyền. Anh em đều nhận thấy kế hoạch đó là quá phiêu lưu. Đánh được hay không? đánh sao cho đạt yêu cầu và tên thợ máy (lái tàu) không chết thì mới mong đi tiếp được (vì anh em chúng tôi chẳng ai biết lái tàu đó). Thống nhất là cố vá thuyền, không đánh đồn. Dùng ni-lông che mưa bọc bên ngoài thuyền, nhét ni-lông vào kẽ ván (như một kiểu trét chai...). May mắn là làm cách này thì tiếp tục đi được. Bơi càng nhanh, thuyền lướt tới mạnh thì ni-lông càng áp sát ván thuyền, nước không chen vào nhiều được, có thể vừa đi vừa tát... Trong nhóm 10 người chúng tôi, cũng may là có 3 người có kinh nghiệm đi biển.

Dân Khơ-mer, Việt Kiều, Hoa kiều ở Hòn Khô rất yêu thương và trân trọng chúng tôi, chúng tôi tranh thủ kể lại việc tổ chức vượt biển cho nhân dân, đồng bào tại chỗ và lực lượng Khơ-mer “đỏ” nghe. Khơ-mer “đỏ” cũng tỏ ra tốt với chúng tôi. Họ tặng chúng tôi một con chó (dùng làm thực phẩm). Khi đã chuyển sang đường bộ - dù còn thuộc lãnh thổ nước bạn Campuchia, chúng tôi nhận thấy thuận lợi hơn, chắc ăn hơn. Bọn Long Nôn tuy hung hăng tàn ác nhưng lại bị cô lập hết sức thâm hiểm ngay chính trong nhân dân Khơ-mer. Nơi chúng tôi bỏ thuyền, chuyển sang đường bộ là địa bàn tỉnh Kăm-pôt. Chúng tôi nhờ dân và cơ sở Cách mạng Khơ-mer chỉ đường đi nước bước, lần dò đi qua lãnh thổ các tỉnh Kom-pong Xpư, Kom-pong Xơ-năng, Kom-pong Tha-la, Kong-pong Cham và Kra-chê. Cuối cùng, tháng 9 năm 1971, chúng tôi về đến Ban tổ chức TWC ở Tân Biên (Tây Ninh).

Một ngày ở trong tù như nghìn thu ở ngoài. Cho nên, nhất nhật tại tù như thiên thu tại ngoại. Ai cũng hết sức muốn được “tháo cũi xổ lồng”. Ở cái trại giam tù binh Phú Quốc này còn biết bao nhiêu tội ác man rợ mà bọn cai ngục dành cho anh em tù binh. Không chỉ đau đớn về thể xác mà còn tủi nhục và luôn căng thẳng về tinh thần. Cho nên vượt ngục được, về được với đồng chí, đồng bào luôn là khát vọng cháy bỏng của anh em trong tù.

Dẫu không phải là nhà thơ, tự biết bút pháp của mình còn rất vụng về, tôi vẫn không kìm chế được cảm xúc, viết mấy câu ngẫu hứng sau đây ca ngợi ý chí kiên cường dũng cảm của đồng chí, của anh em (*sáng tác trước khi vượt trại giam*):

Sân tù là một bãi tha ma

Chuông cọp ngoài trời, nắng cháy da

*Dùi cui, ma trắc kha xương trắng
Ta chết không lo, lo Bác⁽¹⁾ già*

*Chốn này, cảnh đó, hai trận tuyến
Không thể tìm mình bị ố lem*

*Gió ơi gió thổi về phương Bắc
Nhắn gửi lòng ta đến Bác Hồ
Không sợ chết, ta yêu cuộc sống⁽²⁾
Quyết vượt nhà lao phá ngục tù*

*Kia ngục Côn Lôn, đây Phú Quốc
Lửa hận bùng lên chín tầng cao
Dù cái chết đã kề gang tấc
Nguyễn thể quyết đập đổ nhà lao*

*Dù chẳng súng gươm, cũng trận đồ
Từng lời Bác dạy hóa binh thư
Trái tim thể quyết thay gươm súng
Đem máu hồng ra dệt bài thơ.*

NGUYỄN VĂN DIỆP
(Cựu tù ở nhà tù Phú Quốc)

(1) “Bác” là Bác Hồ

(2) Nho giáo lên án những kẻ “tham sống, sợ chết” bằng câu chữ sau: “tham sinh, úy tử” (khi cần phải hy sinh thì lại sợ chết, không dám hi sinh)

KÝ ỨC: OÁN HẬN KẺ THÙ

Otrại giam Phú Quốc, bọn Mỹ - Ngụy không từ một thủ đoạn thâm độc và hành động dã man nào để đối xử tàn bạo với tù binh. Chúng như một lũ “mặt người dạ thú”. Còn nhớ, vào khoảng tháng 7 năm 1968 tại khu 4 của trại giam, địch bắt hàng ngàn tù binh khi nhập trại cởi hết quần áo nằm ngửa giữa cát nóng rồi từng đoàn quân cảnh, chân giày đinh thi nhau đạp giẫm trên bụng tù binh hết người này qua người khác. Chán chê rồi chúng lại kiếm chuyện, hỏi anh em “mặt trời Phú Quốc này tròn hay là méo”, anh em bảo là tròn, chúng lại chửi - “Đ má mày, mặt trời ở đây méo”. Thế là chúng lại hành hạ anh em cả mấy tiếng đồng hồ giữa trời nắng. Một số anh em từ các vùng chiến thuật chuyển ra, chúng gọi là số đen, và thi nhau đánh đập càng dã man và khốc liệt. Khi tù ra khỏi trại để đi làm, chúng tuyên bố ở đây không có chế độ đi - mà chỉ có chạy, thế là đi đâu làm gì người tù đều phải chạy. Chúng bắt từng tốp tù leo lên những quả đồi trọc có đá - Rồi tự mình phải lăn tròn xuống chân đồi, ai lăn không nhanh là chúng nó đá. Khi đi vào rừng lấy củi, khúc củi đáng phải 10 người khiêng nhưng chúng chỉ cho có 6 người - Nếu ai kêu nặng quá là lập tức chúng nắm đầu người đó kéo ra ngay - Còn lại cũng phải nhắm mắt cong lưng mà chạy. Vừa đi súng AR15 chúng bắn xối xả dưới chân anh em, và nói “thằng nào chết, chúng tao chỉ có mất một tờ trình mà thôi”. Thật vậy, đó chỉ như những trò chơi của chúng.

Chưa hết, chúng bắt anh em tù một tay nắm lấy tai của mình, một tay thì chống xuống đất, cứ thế mà xoay, xoay được vài vòng chống mặt lăn xuống, là chúng nó lại đá. Hết trò này, chúng lại bày trò khác, bắt tù binh chống đầu xuống đất đưa chân lên trời, ai không chịu được ngã xuống là chúng lại đá xối xả vào người. Chúng bắt tù cầm đầu xuống đất, hất người về phía trước cứ thế mà lộn, ai lộn chậm lại bị chúng nó đá. Bắt chúi đầu xuống hai chân gác vào hàng rào kẽm gai chống 2 tay lên, phải có độ dốc từ 70 đến 80, nếu thấy tay ai run là chúng nó đá ập anh em vào dây kẽm gai luôn. Rồi lại tiếp tục giờ trò khác. Thật không sao nói hết sự tàn ác của chúng.

Còn tại phòng làm việc của các Trưởng khu - thì đủ phương tiện để chúng đánh đập tra tấn anh em: Roi đuôi cá đuối, quất vào trước ngực thì cái đuôi roi phải lấy đi một miếng thịt sau lưng tù. Chúng dùng đinh 10 phân để đóng vào sống chân tù binh, dùng roi điện mỗi lần quất vào thân thì cả người phải nhảy xô lên, bắt nằm xuống dưới một tấm ván, phía trên một tấm ván nặng đè lên thân tù, gọi là ép ván. Dùng vải nhựa bọc kín người tù, bỏ giữa cát nóng và ngoài trời nắng, gọi là phơi. Đu dây là dùng dây buộc 2 chân tù xong treo ngược cho lơ lửng, rồi dội nước, tra điện v.v... Nếu người tù nào mà chúng cho là bị kỷ luật phải ra trình trưởng khu, thì phải chịu những hình phạt đó, tự mình chọn lấy một phương tiện để xài!

...

Nhưng, địch càng đàn áp dã man bao nhiêu thì tinh thần cách mạng của người tù càng dâng trào, chí khí càng kiên cường bất khuất, lòng căm thù địch sục sôi dâng cao lên tột độ. Nhiều đồng chí vô cùng dũng cảm, bất chấp hiểm nguy, chống lại địch hoặc tìm cách vượt ngục trở về với đơn vị...

Như đồng chí Bích quê ở Nam Định trước là lính đặc công hoạt động ở nội thành Sài Gòn - anh đã hai lần chui ra khỏi hàng rào dây đặc kẽm gai của trại giam nhưng đều bị địch bắt lại, lần thứ ba anh lại tiếp tục chui ra khỏi trại lại bị bắt lại (việc chui ra khỏi trại bằng kiểu này thường bị bắn chết). Biết thế nào anh cũng vẫn sẽ vượt ngục bằng cách này, nên chính tay chỉ huy trưởng vào tận trong trại giam tuyên bố là nó tôn sùng anh là một người anh hùng và thực sự kính nể...

Có đồng chí bệnh nặng anh em khiêng lên trạm xá, chúng cho uống nhầm thuốc, tưởng mình sẽ chết, nên liền hô to khẩu hiệu: *"Hồ Chí Minh Muôn năm, Đảng Lao Động Việt Nam muôn năm"* ba lần như thế khiến bọn địch cũng phải khâm phục và tôn



*Anh em tù binh Phú Quốc
giơ cao cờ cách mạng
(do anh em tự làm trong tù)
trong giờ phút được trao trả
(1973)*

Ảnh: TL

trọng anh (anh Tuấn). Tại phân khu B5 anh em đã tuyệt thực 3 ngày ngồi giữa trời đòi Bộ chỉ huy trại giam xuống giải quyết nhưng chúng không xuống; thế rồi bước sang ngày thứ 4 anh Sơn người Thanh Hóa tự đưa ra một cái bàn đặt trước mặt hàng ngàn anh em, rồi tự anh mở bụng moi ruột mình ra bắt lũ địch phải xuống giải quyết - Phong trào đấu tranh tập thể của các trại giai đoạn này rất sục sôi và quyết liệt, mặc cho chúng cứ đánh xối xả anh em vẫn cứ ùn ùn xông ra, hô vang khẩu hiệu “*Đả đảo đế quốc Mỹ, đả đảo bè lũ Thiệu Kỳ bán nước*”. Khắp trại giam âm vang và rung động một trận chiến tay không xông tới trước họng súng của quân thù.

Và cũng từ đây, từ cấp sĩ quan các trưởng khu, chỉ huy trưởng và các cố vấn Mỹ lần lượt phải tới từng trại giam giải quyết từng yêu sách của tù binh.

Những yêu sách ấy là: Không được bắt tù binh làm những công việc mang tính chất quân sự và không làm những việc có tính chất tồi tệ và hèn hạ; Tù ra khỏi trại lính không có quyền đánh đập; Đại diện của trại và các trưởng phòng phải là người do anh em bầu ra; Phải cung cấp đầy đủ chế độ ăn - ở, sinh hoạt, giờ giấc, học văn hóa, hội họp, phải đối xử tử tế. Do anh em đấu tranh quyết liệt nên có thời gian hầu hết các yêu sách mà anh em đề nghị cuối cùng chúng phải chấp nhận và thực hiện.

Sau khi Hiệp định Pari được ký kết, phái đoàn Việt Nam dân chủ cộng hòa và phái đoàn cách mạng Lâm thời giải phóng Miền Nam ra thăm tặng cho anh em mỗi người 2 điều thuốc, 1 điều Điện Biên và 1 điều Thủ đô anh em nhận ra ngay ý nghĩa: Điện Biên là chiến thắng, Thủ Đô là trở về Tổ Quốc, cầm điều thuốc nâng niu mà không sao cầm được dòng nước mắt; có lẽ không ai hiểu nỗi sự vui sướng vô hạn này bằng người tù ở Phú Quốc lúc đó đâu...

Ấy thế mà trước giờ trao trả, địch còn giở thủ đoạn: Đưa xe tới chở anh em, trên xe chúng cấm đầy cờ của ngụy, thế là anh em không chịu lên xe, đấu tranh bắt chúng phải gỡ hết cờ đi, dằng co mãi cuối cùng chúng đành phải gỡ. Rõ ràng cái tin: “Chiến thắng trở về” mà Đảng và nhân dân ta đã tặng cho anh em, thật là vinh dự và xứng đáng.

Thời gian trôi qua, nhưng biết bao kỷ ức, bao sự oán hận kẻ thù vẫn còn đó. Và, biết bao tiếng hát lời ca rung động trong nỗi lòng anh em cựa tù mãi mãi không bao giờ phai.

TRẦN TIẾN ĐAN
(Cựu tù binh Phú Quốc)

NGƯỜI TÙ BINH TRẠI GIAM PHÚ QUỐC BỊ KÊU ÁN TỬ HÌNH

Trên thế giới, qua hai cuộc đại chiến, tù binh của hai bên chưa có vụ nào bị đưa ra Tòa xử án và kêu án. Vậy mà trong cuộc chiến ở Việt Nam, lại có chuyện 56 tù binh tại trại giam Phú Quốc bị 21 phiên Tòa (TAQSĐBV4CT) quân sự đặc biệt vùng 4 chiến thuật Cần Thơ của Mỹ - Ngụy xử án và kêu án đến mức chung thân và tử hình.

Trong 21 vụ án có một không hai xảy ra tại cuộc chiến tranh mà một bên là Mỹ, kẻ xâm lược, một bên là chiến sĩ và nhân dân Việt Nam thuộc lực lượng yêu nước chống xâm lược, kéo dài mấy chục năm trời thật ác liệt.

... Tù tù Đoàn Thanh Phương, tham gia cách mạng từ năm 1960, 6 năm sau bị địch bắt về trại giam tù binh Cần Thơ rồi đầy ra trại giam tù binh đảo Phú Quốc. Từ phân khu giam nhà lều A4 (năm 1968) bị đầy đi nhiều phân khu. Ở tất cả các phân khu, anh nhận làm y tá trại giam lo lắng sức khỏe bệnh tật cho anh em tù binh. Nhiều lần anh bị nhốt chuồng cọp dài ngày. Hình phạt này anh phải chịu đựng mưa, nắng, ngày, đêm, lúc thì nóng như lò nung, khi lại lạnh thấu da. Cái chết lúc nào cũng kề bên, tinh thể ngàn cân treo sợi tóc.

Vào chuồng cọp, anh suy nghĩ tìm mọi cách tung chuồng về quê hương đơn vị như hồ mong về rừng về núi... Anh vượt ngục 4 lần nhưng không thoát. Ra chuồng cọp, anh đấu tranh đòi thuốc men cho bệnh nhân, đưa tù binh đi khai bệnh kiểm thuốc về chữa trị cho anh em. Cái giá anh phải trả cho các cuộc vượt ngục và đấu tranh là bị địch nhổ mất 10 móng tay và 2 móng ngón chân cái v.v...

CHUỒNG CỌP, BIỆT GIAM; BỆNH XÁ LÀ NHÀ XÁC

Khét tiếng nhất trên toàn trại giam tù binh đảo Phú Quốc có trung úy Hiền, Tổng giám thị kiêm trưởng ban an ninh, là tay chân đắc lực của Chỉ huy trưởng trại giam.

Hiền thích dùng mũi giày sút vào ống chân tù binh què đi không được để hấn nhin và cười. Có khi Hiền còn dùng Judo quật ngã tù binh để trở tài võ thuật của hắn. Hiền ác

đã đành, giám thị là một ê kíp khủng bố tù ác đã đành. Đàng này, đội quân thầy thuốc của trại giam cũng ác không kém. Chính lính quân y cũng góp phần đưa tù binh ra đội 100 và đội 37 lên tới con số hàng ngàn tại bãi tha ma hải đảo.

Đồ đệ giỏi nhất về tra tấn trên đảo có thượng sĩ Nhất Nhu. Nhu đã từng đi hiến binh (HB) Nhật, hiến binh Pháp đến quân cảnh thời Diệm tới thời Nguyễn Văn Thiệu. Cái tuổi 50 lúc đó, Nhu lớn hơn trung úy Hiền gần 10 tuổi nhưng Nhu vẫn luôn luôn thể hiện hấn là đồ đệ tra tấn tù có tầm cỡ để Hiền khen và không để ý đến Nhu là người sợ tù trả thù sau này.

Nhu được Tổng giám thị Hiền giao làm Trưởng giám thị khu 2, kiêm luôn giám thị nhà lều biệt giam sân cỏ khu 2. Những năm 1969 - 1970 ác ôn nhất là Nhu. Tù binh lên án như vậy. Hấn có biệt tài đục răng cửa của tù binh, đục lưng lưng nón sắt QC được bọn an ninh tán thưởng. Chính Nhu bắt tù binh khu 7 tên là Bảy Ni (quê Củ Chi) bị nghi là Bí thư Chi bộ, để trực tiếp tra tấn, đánh nhóm tù binh anh Bảy Ni bằng đòn dùi cui vào mắt cá chân, cùi chỏ, gót chân, đầu gối, bàn tay. Nhu có gậy đầu xanh đầu đỏ (sinh tử) đánh 10 cây (xanh) phồng lên như chiếc bánh cam xong sau đó máu chảy đầm đìa. Hấn bảo đó là cho ra máu độc. Nhu cùng tên thiếu úy Minh, dùng đục thợ mộc lấy 2 bánh chè đầu gối tù binh Bảy Ni. Máu chảy lênh láng. Chúng nướng cây cọc sắt đỏ lên rồi ngay mép lỗ đầu gối mà hấn bảo là “kiểu cầm máu”. Tù binh Bảy Ni một mực không nhận lời vu khống của Nhu. Anh thét lên, hô lên vang cả khu 2 khi biết mình sắp chết:

- Đả đảo bọn giám thị ác ôn!
- Bác Hồ muôn năm! Bác Hồ sống mãi...

Sau một ngày, 2 đêm Nhu lấy mất nhiều răng của Bảy Ni. Tay chân anh bị dùi sắt nung đỏ đâm xuyên 2 bắp chuối 2 chân, 2 bắp thịt tay. Thịt cháy xèo xèo có khói, thật ghê rợn kinh người. Đó là hành động tra tấn thời trung cổ. Bảy Ni được anh em đưa đi bệnh xá uống vài viên thuốc không nhằm nhò; Trở về biệt giam, sức đuối dần mà Nhu vẫn tiếp tục tra hỏi :

- Ai là Bí thư Đảng ủy? Ai là Bí thư Chi bộ?

Nhóm tù binh bị tra tấn có tù binh tên là Gương (quê Thái Bình) cũng như Bảy Ni một mực không nhận lời ghép tội của chúng. Tên Minh và tên Nhu đánh thanh sắt vào đầu anh Gương 5 cái chết luôn.

Sau đó, anh Bảy Ni tắt thở trên tay Phương, một người đồng đội tin cậy.

Đó là một ngày tù binh biệt giam bị hành hạ dã man. Từ đầu năm 1969 đến giữa năm 1970; tù binh biệt giam khu 2 chết bao nhiêu? Chôn ở đâu? Đội 4G đâu? Tù bị giết chết nằm luôn ở đó đếm được bao nhiêu? Phương không thể nào nhớ, chỉ nhớ lời trần trời của anh Bảy Ni phút cuối cùng:

- Em về nhớ đến nhà vợ con anh ở Củ Chi. Hãy bảo vợ anh rằng anh vẫn giữ được truyền thống Đất Thép thành đồng, bảo vệ được tổ chức. Hãy nhắc các con anh phần đầu vươn lên... và rồi anh Bảy Ni tắt thở ngay tại chuồng cọp biệt giam mẫu mực điển

hình trung cổ nhất, hiện đại nhất để giết người, mà chính Mỹ đã sáng tác ra nó từ trung tâm huấn luyện Foort - Brass, miền Tây nước Mỹ.

Tính mạng tù binh chỉ đáng giá một tờ trình 2 đồng bạc. Thường giám thị, lính quân cảnh hay thách đồ tù như vậy. Nhất là những kẻ như Thượng sĩ Nhu giết tù như ăn cơm bữa của hắn; Chuồng cọp, biệt giam là chỗ tra tấn giết tù hàng giờ trên đảo.

Còn số thầy thuốc, lính quân y, đội quân áo choàng trắng biến trạm xá, bệnh viện thành nhà xác...

Sự thật ấy Phương thấy trực tiếp tại trạm xá, bệnh viện trại giam Phú Quốc. Tù binh xin thuốc phải chào nghiêm, xưng số tù, là tù binh cộng sản xưng danh tánh, thầy thuốc dùng cây can (gậy) ruột mít gõ vào chỗ đau, gõ vào ngực và ghi thuốc cho vài viên. Thường thì tù binh chỉ được nhận thuốc HR trị bệnh nóng lạnh, ỉa mưa, ghẻ lở, đau xương, đau mắt, đau đầu; thuốc Nivaquin (sốt rét) thì không thiếu. Tù nhân uống ngoài sân. Thậm chí bắt tù binh nhai không có nước trước uy vũ của giám thị. Có tù binh hấp hối, quân y buộc họ phải ký tên chiêu hồi mới chích thuốc, tù binh lắc đầu thì chúng bỏ mặc cho họ tắt thở chết nhanh trong giây lát. Tù binh chưa chết hẳn bị bỏ vào nhà xác là thường tình vì tờ trình "2 đồng" bạc đã báo xong lên thượng cấp, được mang tù ra đổi 100. Nhiều khi tù còn bị chích thuốc ngủ hoặc bị chích thuốc kích thích nhịp tim dẫn đến cái chết nhanh chóng. Đối với bệnh trúng gió, khó thở trong trại giam thường thì khiêng đi trạm xá rồi không thấy về nữa... Nội quy đi khai bệnh là phải đi nhanh, cầm công nhau, diu nhau. Tù binh khai bệnh nói nhỏ để bị thôi, bị đập vào ngực, vào bụng đau nhói ngắt xiu.

Tù binh Phú Quốc làm sao quên được thiếu úy Dội, một tên sĩ quan nguy mặc áo choàng trắng, là biểu tượng của thần chết nhà xác. Chính tên này đã ra một toa trị bệnh cho tù binh đau thận bằng cho uống thuốc an thần. Bệnh nhân ngủ, cho chích thuốc Strichine vào mạch dẫn đến bệnh nhân chết ngay tại chỗ.

HÀNH ĐỘNG CỦA TÙ BINH CHUỒNG CỌP BẢO VỆ TỔ CHỨC BÍ MẬT

Trại giam phát triển thêm khu giam. Tù giam bị khủng bố ác liệt, đẫm máu, xương nát thịt tan. Trước nỗi khổ, nỗi đau của tù binh, nhất là trước cảnh tù binh hấp hối làm cho nhóm tù binh chuồng cọp ăn thề kết nghĩa Phương, Minh, Quang đau lòng, xót xa. Nhưng họ phải quay về rừng mới mong cứu đồng đội. Các anh nghĩ như thế nhưng mộng không thành.

... Sau những ngày đau thương của dân tộc, Bác Hồ qua đời, ngày 02-9-1969, Ban trật tự nổi lên, tiếp tay cho giám thị đàn áp tù binh. Máu đổ đỏ sân tù.

Giữa hoàn cảnh đó, một tên phản bội ác ôn xuất hiện. Đó là tên Lê Ba, an ninh chìm từ A4 năm 1968 đến năm 1971, tội ác làm tay sai của hắn đã đến bẽ dày không thể tha thứ được.

Ngày 13-1-1971, vừa từ biệt giam chuồng cọp vào phân khu giam B5, Phương gặp ngay tên Lê Ba được đưa từ B7 qua nhằm tăng cường với trật tự B5 tiến hành ngăn chặn tù binh tổ chức tết năm 1971 và tiến hành đánh phá tổ chức, lập Khu tân sinh hoạt. Phân

khu giam B5 đã có trên 10 trật tự viên, nổi lên gần 20 tên và tên Lê Ba được giao làm trưởng ban trật tự trại B5. Tổ chức bí mật trại giam giao cho Phương và nhóm tù binh chuồng cạp biết rất rõ về Lê Ba xử lý tên này. Sau khi hành động xong phải vượt qua được thử thách ác liệt là sự trả thù khai thác của an ninh trại giam.

Nhóm tù binh Phương, Quang, Minh nhận thực hiện hành động giết tên Lê Ba ngay trong đêm hăn vừa nhập trại B5 chưa kịp móc ráp bọn xấu trong trại này. Giết xong Lê Ba, nhóm tù binh chuồng cạp quăng xác tên này ngoài nhà cầu. Do được báo động, QC kéo vào trại tiến hành điểm danh và bắt nhóm tù binh vừa tù chuồng cạp vào thuộc thành phần sổ đen đặc biệt và một số khác để khai thác đánh phá tổ chức. Vụ việc vừa xảy ra quá nhanh chúng không trở tay kịp.

Đề tài khai thác của an ninh trại giam tập trung các điểm chủ mưu vụ giết Lê Ba là ai? Ai là Bí thư Chi bộ? Ai là Bí thư Đảng ủy?

Nhiều tù binh bị đánh đập dã man. Mặc dù nhóm tù binh hành động bị đánh đập tàn ác hơn, trong khi vết thương chuồng cạp biệt giam chưa lành, nhưng vì bảo vệ tổ chức nhóm tù binh nhận vụ án do nhóm hành động theo kiểu tư thù không có tổ chức, không dính đến bất cứ ai.

NHÓM TÙ BINH TRƯỚC PHIÊN TÒA XỬ ÁN CẦN THƠ (15-6-1971)

Nhóm tù binh Phương, Minh, Quang bị đưa đi Cần Thơ chờ ra Tòa xử án. Chúng không cho tù binh vào trại giam Cần Thơ mà giam 3 người vào thùng “cát sô” suốt cả 2 tuần lễ. Vết thương từ chuồng cạp chưa lành, nhóm tù binh chuồng cạp liên tiếp bị tra tấn nhiều ngày kéo dài đến ngày ra tòa.

Tại phiên tòa quân sự (ngày 15-6-1971) vùng 4 chiến thuật Cần Thơ xử 3 tù binh Phú Quốc và 10 lính Sài Gòn thuộc tù quân kỷ. Phiên tòa do Đại tá Lạc ngồi ghế Chánh án.

Tòa hỏi nhóm tù binh Phú Quốc:

- Tại sao lại giết Lê Ba - là người cùng ở tù chung các anh tại đảo Phú Quốc?

Tòa hỏi tiếp, dồn dập:

- Có bao nhiêu người tham gia giết Lê Ba? Ai lãnh đạo làm việc đó?

Tù binh Phương trả lời trước:

- Lê Ba là tên chiêu hồi, quay lại đánh đập anh em chúng tôi tàn nhẫn quá. Y đánh tù binh bằng củi đòn, bằng cây khiêng thùng nước, bằng cây cọc sắt rào áp chiến lược v.v... Lê Ba còn theo lệnh giám thị đánh tù binh bằng roi cá đuối, tra điện, đổ nước mắm vào mũi, rọi bóng đèn vào con ngươi của mắt tù binh. Do đó, tôi giết Lê Ba. Tù binh Minh và Quang cũng nhận cùng tham gia 3 người giết Lê Ba bằng cách bóp cổ, móc mắt đến lúc Lê Ba chết.

Phiên tòa xử ngắn ngủi như vậy: Sau khi nghỉ 15 phút nghị án và buộc tội nhóm tù binh, Tòa tuyên án :

1 - Trần Văn Minh, 15 năm khổ sai,

2 - Trần Văn Quang, 20 năm khổ sai,

3 - Đoàn Thanh Phương phạm các tội chỉ huy 2 tù binh giết người, tội vượt ngục 4 lần, tội bắt trói Quân cảnh, tuyên án tử hình.

Ba tù binh phản đối bản án của Tòa và cùng la lên thành tiếng: Chúng tôi không có tội?

Quang và Minh giựt chân ghế ném vào bàn Chánh án, Quang thét to:

- Các ông mới là người có tội? Phải xử các ông... Ngày hòa bình chắc chắn chúng tôi về, các ông sẽ phải ngồi tù thay chúng tôi!...

Phiên tòa náo động, phải kết thúc và không xử tiếp các tù Quân kỷ can án đào ngũ, đánh sĩ quan, bất tuân thượng lệnh, tù Quân kỷ cảm ơn tù binh. Thân nhân tù Quân kỷ chen vào cho thuốc, bánh và kẹo, đủ thứ nhét vào tay nhóm tù binh.

Sau ngày đó, Bộ Quốc phòng nguy quyền Sài Gòn cho đầy 3 tù binh về khám Chí Hòa giam một tháng. Tại Chí Hòa, nhóm tù binh gặp thêm một nhóm tù binh từ các phiên tòa trước đang ở các xà lim đấu tranh hàng ngày chống đánh đập, chống xé lẻ hành hạ tù binh. Thực chất là tù binh Phú Quốc cảnh giác địch thủ tiêu tù binh có án bị giam tại khám Chí Hòa. Phát huy truyền thống trại giam tù binh Phú Quốc, tù binh đấu tranh không ngừng khiến giám thị khám Chí Hòa có lúc mất ăn mất ngủ.

Tù binh Phú quốc có đến 56 người, với 21 phiên Tòa xử án tại vùng 4 chiến thuật Cần Thơ và bị kết nhiều mức án từ 10 năm tù khổ sai, đến chung thân khổ sai, tử hình. Rồi đây kẻ thù có thể thủ tiêu vì chúng không cho anh em trở lại đảo Phú Quốc và rất sợ anh em trở lại Phú Quốc.

Sáng ngày thứ 32, tại Chí Hòa có một tù binh tình nguyện mổ bụng đấu tranh đưa đến thắng lợi 56 tù binh Phú Quốc giam chung một trại đến ngày đầy ra Côn Đảo cùng một chuyến.

Hai mươi một phiên Tòa - Tòa án Quân sự Cần Thơ.

Mấy chục năm đã qua. Tù cách mạng hợp mặt nhiều lần, tay bắt mặt mừng. Nổi mừng đến rung rung lệ của người tù khi gặp mặt nhau. Tù binh Phú Quốc ngỡ tưởng số tù binh bị đầy về Chí Hòa, đầy đi Côn Đảo chắc địch đã thủ tiêu, không còn nữa...

Nhóm tử tù này, các anh Phương, Minh, Quang còn sống. Có gì vui mừng hơn là các anh còn sống và 55 tù binh Côn Đảo còn sống. Đế quốc Mỹ, kẻ thù thâm hiểm quá sức. Những trang sử oai hùng của Quân đội và những tư liệu thật éo le, đã từng bị lãng quên, nay được khơi lại khiến cho lòng người không thể không xúc động về trại giam tù binh Phú Quốc và người tù binh Việt Nam.

LÊ ÚT LONG

(Cựu tù binh Phú Quốc)

VƯỢT NGỤC VÀ KHÁT VỌNG TRỞ VỀ VỚI CÁCH MẠNG

Khi chẳng may sa vào tay giặc, cuộc đời chiến đấu của người chiến sĩ cách mạng đã chuyển sang một bước ngoặt mới, tự do bị tước đoạt, thân xác bị vùi dập, bị khảo tra, giày vò bất kể lúc nào, ngày giờ nào, sinh mạng chính trị luôn bị đe dọa, nhất là thời gian địch tiến hành chiến dịch cưỡng ép chiêu hồi, mạng sống như con ong cái kiến, quân cảnh muốn bắn chết, đánh chết, đóng đinh cho chết lúc nào cũng được...

Chúng thả sức dọa dẫm, làm nhục tù binh với những hình thức hết sức man rợ chẳng khác thời trung cổ. Những đau đớn, nhục nhằn đó cao vợi vợi, sâu thẳm không thể nào kể hết được.

Do vậy, bất cứ người tù binh nào còn gắn bó với cách mạng cũng đều muốn trở về cuộc sống tự do, muốn được tự quyết định mọi sinh hoạt của mình, muốn được thoát khỏi sự đau đớn của khảo tra, đánh đập, thoát khỏi sự tủi nhục của những thóa mạ thấp hèn, muốn được cầm vũ khí bắn thẳng vào đầu quân địch để trả mối thù của đất nước và cũng là món nợ máu của bản thân mình.

Ý thức vượt ngục thôi thúc anh em điều tra nghiên cứu cách bố phòng của địch, các quy luật canh gác, tuần tra của chúng để tìm cách ra đi, từ cách bí mật lặng lẽ đến việc dùng sức mạnh đánh quân cảnh, hải quân giật súng trở về với cách mạng. Có những kế hoạch dự kiến khoảng 60-70 phần trăm thành công, nhưng cũng có kế hoạch dự kiến chỉ năm mươi phần trăm thắng lợi anh em cũng vẫn kiên quyết tiến hành đủ thấy khát vọng tự do của tù binh ở Trại giam Phú Quốc lớn thế nào.

Có lần anh em ở D5 nghiên cứu kế hoạch dùng chiến thuật “Nở hoa trong lòng địch”. Theo kế hoạch, tuyển 1 người khoẻ mạnh, có kinh nghiệm chiến đấu võ trang, cho đi khám bệnh như những người thường. Khi ra đến trạm xá trước phân khu, các anh diệt hai tên quân cảnh áp giải và tên y tá ở trạm xá thu ba khẩu súng AR15. Sau đó mọi người dùng súng quay lại diệt tên lính ở trên chòi canh phía trái, một tổ tiến lên diệt tên

lính ở chòi canh phía phải, một tổ với một khẩu AR15 vận động tiếp cận diệt ổ đại liên trên đồi rồi cùng nhau chạy ra khu rừng phía sau đồi tìm đường về với cách mạng.

Anh em say sưa nghiên cứu, phân công người nhiều lần đi khám bệnh để quan sát thực địa, cùng diễn tập theo kế hoạch đề ra cho mỗi người thông suốt nhiệm vụ của mình, đồng thời bổ sung những chỗ chưa được ổn lắm.

Kế hoạch được báo cáo lên trên. Đảng ủy nghiên cứu thấy chỉ có khoảng 30 phần trăm thành công và đi thoát chẳng được mấy người vì còn lính ở hai nhà dù phía sau, còn lính bảo an ở vòng ngoài và nhiều đơn vị khác sẵn sàng ứng chiến. Với lại, trận đánh diễn ra vào buổi sáng, thời gian còn quá dài để anh em có thể nhờ đến màn đêm nên phần thắng lợi càng bị thu hẹp lại. Anh em nói, chỉ cần một phần ba đi thoát là anh em sẵn sàng chấp nhận. Đảng ủy thấy kế hoạch chưa có cơ sở vững chắc, sự hy sinh như vậy là quá lớn nên không đồng ý.

Vượt ngục rất nguy hiểm và phải chịu nhiều hy sinh, nhưng ở lại chiến đấu để bảo vệ tính mạng, tinh thần của anh em tù binh và của bản thân mình cũng không kém phần hiểm nguy và chết chóc. Đó là chưa nói đến sự hành hạ đòn đau về thể xác và sự tủi nhục về tinh thần. Do đó, tùy hoàn cảnh, điều kiện của từng người và tùy tình hình từng nơi từng lúc mà quyết định người vượt ngục, người ở lại đấu tranh. Không nên đánh giá hành động nào đúng cảm, cao cả hơn hành động nào. Không thể nói “toàn bộ giá trị và phẩm tiết của người tù cộng sản là dám vượt lên tất cả để thoát tù trở về chiến đấu”, bởi lẽ hành động luôn mắng thẳng vào mặt quân địch là bọn bán nước trong khi chúng dùng sắt nung đỏ nhiều lần đâm xuyên qua cả hai bắp chuối chân, trong khi chúng đục lấy cả hai xương bánh chè như anh Bảy Ni không thể là kém dũng cảm, kém giá trị và phẩm tiết hơn người chui rào vượt ngục. Cũng không thể và cũng không ai nói rằng: “Vì còn nhiều nhiệm vụ trong tù nên tôi chưa thể bỏ anh em ra đi được”, bởi vì người này đi thì có người khác tiếp tục lãnh đạo đấu tranh. Với lại, địch không để người nào ở mãi trong một phân khu và cũng không ai, không có một cấp ủy Đảng có thẩm quyền nào ở bên ngoài giao nhiệm vụ cho ai để tiếp tục ở lại lãnh đạo đấu tranh trong tù.

Tất cả những sự việc khác cũng thế. Nên tiếp cận cho được thực tế khách quan, phân tích cho đúng bản chất của sự việc để không làm tổn thương đến tính chất anh hùng và sự trong sáng thủy chung của những người chiến sĩ cách mạng trong cuộc đấu tranh vô cùng nghiệt ngã này.

Ý chí vượt ngục luôn nung nấu, anh em ngày đêm suy nghĩ, tìm cách vượt ngục nên có những cuộc vượt ngục do sự lãnh đạo của Đảng ủy hay ít nhất của một tập thể nhỏ trong tù, nhưng cũng có những cuộc vượt ngục tự động lẻ tẻ một, hai người hay một tổ.

Một số ít cuộc vượt ngục hoàn toàn thắng lợi, tất cả anh em vượt ngục đều về đến căn cứ cách mạng, nhiều cuộc vượt ngục chỉ thu được thắng lợi một phần, thậm chí là một phần rất nhỏ, và có nhiều cuộc vượt ngục không thành công, bị bắt lại hết hoặc bị hy sinh nhiều. Thế nhưng anh em vẫn quyết tâm tìm cách vượt ngục bất chấp những khó khăn, nguy hiểm luôn rình rập...

Trong thực tế, có rất nhiều hình thức vượt ngục đã diễn ra, từ cá nhân tới tập thể; từ công khai đến bí mật... Nhưng dù bằng cách nào thì đều giống nhau ở ý chí, ở khát vọng được trở về với cách mạng, với đơn vị tiếp tục chiến đấu chống lại kẻ thù một cách mãnh liệt nhất.

Đã có một số anh em tự quan sát, nghiên cứu tình hình và địa thế rồi lặng lẽ ra đi tìm đường trở về với cách mạng.

Đó là những trường hợp vượt ngục lẻ tẻ.

Anh Tuấn quê Phú Yên là một trí thức bị giam ở phân khu sĩ quan miền Nam. Anh đã từng du học bên Pháp, cha mẹ giàu có, anh ruột là một trung tá trong quân đội Sài Gòn. Khi anh bị bắt, cha mẹ và anh của anh đến thăm, bọn địch nói rằng anh đi theo cách mạng là đại dốt, hãy làm đơn xin thả họ sẽ bảo lãnh về với gia đình. Nhưng Anh kiên quyết không chịu làm đơn, cho rằng con đường mình lựa chọn là đúng đắn. Một lần, địch bắt anh đánh anh em tù nhưng anh kiên quyết không làm theo lệnh của chúng. Địch tức tối, đánh đập anh em hết sức dã man. Vì cận thị nặng, anh còn được mang kiếng. Anh cũng giấu vào một áo thun trắng. Anh xé vải chân mừng may một quần cụt trắng.

Lần đó, khi đi khám bệnh ngoài trạm xá, anh lột bỏ quần áo tù binh, mặc áo thun trắng, quần cụt trắng và mang cặp kiếng trắng thân nhiên rời bỏ hàng ngũ những người khám bệnh ra đi. Ba tiếng đồng hồ sau, khi khám bệnh xong trở về điểm danh tại công, địch mới phát hiện thiếu một người. Nhưng rừng ở xa, thời gian quá ngắn ngủi, anh Tuấn chưa kịp lẩn sâu vào trong rừng thì bị địch truy đuổi bắt gặp và bắn chết.

Có một trường hợp vượt ngục khá đặc biệt, đó là tù binh nằm sẵn trong hai thùng rác (thùng phuy 200 lít cất đôi) bên trên tù binh được đặt bằng một lớp bao bố thấm nước, một lớp tro ướt dày khoảng 2 phân và trên cùng là một lớp than củi đang cháy, tù binh thở bằng một ống thông hơi bằng tôn cuộn tròn xuyên qua lớp than củi ngụy trang và được khiêng thùng rác ra cổng một cách dễ dàng. Tuy nhiên, vì chỗ đổ rác là khoảng đất trống, trời lại còn sáng nên người vượt ngục chưa đi được. Thường địch cho đổ rác trước khi điểm danh giao ca chiều nên chúng đã phát hiện sớm và cũng khó thoát ra một cách an toàn (Khó, nhưng có trường hợp ở A2, đã thoát được chót lọt).

Chui rào cũng là một cách vượt ngục đã nhiều lần xảy ra ở Trại tù Phú Quốc. Vượt qua hơn mười lớp rào dây kẽm gai có gai mìn dày đặc, dưới ánh sáng của những bóng đèn điện 100 oát mắc chung quanh rào, trong tầm kiểm soát với những cặp mắt cú vọ của bọn quân cảnh túc trực trên các chòi canh và những tên đi tuần tiểu qua lại suốt đêm trong con đường giữa các hàng rào kẽm gai, đôi khi có cả chó béc-giê và ngỗng, đó là điều hết sức khó khăn.

Sự dũng cảm là cần thiết, nhưng để có thể thành công phải biết tận dụng những kẽ hở của địch và biết ít nhất những điều sơ đẳng của kỹ thuật đặc công như ngụy trang, mở rào, vận động theo từng địa hình.

Thông thường, một số anh em khi vượt ngục, chôn mình sẵn dưới cát là để không phải chui bốn lớp rào từ phòng ra và bỏ được một khoảng trống trải khá xa đến vài chục

mét. Hồ cát được đào phải chọn ở góc chết của các tầm mắt quan sát của lính trên các chòi canh, và ra sớm có thể không gặp tên lính tuần tiểu giữa hàng rào vì hấn chưa vào.

Với hàng rào dây kẽm gai đan, phải mở dây chì, vệt một lỗ vừa đủ để chui ra, dùng que chống không cho vướng và lần lượt qua các lớp bùng nhùng. Ra khỏi rào rồi phải nhanh chóng vượt khỏi tầm truy lùng của địch, nhắm hướng tìm đường về với cách mạng. Đây cũng là một công đoạn không dễ dàng.

Từ khu trại giam về đến căn cứ cách mạng ở phía bắc phải đi qua cầu Sáu và bung Ba Gà. Đây cũng là hành lang thiên nhiên mà địch đã lợi dụng để ngăn chặn tù binh. Vì vậy, mỗi khi có tù binh vượt ngục, một mặt chúng cho lùng sục khu vực trại giam, mặt khác nhanh chóng để quân phục kích liên tục nhiều ngày, có khi hơn một tuần với một hỗn hợp đông đảo lực lượng quân cảnh và bảo an.

Ra khỏi các lớp hàng rào dây kẽm gai là đã vượt qua một đoạn đường hết sức nguy hiểm nhưng đó chỉ mới đi được khoảng phân nửa con đường về tới căn cứ cách mạng. Nhiều anh em bị địch truy lùng bắn chết hoặc bắt lại, nhưng cũng có người bị kiệt sức nằm chết trong núi sâu...

Khoảng tháng 8-1968, anh Cáp Đình Hội cùng ba người bạn là Tư Phước và Bảy Minh, tất cả đều là cán bộ quân đội, chui rào ra đi ba ngày gặp được cách mạng.

Ngày 22-6-1968, ít lâu sau toán anh Cáp Đình Hội ra đi, anh Ba Toàn cùng năm người nữa từ phân khu B2 chui rào ra. Ba Toàn nguyên là thượng sĩ đặc công, có nhiều kinh nghiệm nên cuộc vượt ngục đã thành công.

Lúc đó, ban đầu chỉ có 3 người định vượt rào nhưng sau đó có thêm 3 người nữa cũng muốn đi. Năm người nhất trí cử Ba Toàn chịu trách nhiệm dẫn đầu. Ngụy trang kỹ, các anh chui rào ở góc phía trước nhà bếp, dưới chân của chòi gác không nằm trong tầm nhìn của tên lính trên chòi. Lúc đó khoảng 23 giờ. Khi ra khỏi khu nhà bạt trống, vừa băng qua nhà ở của quân cảnh thì bên trong rào có tiếng súng nổ.

Như vậy là tổ năm người của ông Xạ bị lộ. Ông Xạ đã ba lần vượt ngục nhưng không thành. Ông bị địch đánh đập hết sức dã man, bẻ lòi hai ngón chân cái thành ngón chân giao chỉ, nhưng ông vẫn không từ bỏ ý định vượt ngục.

Trước đó, Ba Toàn hỏi ông Xạ có đi không để lập kế hoạch cùng đi. Ông Xạ trả lời rằng không. Có lẽ ông sợ chui rào đông người dễ bị lộ. Tổ của ông đi sau tổ Ba Toàn và lần này ông cũng không thành công. Mấy ngày sau, cả tổ sáu người của Ba Toàn về đến căn cứ cách mạng an toàn.

Đêm 29-5-1971, hai anh Nguyễn Bá Hợi và Lê Văn Đường từ phòng 7 phân khu B4 cũng chui rào vượt ra, nhưng đã bị địch phát hiện và nổ súng. Anh Hợi chết tại chỗ và anh Đường bị thương nặng.

Ngày 20-1-1969, anh Nguyễn Văn Y, tên bên ngoài là Nguyễn Sĩ Quang, quê Quảng Nam, nguyên là trung úy, đại đội phó, công tác ở thành đội Huế, một mình chui rào ra, đi về căn cứ cách mạng.

Ngày 31-12-1969, Nguyễn Hải Trung, quê Thái Bình, nguyên là trung úy chính trị viên đại đội, cùng bác sĩ Ba Châu chui rào ra, an toàn về căn cứ. Ba Châu là Bác sĩ giải phẫu rất giỏi. Trong căn cứ cách mạng ở Phú Quốc, mặc dù dụng cụ rất thiếu thốn, bác sĩ giải phẫu nhiều ca đạt kết quả cao. Cán bộ, chiến sĩ Phú Quốc rất tin tưởng vào tài năng của bác sĩ.

Ở C6 có anh Thành, quê Nghệ An, là một người đặc biệt. Anh không quan hệ với ai, không sinh hoạt bình thường như các anh em mà tối ngày chỉ hát có một câu “Đền nợ máu, chúng bay quyết phải đền”. Khi hát, hai tay đưa lên nhịp nhịp về phía trước, đôi mắt lảo liên như người bị bệnh tâm thần. Anh không ăn cơm chung với anh em mà ăn mót má những thứ dơ dáy, những thứ của nhà bếp bỏ đi. Anh không xếp hàng điểm danh, không ngủ trong phòng của mình, đi ngủ lung tung nay chỗ này, mai chỗ kia.

Giám thị và quân cảnh đánh đập rất dữ nhưng anh không phản ứng gì cả, không tỏ ra đau đớn, mặc cho chúng muốn đánh cách nào, muốn đánh bao nhiêu thì đánh. Địch lấy lửa đốt lông mày, lông nheo, bắt cởi quần đốt cả lông bộ hạ, thậm chí bỏ lửa than lên lưng nhưng anh vẫn thản nhiên. Thử hết cách, địch cho rằng, anh là người điên nên không còn để ý đến anh, bỏ mặc anh muốn ở đâu ngủ ở đâu cũng được. Có đêm thấy anh nằm ngủ ngoài trời mưa gần hàng rào, chúng cũng chẳng nói gì. Khi điểm danh giao ca, địch không còn tính anh trong số lượng tù binh của phân khu nữa.

Một đêm trời mưa và mưa rả rích, anh bò theo đường mương của dãy phòng sau và kêu anh em nói: “Tôi Thành đây. Tôi không điên đâu. Đêm nay tôi vượt ngục. Nhờ các đồng chí về báo lại với Đảng trường hợp tôi nếu chẳng may tôi hy sinh”.

Đêm đó anh mở rào đi thoát. Địch không để ý. Mấy hôm sau chúng mới phát hiện mất anh. Chúng lùng sục chung quanh thấy có một lối hàng rào kẽm gai bị mở. Nửa tháng sau, địch mang xác anh, chỉ còn xương và da, đem về bỏ trước phân khu C6. Anh đã hoàn toàn suy kiệt. Có lẽ vì ăn uống thiếu thốn, anh không đủ sức về đến căn cứ cách mạng.

Đào hầm vượt ngục là một hình thức phổ biến và có thể nói là kỳ công, kỳ tích ở Trại tù Phú Quốc. Ở hầu hết các phân khu tù binh đều có tổ chức đào hầm vượt ngục, trừ thời gian địch tiến hành những chiến dịch cưỡng ép chiêu hồi và địch kiểm soát thật gắt gao, tù binh phải lo đấu tranh để bảo vệ sinh mạng chính trị của mình.

Việc đào hầm phải có sự thống nhất trong một tập thể, thường là có sự chỉ đạo của tổ chức Đảng và phải được tổ chức rất chặt chẽ. Muốn đào hầm phải có một lực lượng chia nhiều tổ và phân công nhau làm các công việc như: Sau khi mở miệng hầm xong, một bộ phận đào, dồn đất vào các túi nhỏ để đưa lên hoặc ép lại dưới hầm; Một bộ phận ở trên chờ lấy đất đem đi rải ngoài sân hoặc dưới mương sao cho địch không phát hiện được và một bộ phận canh gác bảo vệ.

Các công việc đó anh em thay phiên nhau làm, nhất là bộ phận đào, khi đường hầm đi đã xa, không thể ở dưới đó lâu được, vì thiếu không khí, bị ngộp. Ngoài ra anh em còn cử một tổ ba hoặc năm người đứng ra nhận trách nhiệm với địch khi bị phát hiện.

Về dụng cụ, trong tù làm gì có được cuốc xẻng, anh em lấy cán cà mèn dùng cho cá nhân ăn cơm đem mài bén như dao găm và dùng vải cuộn làm cán để đào. Tìm vải hoặc bao bố, bao cát may một số túi nho nhỏ, mỗi túi đựng 5-7 ký đất để đưa đất lên và những đoạn dây dài dành cho việc kéo túi đất về miệng hầm, đồng thời cũng để báo động cần phải tạm ngưng đào hoặc phải trở lên vì sắp tới giờ điểm danh hoặc sắp có cuộc lục soát đột xuất của địch.

Miệng hầm phải mở ở một nơi có địa lợi và nhân hòa, không thể mở ở ngoài trời vì trống trải, địch và kẻ xấu dễ phát hiện, trời mưa có thể bị sụp. Do đó, miệng hầm nhất thiết phải mở ở trong phòng để dễ nguy trang, nhờ số đông che chở khi lên xuống, khi đem đất lên và trời mưa không bị sụp.

Phải chọn phòng không có người xấu để giữ bí mật. Với những người nhát gan, phải cử người kèm cặp, giáo dục động viên giữ vững tinh thần vì đã có người đứng ra nhận nếu không may bị lộ. Đồng thời cũng phải chọn một phòng mà từ đó đường hầm đào không quá dài, ít có nguy cơ bị sụp và khi trở miệng lên sẽ nằm ngoài tầm kiểm soát của địch, anh em dễ dàng ra đi.

Việc đào hầm thật sự công phu. Sau khi đo đạc chính xác vị trí miệng hầm, anh em dùng que thép của búng nhùng thép gai mài cho bén rồi cứ thế gạch đường thẳng nhưng hơi nghiêng, trên lớn dưới nhỏ. Anh em gạch, gạch mãi cho đến khi cả bốn cạnh đều dứt tới đất mới lấy miếngximăng ấy làm nắp hầm, bên dưới có ván chịu lực cho nắpximăng không bể. Khi đây cũng dùng đất khoả lên nguy trang cho địch không phát hiện. Miệng hầm mở xong, anh em bắt đầu đào. Miệng hầm phải đào hơi rộng một chút để anh em chui vào bò ra tương đối thuận tiện và cũng cần có một khoảng trống để tạm chứa những túi đất chưa đưa lên được. Lúc đầu, toàn bộ đất đào phải đưa lên. Anh em mỗi người một ít bỏ vào ống quần, trong ca uống nước hoặc trong một chiếc túi nhỏ đem ra rải trên sân rồi khoả đất lên hoặc đổ xuống mương rồi dội nước cho trôi đi. Dù không biết khi đào xong ai sẽ được cùng vượt ngục với những người có chân trong tổ đào hầm nhưng phần lớn anh em trong phân khu đều tham gia, người đào, người đổ đất, người canh gác bảo vệ... Anh em làm việc với một không khí khẩn trương, kín đáo và với một tinh thần đoàn kết thương yêu thực sự. Mặt khác, đường hầm phải nhắm cho đúng hướng. Nếu đi chệch phải điều chỉnh vừa mất thì giờ vừa tốn công. Cứ chừng mười thước thì trở một lỗ nhỏ lên mặt đất để thông hơi và cũng để xem có đi đúng hướng không. Anh em dùng một ống nhỏ bằng khoảng ngón tay út gắn vào lỗ thông hơi để tránh nước mưa rút xuống sụp lở và tránh bị đất cát hoặc rác rưởi bít lại. Lòng đường hầm vừa đủ một người bò sát mặt đất, cách mỗi khoảng chừng 7-8 mét có một chỗ được mở rộng để trở đầu hoặc khi cần thì ém đất vừa mới đào. Đất đào xong, vô túi, cột miệng, cột vào sợi dây dài thông tới miệng hầm và báo hiệu bằng cách giật dây theo những mật hiệu đã thỏa thuận để anh em trực ở miệng hầm lùi ra, đưa lên mặt đất đưa đi phân tán. Phần lớn đất đào phải đưa lên, chỉ ém được một khối lượng rất nhỏ, bởi vì trong thực tế, đất đào lên rồi ém xuống chỉ tạo được một khoảng trống rất nhỏ, không đáng kể.

Ban ngày địch điểm danh ba lần: 7 giờ, 13 giờ, 16 giờ 30. Buổi tối chúng cũng điểm danh ba lần. Ngoài ra, ban ngày mỗi phân khu có một quân cảnh được phân công vào lòng sục khắp các phòng ngăn ngừa anh em đào hầm, nghiên cứu vượt rào hoặc hội họp. Muốn đào hầm phải loại trừ các trở ngại đó. Với tên quân cảnh tuần tra bên trong, anh em tìm cách lôi hấn đến chơi cờ tướng, ca hát hoặc nói chuyện ở phòng khác. Với những tên có vẻ hung hăng, hay sục sạo, lực lượng bảo vệ của phòng có miệng hầm tỏ thái độ hầm hừ làm cho hấn ngán phải đi chỗ khác.

Ban ngày, sau khi điểm danh, anh em trở về phòng tiếp tục đào. Có khi thay ca đào giữa giờ, nhưng cũng có lúc một ca làm liên tục cho đến giờ ăn cơm trưa, tùy sức khỏe của ca đào. Đôi khi, địch cho điểm danh đột xuất giữa giờ. Những lúc đó, người đánh keng phải đánh chậm rãi một hồi keng thật dài. Anh em kéo nhau ra sân tập hợp thật từ từ. Trong khi đó, người trực miệng hầm báo động khẩn cấp, người dưới hầm nhanh chóng bò ra, chui lên, lau chùi vôi vàng cho sạch đất và khi ra điểm danh, trùm khăn làm như người bị bệnh để che giấu những vết đất có thể còn sót lại.

Tùy vị trí của từng miệng hầm, một đường hầm có thể dài tới 60-70 mét, có khi hơn nữa. Nếu đường hầm dài 80 mét, số đất đào mang lên cũng khoảng 40m³, tức là phải dùng đến 8 chiếc xe ben mới chở đi hết. Thời gian đào khoảng bốn, năm tháng.

Khi đào hầm gần xong, Đảng ủy chuẩn bị cơm khô, gạo rang, sữa hộp, thuốc trị bệnh, một số dụng cụ cần thiết mang theo và dự kiến người đi. Tuy có dự kiến, nhưng vào giờ chót có người được dự kiến lại không đi vì bệnh; trái lại, có người không nằm trong số dự kiến nhưng thấy thuận lợi cũng thấp tùng.

Nhiều nơi tổ chức đào hầm nhưng thành công không được bao nhiêu vì rất nhiều lẽ: Bọn phản bội nhảy ra báo với địch, đào chưa xong thì bị chuyển trại, bị sụp hầm, hoặc đào xong, trở miệng hầm chui lên vừa đi được một đoạn đường ngắn thì bị địch phát hiện bắt lại....

Cuộc vượt ngục bằng đường hầm đầu tiên ở Trại giam tù binh Phú Quốc là của anh em phân khu B2. Đó là vào giữa năm 1968, địch chia phân khu B2 làm ba ô. Ô một giam giữ sĩ quan, ô hai giam giữ binh sĩ và ô ba giam hạ sĩ quan. Tập trung lại không lâu, anh em trong phân khu đã xây dựng được Đảng bộ, có Đảng ủy phân khu, Liên chi ủy của từng ô và chi ủy phòng hoặc liên phòng. Trong phân khu có một số phần tử xấu nhưng anh em phân công người theo dõi giáo dục và kiểm chế nên chúng chưa có hoạt động gì.

Sau khi nghiên cứu tình hình, Đảng ủy quyết định tổ chức đào hầm vượt ngục. Miệng hầm mở ở phòng 13 thuộc ô hạ sĩ quan. Anh em bố trí cho một số người bị bệnh lao về ở phòng 18 cho địch ghê sợ, không vào lục soát kỹ. Số anh em trong phòng được giao nhiệm vụ bảo vệ đường hầm. Dự kiến hầm đào sâu một mét hai tấc, dài 120 mét, trở lên tại đường hào phía nam trại để anh em từ đó ra bãi biển đi về phía Bắc.

Ngày 19-8-1968 mở miệng hầm và dự tính sẽ ra đi vào ngày 3-2-1969. Lần đầu tiên đào hầm nên anh em chưa có kinh nghiệm, nhất là trong việc làm chỗ quay đầu, lỗ thông hơi, ém đất và rải đất. Tuy nhiên anh em đều cố gắng vượt qua.

Đến cuối tháng 12-1968, đường hầm gần đến đích thì bọn xấu trong phân khu đánh hơi được và báo với giám thị. Trước tình hình đó, Đảng ủy quyết định nỗ lực để ra đi sớm hơn. Theo kế hoạch của Đảng ủy, đêm 20-1-1969 anh em cố gắng trở miệng hầm từ 19 giờ đến 21 giờ cho xong. Rồi từ 21 giờ đến 4 giờ 30 sáng sẽ đưa 120 anh em đã được chọn lựa ra đi.

Đêm đó địch báo động, đưa hàng trăm lính quân cảnh tới bao vây quanh phân khu. Chúng đánh hơi thấy có một việc gì đó khá nghiêm trọng sắp xảy ra trong phân khu nhưng không ngờ là tù binh chuẩn bị ra đi bằng đường hầm.

Trên mặt đất, xe địch chạy ầm ỉ, quân cảnh lăm lăm súng chĩa vào trong trại. Dưới đường hầm anh em vẫn khẩn trương đào nốt đoạn đường cuối cùng. Nhưng mãi đến hơn 4 giờ 30 sáng miệng hầm mới trở xong. Lập tức anh em xuống hầm ra đi. Mấy người lên trước thấy quân cảnh bao vây không biết thế nào nên hỏi xin ý kiến. Bộ phận lãnh đạo từ dưới đường hầm truyền lên là cứ tiếp tục đi, thả chết ngoài rào kẽm gai chứ không chết dưới địa đạo. Vì trời gần sáng nên chỉ ra được 21 người. Số đi không kịp lấp kín miệng hầm bên trong và trở về phòng mình. Lúc đó khoảng 5 giờ sáng.

Theo kế hoạch, đến 6 giờ sáng. Đại diện tù binh ra báo với giám thị là đêm rồi có một số người vượt ngục nhưng không rõ đi bằng cách nào.

Địch lập tức vào tập hợp anh em điểm danh và sục sạo nhưng mãi đến 9 giờ sáng chúng mới tìm được miệng hầm và mới biết được anh em vượt ngục bằng đường hầm. Chúng tổ chức truy đuổi nhưng vô hiệu. 21 anh em đi thoát và đều về đến căn cứ cách mạng an toàn, trong đó có Võ Cường, nguyên Bí thư Huyện ủy huyện Phù Cát tỉnh Bình Định, sau này được cử làm Phó Ban thường trực Ban tiếp đón tù binh vượt ngục của huyện Phú Quốc.

Năm 1971, phân khu sĩ quan miền Bắc cũng hoàn thành một đường hầm. Sau khi từ B8 chuyển qua B7, anh em tìm cách mở miệng hầm từ nhà bếp đi qua phía ngoài đường, gần sát nhà của một đơn vị thuộc tiểu đoàn 9 quân cảnh.

Hầm sắp đào xong thì có tin sắp chuyển trại. Đêm hôm đó, anh Trương Xuân Đài, thượng úy, nguyên là thành đội trưởng Đà Nẵng, đã cùng một người nữa tự ý mò lên nhà bếp, xuống hầm và trở miệng lên đi luôn. Hầm đào rất công phu nhưng chỉ đi có hai người.

Khoảng cuối năm 1971, địch tập trung anh em từ nhiều phân khu về A5. Lần này địch không cưỡng ép chiêu hồi như trước nữa, tình hình không có gì căng thẳng lắm nên Đảng ủy các vùng họp bàn việc đào hầm. Miệng hầm được mở tại phòng 8. Đào hơn 5 tháng ra khỏi hàng rào dây kẽm gai nhưng đụng phải hàng bưng bằng vĩ sắt địch âm xuống đất dọc theo đường hào để chống đào hầm. Anh em phải đào sâu xuống dưới lớp vĩ sắt, đào thẳng ra rồi mới trở lên.

Dự kiến đi 30 người. Đêm 12-5-1972, anh em ra đi, nhưng mới ra được người thứ 27 thì bị lộ, quân cảnh nổ súng, xe nôi đồng được điều tới. Địch vào tập hợp tất cả ra sân điểm danh. Chúng cho bọn chiêu hồi cùng quân cảnh vào tìm đường hầm. Gặp được miệng hầm, chúng phát hiện 3 người còn nằm xiu trong hầm nên bắt đưa lên Ban điều

hành. Định theo dấu vết truy đuổi, bao vây nhiều ngày nhưng tất cả 27 anh em đều về đến căn cứ cách mạng an toàn, trong đó có anh hùng quân đội Trương Văn Hòa quê ở Quảng Nam, anh Lê Văn Nhiều (Ba Lợi) khi bị bắt là huyện ủy viên ở An Giang. Đây cũng là đoàn đi đông và hoàn toàn không bị tổn thất.

Ngày hôm sau, 13-5-1972, sau khi ăn cơm chiều xong, vào lúc sẩm tối, lợi dụng sơ hở của địch, một số anh em ở B5 chui rào qua A5, theo đường hầm ra đi. Đây là một cuộc vượt ngục không có dự kiến trước. Nhiều người tranh nhau đi. Có anh đang rửa cà mèn thấy vậy ném cà mèn chạy theo. Nhưng vì không có tổ chức, việc tranh nhau đi gây cảnh lộn xộn, lãnh đạo phân khu không dàn xếp kịp nên địch phát hiện bắt lại ba người còn nằm trong hàng rào dây kẽm gai. Mười chín người đã vượt ngục thành công và về được cơ sở cách mạng.

Khoảng tháng 10-1971, phân khu B4 (anh em miền Bắc) cũng đào thành công một đường hầm từ phòng 9. Hầm đào, 2 tháng thì xong. Đảng ủy chọn 7 anh em ra đi từ 21 giờ. Đến 24 giờ địch phát hiện, tổ chức truy lùng. Hôm sau địch bắn chết một anh mang xác về trước phân khu để đe dọa, khủng bố tinh thần.

Trong các cuộc vượt ngục bằng đường hầm, cuộc vượt ngục ở A4 đêm 23 rạng 24-12-1971 là đông nhất, đến 41 người. Theo báo cáo của tên Chỉ huy trưởng trại giam, hầm được khởi sự đào từ cuối tháng 7-1971. Tù binh đào sau điểm danh sáng cho đến cơm trưa và chiều từ sau điểm danh xế đến điểm danh chiều tối. Lúc đào, đại diện hoặc phó đại diện ra nói chuyện với giám thị ở cổng để cầm chân tại cổng, trưởng phòng đi tới lui canh chừng.

Hầm đào từ phòng 2, miệng mở ở gần đầu phòng, ngang 0,25 mét, dài 0,45 mét, chung quanh miệng có ghép gỗ, miệng rộng đáy hẹp. Hầm sâu 1,5 mét đường kính 0,65 mét, dài 71 mét, hướng về phía Nam. Cửa thoát ra ngay giao thông hào, phía đầu lều trung đội 1 quân cảnh, cách khoảng 8 mét. Khi anh em đã ra đi, quân cảnh tìm thấy một đường dây nhỏ bắt đầu từ cửa hầm theo giao thông hào về hướng đông khoảng 10 mét rồi lên khỏi hào về hướng nam khoảng 8 mét, quẹo về hướng tây dọc theo bãi cỏ tranh vào rừng. Khi qua hàng rào ngoài cùng, tới bãi cỏ sậy thì đường dây quẹo về hướng bắc một khoảng dài 200 mét mới hết dây nhưng dấu vết cũng còn đi thẳng.

Kéo đường dây dài hơn 200 mét, bộ phận tổ chức đào hầm tỏ ra rất chu đáo để cho anh em lần theo dây đi không bị lạc ở đoạn quan trọng nhất, từ cửa hầm mới ra, còn nằm sát vách địch. Anh em chuẩn bị lương khô gồm gạo rang, gạo ngâm giã thành bột nặn thành viên rồi nướng vàng, chuẩn bị dây bằng cách rút chỉ nylon trong chiếu ra và chuẩn bị dép Bình Trị Thiên bốn quai để đi rừng.

Anh em tù binh chia làm ba toán, bắt đầu ra đi từ 19 giờ đến 2 giờ sáng. Đêm đó, một ca trực của quân cảnh không vào điểm danh, một ca chỉ điểm danh phòng ngoài nên không phát hiện. Đến 2 giờ sáng, một tên quân cảnh đi ngoài nghe sột soạt ở hướng cửa hầm. Hắn kêu cho một tên nữa biết. Lúc đó có tiếng tuôn cỏ tranh chạy. Chúng nghĩ có thể là heo rừng và cũng do sợ ma nên chúng không đến chỗ có tiếng động. Ngay lúc đó,

một xe gíp tuần tiểu đến. Nghe thuật lại sự việc, chúng sinh nghi, vào điểm danh và phát hiện anh em đã đi 41 người.

Địch liền báo động, dùng lực lượng trừ bị của trại giam phối hợp với các đơn vị đặc khu Phú Quốc truy lùng. Đến 20 giờ ngày 29-12-1971, tức là bốn ngày sau, chúng bắt lại được 8 người, bắn chết 8 trong số 41 người vượt ngục.

Khoảng cuối năm 1971, anh em ở phân khu biệt lập C8 tổ chức đào hai đường hầm. Đường hầm thứ nhất mở miệng tại phòng 2, hướng thẳng ra đường lớn. Đường hầm thứ hai mở miệng tại phòng 3, tức phòng sĩ quan hướng về phía sân trồng giữa C8 và B8, nhưng chệch về phía đường lớn, gần chòi canh. Tuy đi về phía trước, mạch nước ngầm sâu hơn nhưng không nhiều nên không thể đào sâu được.

Đường hầm phòng số 2 ngắn hơn. Anh em dự định đào ra vừa khỏi các lớp dây kẽm gai sẽ dừng lại, chuẩn bị đủ mọi điều kiện rồi tiếp tục một buổi tối cho xong và trở miệng đi luôn, vì đào qua đường trước sợ xe tải nặng chở lương thực thực phẩm qua lại sẽ bị sập. Nhưng khi đào ra tới gần hàng rào dây kẽm gai thì tên Lô một tên mật báo địch cài vào từ lúc mới lập phân khu, cho ở phòng 8, đang đêm nhảy ra báo với quân cảnh đường hầm ở phòng số 2. Quân cảnh vào bắt ba người nhận đào hầm.

Anh em ở phòng 3 hồi hộp chờ đợi đến phiên mình bị phát hiện. Nhưng điều đó không xảy ra. Phát hiện được một đường hầm, địch cho phá bỏ và tỏ ra yên tâm. Anh em phòng 3 lại tiếp tục đào khẩn trương hơn.

Một buổi chiều, tên quân cảnh trực trong phân khu vào phòng 3 lôi bàn cờ tướng kêu anh em đánh tại sạp ngủ, ngay trên miệng hầm. Có ba anh đang ở dưới ấy. Tưởng đầu hấn chỉ đánh vài bàn cho vui, nào ngờ hấn không chịu thôi, đòi đánh mãi. Đến gần giờ điểm danh chiều mà hấn vẫn còn đánh. Nếu để trễ mười phút nữa thế nào cũng bị lộ. Anh em bèn tập trung thật đông chung quanh bàn cờ, hai ba người chỉ bên này, ba bốn người chỉ bên kia, giả vờ cãi cọ om sòm, vài người đứng sau lưng hấn che miệng hầm, mấy người chuẩn bị ba chiếc áo trùm đầu rồi báo động khẩn cấp cho anh em từ từ im lặng chui lên, đi ra giếng tắm. Anh em đẩy miệng hầm và nguy trang lại. Thật là một cuộc thoát nạn trong gang tấc nhờ đông đảo anh em ủng hộ.

Đường hầm dài 60 mét đã hoàn tất. Dự kiến đi một tổ ba người. Đêm đó, hai người đi đầu mới ra khỏi hầm mười thước thì gặp bọn quân cảnh đi chơi về. Thấy bóng người, chúng hỏi. Hai anh bỏ chạy nhưng chúng bao vây bắt được. Người thứ ba vừa ra tới miệng hầm thấy hai người bạn bị bắt nên quay lại, tạm rửa ráy và chờ quân cảnh vào bắt đem lên Ban điều hành tra khảo về tổ chức đào hầm. Miệng hầm trở ra hướng đường đi, các anh lại ra đi hơi sớm, lúc quân cảnh còn đi chơi nên bị bắt gặp. Đường hầm đào tốn rất nhiều công sức nhưng không đi được một người nào cả.

Sau đó, Đảng ủy ở C8 lại tổ chức đào hầm. Hầm đào sắp xong thì Hiệp định Paris được ký kết. Tuy nhiên, Đảng ủy vẫn tiếp tục cho đào cho đến khi hoàn thành và chờ, nếu địch không chịu trao trả thì sẽ cho trở miệng hầm ra đi về báo cáo với Đảng. Nhưng địch đưa trao trả hết số anh em trong phân khu nên đường hầm không dùng đến.

Tính ra có đến bảy lần đào hầm thành công, nhưng chỉ có 5 lần đi được, trong đó một lần 21 anh em ở B2 và một lần 27 anh em ở A5 đều về đến căn cứ cách mạng an toàn. Có hai lần đào xong ra đi bị địch bắt lại hết.

Tổ chức đào hầm vượt ngục là một việc làm khó khăn vô cùng gian khổ và nguy hiểm, nhưng không có gì là kỳ bí cả. Những yếu tố quyết định cho sự thành công là quyết tâm, chịu khổ, đảm bảo nội bộ trong sạch, có sự lãnh đạo của Đảng và được tập thể tù binh ủng hộ. Nhưng ra khỏi hàng rào dây kẽm gai mới chỉ là thành công bước đầu. Con đường về với cách mạng đã mở ra song còn lắm gian nan nguy hiểm không dễ vượt qua.

Đánh quân cảnh và hải quân đoạt súng ra đi

Đi làm bên ngoài là đã ra khỏi các lớp hàng rào dây kẽm gai và được tiếp cận với rừng. Đó là hai cái lợi rất lớn của các anh em đi tập dịch. Chỉ còn trở ngại duy nhất là sự canh gác của quân cảnh lúc nào cũng lăm lăm cây súng trên tay.

Khi dẫn tù binh đi làm, quân cảnh luôn luôn giữ khoảng cách an toàn, không cho tù binh tiếp cận, không tiếp chuyện và cảnh giác tới mức tối đa. Do đó, muốn tiếp cận với quân cảnh để hành động, anh em tù binh phải tìm nhiều cách, tận dụng những thời cơ thuận lợi nhất.

Đánh quân cảnh giật súng chạy là hình thức vượt ngục táo bạo nhất, bằng mưu trí và tinh thần dũng cảm, được nghiên cứu kỹ, biết tạo thời cơ và nhanh chóng nắm lấy thời cơ để hành động mới có thể giành được thắng lợi.

Giữa năm 1968, một quân cảnh dẫn 4 tù binh đi lấy củi trong rừng. Lúc này địch chưa cảnh giác lắm. Đến trưa, mọi người đều khát nước. Một tù binh nói với quân cảnh cho chặt một sợi dây rừng lấy nước uống. Anh em uống xong, tên quân cảnh cũng đòi uống. Trong lúc hấn ngửa mặt há miệng cho nước nhỏ vào thì một tù binh đánh một búa vào đầu làm hắn ngã ra choáng váng. Các anh giật súng chạy về tới căn cứ cách mạng an toàn. Trong bốn anh có hai anh em ruột Long. Đây có thể coi là trận đánh quân cảnh lấy súng đầu tiên của anh em tù binh Phú Quốc.

Khoảng tháng 2-1971, phân khu A2 cũng có 16 anh em đi đồ cầu đánh quân cảnh giật súng chạy. Thời gian này địch cảnh giác hơn, cho quân cảnh áp giải đông hơn. Trong cuộc đánh nhau, 4 anh hy sinh tại chỗ, hai anh bị bắt lại, còn 10 người chạy thoát.

Trong các trận đánh lính áp giải để vượt ngục, trận đánh của anh em phân khu C8 là lớn hơn cả. Giữa năm 1970, phân khu C8 có hơn 1.000 tù binh, trong đó có khoảng 300 mới từ Biên Hòa đưa ra. Thời gian này địch đã bắt đầu lập trật tự để chuẩn bị chiến dịch cưỡng ép chiêu hồi. Được sự nhất trí của Đảng ủy, anh Minh (lúc đó là Phó Bí thư) cho nghiên cứu các phương án đánh lính khi đi làm bên ngoài để vượt ngục.

Phương án thứ nhất là đánh địch trong chỗ đóng quân của quân cảnh ở đồi 37. Nơi đây có một tiểu đội quân cảnh đồn trú. Mỗi buổi chúng thường nhận 20 tù binh ra làm việc cho chúng như làm hàng rào, đào hào... Quân cảnh hoặc hải quân nhận tù binh đi

làm từng buổi. Sáng hơn 7 giờ nhận đi làm đến 11 giờ trả về trại. Chiều 13 giờ 30 đến nhận dân đi làm tiếp cho tới 16 giờ 30 trả về. Bọn quân cảnh ở đồi 37 có hơi chủ quan, không canh giữ tù binh gặt gạo lắm khi anh em đến làm. Nhưng cái khó ở đây là chúng không tập trung một nơi mà ở rải rác trong chỗ đóng quân, chỉ có một số tên đứng canh giữ anh em làm. Như vậy khi phát lệnh tấn công, các mũi đồng loạt tiếp cận địch. Cần phải nghiên cứu thêm, có kế hoạch thật tỉ mỉ.

Phương án thứ hai là đánh quân cảnh khi đi đổ thùng cầu tiêu ở bìa rừng. Cách này đã có nơi làm nên địch rất cảnh giác, cho lính áp giải đông hơn, chúng đi cách xa anh em hơn, súng lúc nào cũng cầm tay. Do đó, trong thời gian nghiên cứu phương án phải tỏ ra hoàn toàn tuân theo mệnh lệnh của chúng để dần dần chúng mất cảnh giác mới hành động được.

Khi khiêng thùng phân đi đổ, địch bắt anh em phải cúi mặt xuống đất, làm lũi bước đi, không được nhìn qua ngó lại, sợ anh em quan sát địa hình. Khi lên xe GMC đi làm, chúng bắt anh em ngồi chồm hổm, cúi mặt xuống sàn xe, không được ngẩng lên. Ai trái lệnh chúng đánh đập rất tàn nhẫn.

Phương án thứ ba là đánh hải quân khi đi làm ở bến tàu về. Thường thường hải quân đến lãnh tù binh ra cầu tàu bốc gạo từ dưới tàu lên đưa vào kho. Nếu nhận 40 tù binh thì đi một xe GMC có 8 tên lính hải quân canh giữ. Nếu 60 tù binh thì đi hai xe, mỗi xe cũng 8 tên lính áp giải. Khi bắt tù binh đi làm, bọn giám thị cho tập hợp anh em ngồi xếp hàng theo từng phòng rồi chúng cắt mỗi phòng một ít người, khi cắt theo hàng ngang, lúc cắt theo hàng dọc, có lúc lại cắt xéo qua các phòng để tránh việc anh em hình thành sẵn một tổ chức đi chung nhau tấn công chúng.

Nhưng có lúc giám thị điểm danh, cắt người đi làm xong mà xe hải quân chưa đến. Chúng cho anh em giải tán và dặn khi hải quân đến, những người được chúng cắt cử phải ra cho nhanh để đi làm. Do vậy anh em ta trao đổi, một số không được chúng cắt cử nhưng do ta phân công, nhanh chóng chạy ra để nghiên cứu tình hình lập phương án đánh địch. Sau nhiều lần nghiên cứu, kế hoạch đề ra như sau:

- Phải tranh thủ có ít nhất 50% số người đi làm có trong tổ chức đánh địch vượt ngục (vì phải giữ bí mật nên kế hoạch vượt ngục chỉ được phổ biến và giao nhiệm vụ cho một số người tin cậy).

- Đánh địch buổi đi làm chiều về, vì lúc đó chỉ còn một hai tiếng đồng hồ nữa là trời tối, anh em kịp có thời giờ lẩn tránh vào rừng.

- Đánh địch lúc chiếc xe GMC lên gần đỉnh dốc miếu Cô Sáu, khi xe chuẩn bị trả số.

- Cử anh Nguyễn Văn Minh làm Chỉ huy trưởng trận tấn công. Toàn đội chia làm hai mũi, một do anh Khoãn, nguyên là một cán bộ quân sự của Tây Ninh chỉ huy, một do anh Đạt, nguyên là chiến sĩ của tiểu đoàn chủ lực tỉnh Long An chỉ huy. Anh Đạt cũng được giao nhiệm vụ điểm hỏa, đánh tên lính hải quân bên cạnh mà khi lên xe, anh có ý đến ngồi gần. Một bộ phận có nhiệm vụ nhào xuống tấn công tên lái xe, bắt xe phải ngừng lại.

13 giờ ngày 31-8-1970, bọn giám thị phân khu C8 điểm danh cắt một số tù binh đi làm với hải quân rồi giải tán. Số anh em trong tổ chức đánh địch dù được cắt đi làm hay không, đều loang quanh gần đó. Khi xe của hải quân đến nhận tù binh đi làm, anh em nhanh chóng chạy ra tập hợp ngồi phía trước. Giám thị đếm đủ 40 người cho lên xe. Trong đó có một số người đã được giám thị cắt đi làm song ngồi ở phía sau. Anh em biết có người giành đi làm để thực hiện một ý đồ gì đó nên làm thỉnh.

Trên xe có anh Sáu Minh, Chỉ huy trưởng, các mũi trưởng, cộng tất cả trên phân nửa số người trong tổ chức. Như vậy là tương đối yên tâm. Nhưng anh em khác, dù không được phổ biến kế hoạch, nhưng khi thấy anh em hành động, nhất định sẽ hưởng ứng.

16 giờ 50 phút địch tập hợp anh em lên xe về. Theo kế hoạch, cứ một tổ bốn người ngồi dưới chân một tên lính. 17 giờ xe từ từ lên dốc miếu Cô Sáu. Khi xe lên gần đỉnh dốc, tài xế nhả ga chuẩn bị trả số, anh Đạt nhanh chóng dùng một đòn hiểm đánh tên lính hải quân và đoạt khẩu cácbin. Các tổ cũng đồng loạt tấn công. Giằng co mấy phút, anh Thua, nguyên là chiến sĩ của sư đoàn 5 nhận khẩu các-bin của anh Đạt giao bắn vào đầu một tên lính thu được một khẩu M16. Tên, nguyên là chiến sĩ của tiểu đoàn 1 Mỹ Tho, đánh một tên lính nguy ngã qua thành xe thông đầu xuống đất. Anh nắm hai chân nó. Nó cố gượng bắn anh. Anh kéo lên thụt xuống ba lần rồi dộng mạnh đầu nó xuống đất đến bất tỉnh. Sau mười phút chiến đấu, anh em diệt ba tên lính hải quân, thu ba súng, một súng bị trúng đạn bể nát. Số còn lại chạy trốn.

Khi điều nghiên không nắm được hết các đồn và lính chung quanh. Đến khi lâm trận, súng từ nhiều nơi bắn lại mới biết. Trên dốc miếu Cô Sáu, cách khoảng 200 mét có một đội quân cảnh thuộc tiểu đoàn 14 đóng. Phía sau lưng, cách khoảng 300 mét, có một căn cứ của công binh và cách khoảng 500 mét phía trong có một đại đội bảo an. Khi anh em tù binh đánh địch trên xe, bọn chúng lập tức nổ súng yểm trợ và sau đó nổ súng chặn đường rút vào rừng.

Vừa nhảy xuống xe, anh Tẩu, nguyên là xã đội trưởng xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, bị một viên đạn của địch xuyên từ nách phải qua nách trái. Anh hy sinh ngay trên đường tại dốc miếu Cô Sáu.

Địch huy động lực lượng bao vây, truy kích. Một lát sau, trên trời có một chiếc trinh sát đâm già, một chiếc HU1A và hai chiếc trực thăng cá lẹp quần đảo, nổ súng xối xả vào những chỗ chúng nghi ngờ. Khoảng 30 phút sau, chúng cho máy phóng thanh từ trên máy bay gọi xuống: “Hỡi anh em tù binh! Các anh không đi khỏi được vòng vây của Quân lực Việt Nam cộng hòa. Các anh hãy ra đầu hàng sẽ được hưởng lương khoan hồng của Chính phủ”.

Anh em vẫn tiếp tục rút đi. Anh Cầu, nguyên là ủy viên Ban an ninh huyện Bến Thủ, Long An, bị trúng đạn hy sinh giữa rừng. Rút lên đỉnh đồi bất ngờ gặp đồn địch nổ súng anh em rút xuống vách đá. Hai chiếc cá lẹp bắn M79 dây nổ trên ngọn cây làm anh Tền bị thương ở tay và một anh quê ở miền Trung, nguyên là chiến sĩ đặc công của khu Sài Gòn Gia Định hy sinh.

Trời tối hẳn. Anh em bị tản lạc nhiều chỗ. Địch đồ rất nhiều quân tại Cầu Sấu chặn đường rút lui của anh em về phía bắc đảo. Một bộ phận lớn nhất, khoảng 15 anh em được tập hợp lại do anh Khoăn, nguyên là cán bộ huyện đội Trảng Bàng, Tây Ninh, chỉ huy rút đi. Nhờ anh Sáu Khoăn xông xáo, có nhiều kinh nghiệm đi rừng nên ba ngày sau đoàn gặp được anh em du kích xã Dương Tơ. Anh Sáu Minh lạc có một mình nhưng cũng cắt rừng về đến căn cứ. Anh Chiến, nguyên là chiến sĩ đặc công sư đoàn 9, quê ở Phước Hiệp, Củ Chi, cùng anh Chín Nang, nguyên cán bộ hậu cần Tỉnh đội Long An đi cùng với nhau. Trên đường đi, anh Chín Nang không may vướng mình hy sinh, được chôn cất ở xã Dương Tơ. Anh Chiến về đến căn cứ. Mấy ngày sau, 27 anh em lần lượt về được với cách mạng, còn 13 người bị hy sinh hoặc bị bắt lại.

Vượt ngục trở về với cách mạng là một việc làm khó khăn, nguy hiểm đòi hỏi phải chịu nhiều gian khổ, hy sinh. Theo bản ghi chép của một đồng chí khu ủy viên khu 9 được giao giải quyết số tù binh ở Phú Quốc vượt ngục, tính đến tháng 4-1972, có 41 vụ vượt ngục về tới căn cứ cách mạng ở Phú Quốc trong đó có: 16 lần đi lẻ tẻ; 14 lần vượt rào; 4 lần ra bằng đường hầm; 7 lần đánh quân canh, hải quân.

Trong thực tế, và đến khi trao trả, số lần vượt ngục chắc chắn là nhiều hơn vì có những lần đi lẻ tẻ hoặc vượt rào không về đến căn cứ cách mạng như lần đi của anh Tuấn quê Phú Yên ở phân khu sĩ quan, lần đi của hai anh Nguyễn Văn Lương và Nguyễn Hữu Văn đêm 6-2-1971 tại phân khu D4, của hai anh Nguyễn Bá Hợi và Lê Văn Đường đêm 29-5-1971 tại phân khu B4... Các anh đi nhưng không về.

Theo một số người có trách nhiệm, số anh em vượt ngục về đến căn cứ cách mạng ở Phú Quốc là 261 người. Nếu cộng thêm 3 tù binh Phú Quốc vượt ngục ở Cần Thơ thì tổng số anh em tù binh Phú Quốc vượt ngục thoát là 264 người.

Trong các cuộc vượt ngục, có cuộc đi trót lọt như các cuộc vượt rào của Hai Hợi, Ba Toàn, như các cuộc đi bằng đường hầm 21 người và 27 người ở các phân khu B2 và A5, có cuộc bị tổn thất một phần như trận đánh hải quân của phân khu C8, trận đánh quân canh của phân khu A6; có cuộc bị thiệt hại nhiều như vụ ra đi bằng đường hầm 41 người của phân khu A4 hay trận đánh quân canh ngày 11-10-1972; có cuộc ra đi mấy hôm rồi bị bắt lại hết như toán của Đoàn Văn Công, và có một số cuộc ra đi với số lượng ít và bị hy sinh tất cả...

Mặc dù chưa tổng kết được toàn bộ số hy sinh trong khi vượt ngục, nhưng qua đó có thể nói số hy sinh không lớn lắm so với số về đến với cách mạng. Trong điều kiện vô cùng khó khăn thì đó là những thắng lợi to lớn của anh em tù binh Phú Quốc, là phần thưởng đối với trí tuệ, sự quyết tâm và lòng dũng cảm của những con người chiến đấu vì sự nghiệp cao cả của dân tộc.

(Theo “Nhà lao Phú Quốc - NXB Lao Động - 2005”)

KHÍ TIẾT CỦA NGƯỜI TÙ VƯỢT NGỤC

Khi không may bị sa vào tay giặc, mỗi người chiến sĩ cách mạng đều tự xác định đây là một trận tuyến chiến đấu mới. Tay không trực diện với quân thù với sự tàn bạo bậc nhất. Sống hay là chết, 2 con đường chỉ được chọn 1 - Đó là con đường sống. Nhưng phải sống như thế nào cho ra sống, lương tâm, đạo đức luôn trăn trở, dày vò. Nhớ lại lời thề trước khi mình được kết nạp vào Đảng: “Chiến đấu đến giọt máu cuối cùng”; “Thà chết vinh hơn sống nhục”; ôn lại 10 lời thề của Quân đội Nhân dân Việt Nam anh hùng; Tự mình nhẩm đọc lại Nhật ký của Bác Hồ trong các nhà tù của thực dân Pháp, Tàu Tưởng; rồi biết bao gương chiến đấu của các anh hùng liệt sĩ... Với chế độ hà khắc trong lao tù, lòng căm thù quân cướp nước và bè lũ tay sai bán nước lại dâng trào lên. Tự đáy lòng mình nảy sinh ra ý nghĩ tự giải phóng mình thoát khỏi gông xiềng của giặc Mỹ trở về với quân ngũ để tiếp tục chiến đấu, góp phần của mình vào sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đã trở thành mơ ước, hoài bão lớn nhất của đông đảo tù binh Phú Quốc.

Tuy không ai nói với ai, nhưng mỗi người một suy nghĩ, một kiểu cách, một phương án khác nhau: lặng lẽ âm thầm lén lút trốn đi; cướp súng giặc bắn lại giặc; bằng dụng cụ cuốc, xẻng, rựa, búa, đòn khiêng trong tay làm vũ khí đánh vào bọn quân cảnh; Đào hầm, xé rào, chui vào thùng rác, vào gầm xe, bằng kiểu nào miễn là thoát khỏi tay giặc.

Đó là động lực, là xuất xứ và sức mạnh thúc đẩy 40 đoàn của hơn 400 tù binh tay không đang bị giam giữ, đã vượt tù trở về chiến đấu, công tác. Nhưng trước khi vượt ngục anh em đã xác định: vượt ngục là đi tìm cái sống trong cái chết. Do vậy 400 anh em ra nhưng chỉ có 239 đồng chí đến được căn cứ, số còn lại bị bắn chết, bị chết đói, bị bắt lại...

Chỉ trong vòng 5 năm, 1967 đến 1972 đã có hơn 4.000 tù binh /40.000 tù binh đang giam giữ, bị bàn tay tàn bạo của bọn Mỹ - Thiệu giết chết và chôn vùi trong bãi tranh Phú Quốc, đến nay nhiều người không còn xương xác và mồ mả. Đó là tội ác trời không dung, đất không tha đối với Mỹ - ngụy.

Năm 1967 địch đưa tù binh ra Phú Quốc, càng ngày phong trào đấu tranh của tù binh ngày càng diễn ra liên tục và càng quyết liệt hơn, với khẩu hiệu và mục tiêu đấu tranh ngày càng cao. Mỹ ngụy đã thẳng tay đàn áp nhưng không ngăn chặn được, chúng chọn lọc số nòng cốt của tù binh ra và cuối cùng quyết định lấy khu B2 làm khu biệt giam, loại mà chúng cho là đầu sỏ, là chính công, là miền Bắc xâm nhập, đưa về đây giam giữ và đàn áp. Bọn cai ngục đã thô bạo công bố: “Đây là trại tử tù, số tù binh này ngoài vòng pháp luật, sống chết là tùy tao”.

Bọn giám thị, bọn quân cảnh, bọn chiến tranh chính trị, bọn tình báo thuộc loại sùng sỏ, đại gian, đại ác cũng được chọn lựa từ các trại đất liền đưa về để canh giữ trại biệt giam này. Khu biệt giam 2 được đưa về gần bọn giám thị, bọn điều hành, doanh trại của bọn quân cảnh, rào đạo được xây dựng kiên cố hơn.

Toàn bộ khu giam được rào, chia cắt làm 3 ô, ô 1 dành cho cấp sĩ quan, ô 2 dành cho số binh sĩ, ô 3 dành cho cấp hạ sĩ quan, từng ô, từng phòng đều có bờ rào kẽm gai kiên cố. Mỗi phòng đều có trưởng phòng, toàn trại có đại diện, lực lượng là mật vụ tình báo được bí mật cài theo để nắm tình hình phục vụ cho bọn cai ngục đàn áp. Trưởng phòng, đại diện trại do địch chỉ định hay là do tù binh bầu, đó là tùy thuộc phong trào đấu tranh của trại đó quyết định, trại yếu thì địch sẽ chỉ định. Nhưng tất cả đều do ta nắm. Bởi vì trại dồn về sau một tuần lễ là đã nhanh chóng có Đảng ủy trại, có liên chi khu sĩ quan, hạ sĩ quan và binh sĩ, có chi bộ hoặc phòng, hoặc liên phòng để lãnh đạo.

Trong trại biệt giam lớn, còn có trại kỷ luật, có chuồng chó, chuồng cọp để giam giữ số tù binh có hành vi chống lại. Do vậy mà anh em tù binh thường nói đây là: “Biệt giam trong biệt giam” đã là trại biệt giam thì địch có đối sách riêng rất ác liệt.

Bọn địch hình thành biệt giam 2 để giam giữ loại đầu sỏ, nhưng về ta lại đánh giá đây là loại cốt cán, là nòng cốt, là thuần khiết nhất so với các khu giam khác. Rõ ràng chất lượng cao hơn, lập trường tư tưởng vững vàng, nội bộ thuần khiết. Từ đó mà gợi lên cho số đồng chí có ý thức vượt ngục. Chọn thời cơ để thực hiện ý định.

Nhưng bằng hình thức nào cho phù hợp với đặc điểm trại biệt giam đang bị cấm cố này, đảm bảo an toàn tuyệt đối và đưa ra cho được số lượng lớn. Đó là vấn đề phải lựa chọn, phải tính toán cân nhắc. Trong khi mọi người tập trung tư tưởng để suy nghĩ, bàn bạc tìm cách vượt ngục, thì tôi được đồng chí Cận - Bí thư Liên chi khu Hạ sĩ quan đến trao đổi và đặt vấn đề phối hợp. Đó là 17 đồng chí trong 2 khu Hạ sĩ quan và binh sĩ đã hình thành chuẩn bị hành động, lập xong phương án đào công trình địa đạo, để đưa tù binh thoát ngục. Miệng hầm được khai ở phòng 13 khu Hạ sĩ quan; nơi này anh em đã bố trí đưa số tù binh bị lao vào ở đó, xác định thái độ trách nhiệm bảo vệ đường hầm này cho anh em. Tất cả anh em đều đã hạ quyết tâm.

Nói là bệnh ho lao thì bọn giám thị, quân cảnh rất ít dám vào, và cứ mỗi lần quân cảnh vào là một đợt ho nhiều người kéo dài, do đó vốn đã ngại gần nay càng ngại hơn. Về dụng cụ đào thì anh em đã chuẩn bị sẵn ca VS, cà mèn thay cho cuốc xẻng, can nhựa thay cho bao gió để đưa đất lên, quần áo tù binh được xé đánh thành dây thừng để kéo đất, lương thực thực phẩm, đường sữa đã được anh em quản lý, cấp dưỡng và các phòng chuẩn bị để bồi dưỡng cho số đào hầm và chuẩn bị cho cả đoàn vượt ngục nữa. Người

để thay thế cho số anh em xuống hầm nếu địch vào điểm danh đều đã được bố trí lực lượng khi đánh tráo, một cách chu đáo.

Đúng ngày 19-8-1968 lấy kỷ niệm ngày tổng khởi nghĩa để khai miêng hầm và ấn định ngày 3 tháng 2 là ngày thoát ngục. Kế hoạch dự kiến là: cửa hầm mở ra vào lúc 9 giờ tối, 4 giờ 30 sẽ đưa được 120 đồng chí ra. Kế hoạch bảo vệ đã được bàn kỹ trong 2 khu hạ sĩ quan và binh sĩ. Bọn giám thị quân cảnh vào do phòng sĩ quan chịu trách nhiệm tin báo. Theo phương án được duyệt hầm sâu 1,2 mét, dài 120 mét. Miêng hầm được mở ra tại chiến hào phía nam trại, để khi ra được, anh em men dọc theo đường hào vượt ra bãi biển. Tuy vậy, đất đào ra lấy lên đổ ở đâu vẫn là bài toán chưa có đáp số.

Nhưng trong cái khó đó, rồi tự nó sẽ làm ló cái khôn, một phong trào vệ sinh doanh trại được phát động, cống rãnh mặt bằng trong khu trại, hố xí hố tiểu đường thoát nước trong sân trại được phát động tu sửa và làm mới. Số đất đào từ mặt đất sùng đáy sâu 1,2m được đưa lên và trang trải nhập vào đất mới tu sửa sân trại và cứ sáng ngủ dậy sớm anh em tập trung tập thể dục và san bằng cho hòa nhập vào đất mới cũ. Qua 4, 5 ngày và tiếp theo gần một tuần địch không phát hiện được. Đây là thắng lợi bước đầu trong nổi băn khoăn, lo lắng của hàng ngàn anh em tù binh trong trại.

Đất đào theo chiều dài 120m trong lòng địa đạo được anh em rút kinh nghiệm ngoài đời khi ta đào trụ nọc rơm hay đào huyết mã, đào xong lấp lại bao giờ cũng thiếu. Từ đó anh em đào sâu hơn làm cho đất tơi, xốp rồi ém xuống và cứ như thế đào đến đâu ém hết đến đó. Đây là thắng lợi thứ 2. Tuy nhiên, trong quá trình đào hầm phát sinh nhiều vấn đề khá phức tạp như: một số anh em xuống hầm thiếu không khí bị ngất phải đưa lên cấp cứu, hầm đào lớn không giấu hết đất, đào nhỏ khi nằm trườn tới trước thì khi quay trở lại phía sau không được, nên cứ 10-15 mét anh em đào một khúc rộng để trở đầu. Đào trúng đá phải lách, né, đào không có địa bàn nên con đường hầm phát triển ngoằn ngoèo, tốn nhiều thời gian công sức, dễ lạc phương hướng, lỗ thông hơi nhỏ thì không đủ không khí, lớn thì dễ bị phát hiện. Quá trình đào có một số anh em bị ốm đau phải tìm người khác bổ sung và thay thế. Thỉnh thoảng bọn giám thị vào trại phải nín thở và lo ngại. Thời gian đào lại quá lâu, tình hình trong trại là mọi việc phải ngừng ngay, luôn có biến động phức tạp, tư tưởng sức khỏe trong anh em cán bộ hành động cũng bị ảnh hưởng. Do vậy mà Đảng bộ cũng phải thường xuyên củng cố tư tưởng. Nhất là phải chuẩn bị tư thế cho số anh em đào hầm. Nếu bị lộ là đồng chí Bí thư phải chịu nhận, nếu cần phải hy sinh cũng phải sẵn sàng. Tuyệt đối không được khai báo, không được làm ảnh hưởng lây lan đến người khác. Phải giữ đúng lời thề trước khi hành động: “Trung thành tuyệt đối”. Đào hầm là một việc hết sức khó khăn mới mẻ, đòi hỏi phải có sức khỏe, phải có ý chí, phải có quyết tâm cao. Nhiều đồng chí đào một ca lên tay phồng, chân lở loét do đá, cát trà xát, thân mình rướm máu, trời thì nóng bức nhưng phải mặc quần áo để che mắt bọn xấu.

Con đường hầm tuy đã dài và gần đến đích (cuối 12-1968) thì bọn “chó săn” đánh hơi theo dõi nên có nguy cơ bị lộ, do đó Đảng ủy có chủ trương cho tổ chức thoát ra sớm hơn. Theo chỉ đạo của Đảng ủy thì 21-09-1969 là đêm hành động, theo đó, đào từ đáy lên mặt đất từ 7 giờ đến 9 giờ và từ 9 giờ đến 4 giờ 30 sẽ đưa 120 đồng chí đã được lựa

chọn ra. Kế hoạch đưa ra đã được bí mật thông báo. Tuy vậy, bọn giám thị, bọn quân cảnh có cố vấn Mỹ chỉ đạo, được báo động, xe jeep thay nhau chạy xung quanh trại - Trung liên, Đại liên, Tiểu liên được chĩa súng vào trại sẵn sàng nhả đạn.

Nhưng việc tổ chức tù binh thoát ngục bằng địa đạo, đây là lần đầu tiên ở Phú Quốc nên đã gây cho địch bất ngờ. Các tiêu đoàn quân cảnh trên đảo được dồn về đây, chó, ngỗng, lựu đạn nổ, đèn pha chiếu sáng khắp vùng. Nhưng tất cả đều vô hiệu.

Trên mặt đất bọn cai ngục, xe cộ chạy rầm rập, thôi thúc anh em dưới đường hầm khẩn trương đào móc và đúng 4 giờ 35 phút cửa hầm ra đã được khai thông, người đầu tiên trườn lên khỏi địa đạo thì thấy hàng trăm tên quân cảnh cầm súng lăm lăm chĩa vào trại giam. Các đồng chí từ trước chuyển ra sau tinh thần như vậy. Giải quyết bằng cách nào? Tôi đang nằm sẵn dưới hầm truyền lệnh lên cho anh em đã nằm sẵn dưới địa đạo, không thể vào được. Thà chết ngoài rào dây kẽm gai, không chết dưới địa đạo. Thế là đoàn bắt đầu tiếp tục trườn ra, men theo bãi tranh tiếp cận đến bờ biển, mặc cho quân cảnh cứ nhằm thẳng mục tiêu vào trại. Đúng 5 giờ sáng miệng hầm bên trong đã lấp lại và nguy trang xong, số anh em kẹt lại không ra được, trở về vị trí cũ và chuẩn bị kế hoạch đôi phó. Đúng theo kế hoạch 6 giờ sáng đại diện trại ra báo giám thị là đêm vừa rồi có một số anh em thoát ngục, không rõ họ đi đường nào. Một cuộc tập hợp đông lực lượng trên toàn đảo được tiến hành như cuộc hành quân cảnh sát. Nhưng tất, cả 21 anh em vượt ra trên kế hoạch 120 đồng chí đều đã vượt ra khỏi Cầu Sấu (tục danh là Bàu Sấu, cá sấu ở đây có khả năng ăn thịt người và bọn quân cảnh thường tra tấn tù binh, lấy đó để hù dọa tù binh).

Vượt qua khỏi Cầu Sấu, đoàn được chia làm 2 cánh. Một cánh dọc theo bờ Nam biển, một cánh theo bờ Bắc biển, men đảo từng bước và đến 6 giờ tối đêm thứ 2 cả đoàn đều đến vị trí tập kết cuối cùng. Đó là nơi mà quân Mỹ đang tập trung bắn pháo. Chính nơi đó là căn cứ cách mạng của Phú Quốc. Anh em đã xác định từ khi còn ở trong trại. Trong chuyến đi này có đồng chí bị kẹt lại trèo lên cây gần trại, quan sát được biết là sáng hôm đó địch huy động tổng lực lượng tìm đến 9 giờ sáng vẫn chưa phát hiện được hình thức vượt ngục, sau đó dùng chó Béc-giê săn lùng phát hiện ra miệng hầm anh em thoát ra, cách trại 120 m. Lúc đó cả Mỹ ngụy mới vỡ lẽ là anh em vượt ngục bằng địa đạo. Tên trung úy Hiên trong ban điều hành trại, một tên đại gian ác đã bàng hoàng thất sắc và để đỡ bề mặt với tù binh, hắn đã lớn tiếng nói: “Đây là những anh hùng còn sống sót trận Điện Biên Phủ mới làm được công trình vĩ đại này”.

Đây là một đợt ra đi thắng lợi trọn vẹn nhất, ra đến nơi đã có 26 đồng chí ra trước đang công tác ở Phú Quốc tiếp đón. Đảng bộ Phú Quốc đón chúng tôi như đón những người con đi xa mới về, và đoàn chúng tôi cũng đã tự xác định Phú Quốc là quê hương thứ 2 của những người vượt ngục. Đón chúng tôi nếu là người tinh ý sẽ thấy, nội tâm của các đồng chí lãnh đạo Phú Quốc có nhiều nỗi lo, mừng là mừng cho Phú Quốc được tăng thêm sinh lực mới. Vì lúc đó Phú Quốc đang bị địch phong tỏa, lực lượng còn quá nhỏ bé. Còn nỗi lo là khả năng cấp dưỡng và trang bị cho lực lượng mới, tù binh ra đông căn cứ dễ bị lộ, địch phong tỏa đánh phá. Tuy vậy như mọi đoàn ra trước, sau một thời gian học tập, nghỉ ngơi, đoàn được phân công theo khả năng nghề nghiệp và sức khỏe của mỗi

người, phần lớn được chuyển về huyện đội Phú Quốc để bổ sung cho bộ đội địa phương, cho du kích các xã. Số khác bổ sung cho các ngành xung quanh huyện. Cá biệt có một số đồng chí ra tự túc với đồng bào bất hợp pháp. Quá trình đó đến cuối 1972 số vượt ngục ra đến Phú Quốc có 239 đồng chí. Trong đó có hơn 100 đồng chí là Đảng viên, 15 sĩ quan, 26 hạ sĩ quan, 3 đồng chí Huyện ủy, 3 bác sĩ, 34 y sĩ, y tá, 1 anh hùng quân đội, còn lại là binh sĩ và nhân viên. Số còn lại bị hy sinh, bị địch bắt lại, bị chết đói trên đường về căn cứ. Đoàn ra đông nhất 42 đồng chí còn lại 26 đồng chí, đoàn ít nhất 1 đồng chí, có đoàn mất 100%, đoàn mất 50%, rất ít đoàn an toàn tuyệt đối.

Ở đảo, anh em cũng quen dần với cuộc sống mới vốn đầy gian khổ, khó khăn. Vừa chiến đấu vừa sản xuất, ngày càng có nhiều công việc sáng sủa hơn; Như đục lấy dầu rái, khai thác gỗ, đẵn đó, câu cá đồng bán cho đất liền, bắn thú rừng để tự túc. Thông qua việc mua bán đó mà móc ráp cơ sở, khai thác tình hình từ đảo đến đất liền, từ căn cứ vào trại giam, từ anh em tù binh ra đối với một số tỉnh trong cả nước. Thư từ tin tức từ Phú Quốc đến Trung ương Cục, đến Chính phủ ta ở miền Bắc. Sống lâu trên Hải đảo, đời sống chính trị, kinh tế cơ bản của anh em chưa được giải quyết một cách thỏa đáng, vì tất cả đảng viên trong tù ra đều được ghép vào sinh hoạt với địa phương, nhưng vẫn giữ sinh hoạt tạm chờ ngày về đơn vị cũ. Tù binh ra ngày càng nhiều, do đó lực lượng địa phương cũng được tăng lên. Đến năm 1969 số anh em ra đã hình thành phân đội đặc công do Tư Phước làm phân đội trưởng, 1 đại đội địa phương do Tư Dũng người địa phương, cùng một số đồng chí tù binh vượt ngục ra chỉ huy. Có lực lượng mới thì hoạt động quân sự tăng lên. Các đồn bót, cứ điểm của địch ở Hàm Ninh, Dương Tơ, Cây Thông, Cửa Cạn và ngay cả bọn bảo an khu trại cũng bị tấn công, Dương Đông là nơi bất khả xâm phạm cũng bị quân ta đánh phá. Lực lượng địch trên Hải đảo bị sút mẻ, vũ khí thu được lấy trang bị cho lực lượng ta ngày càng tăng. Thế mạnh mới của bộ đội ta là quân chủ lực tổng hợp, thiện chiến nên đã đánh là thắng, nhiều trận làm cho quân thù khiếp đảm, quần chúng thì tin tưởng phấn khởi, cứ sau mỗi lần đánh thắng về, đồng bào từ Dương Đông gửi thư động viên, gửi quà tặng cho bộ đội, do đó khí thế bộ đội ngày càng được nâng lên. Nhưng trong quá trình chiến đấu và ốm đau đã có 31 đồng chí tù binh vượt ngục hy sinh ở Phú Quốc. Sống, chiến đấu trên đảo một thời gian dài, đã có 34 đồng chí vượt đảo trở về lại nơi công tác cũ. Lúc đầu chặt cây đèo xuống theo kiểu máng cho lợn ăn, về phía Rạch Giá thì quá xa. Qua phía đất Campuchia thì nước chảy xiết xuống nhỏ không vượt nổi. Nhiều đồng chí ra đi không đến đích và có đi nhưng không có tin lại.

Đến 1970 có đoàn anh Trương Văn Hòa vượt biển, sau 3 tháng Đài phát thanh tiếng nói Việt Nam báo tin anh Hòa đã về đến miền Bắc và tiếp đến 1971, đoàn anh Sáu Minh về. Nhờ đó mà Trung ương Cục hiểu thêm về trại giam Phú Quốc. Tình hình anh em tù binh đấu tranh trong tù, số anh em đã ra đang công tác ở Phú Quốc và cũng từ đó Trung ương Cục chỉ đạo Rạch Giá và Rạch Giá chỉ đạo cho Phú Quốc, tiến hành thành lập một bộ phận nghiên cứu công tác trại giam Phú Quốc. Do một đồng chí huyện ủy viên làm trưởng ban. Tôi được chỉ định làm phó ban trực. Từ đó công việc ở trại giam Phú Quốc được theo dõi chặt hơn. Tài liệu tin tức được đưa vào trại giam trong các sọt cá và các bó rau, vào các bao gạo. Đặc biệt ta đã thành công lớn là đã tán phát được hàng ngàn truyền đơn, bản tin lời kêu gọi và chính sách của Mặt trận vào được khắp các khu

giam, bằng hình thức là truyền đơn được đưa vào trong vỏ tràm tù binh chặt làm củi đưa về trại. Củi đưa về trại bửa ra, truyền đơn được anh em bí mật truyền nhau xem và nhanh chóng loan ra đều các khu giam.

Thông qua các hình thức đó mà tư tưởng tù binh được củng cố, lòng tin tù binh được giữ vững, khí thế tù binh được nâng lên, bẻ gãy được mọi luận điệu xuyên tạc của bọn cai ngục. Phong trào vượt ngục về sau lại được đông hơn và cũng chính từ cái hoạt động đó mà công tác phòng thủ của địch kể cả trại giam và bên ngoài được tăng cường. Để đối phó với vượt ngục bằng địa đạo tất cả nền trại đều làm bằng xi măng, tăng cường việc điếm danh ban đêm và liên tục dời đổi trại này sang trại khác. Chính vì thế mà nhiều địa đạo bị vỡ kế hoạch.

Đến giữa 1972 Trung ương Cục cử đồng chí Sáu Minh là (tù binh vượt ngục về Trung ương Cục) cùng với 1 số đồng chí cán bộ ở Ban tổ chức R trở lại Phú Quốc, cùng lúc đồng chí Tám Quýt khu ủy viên khu 9 Bí thư Tỉnh ủy Rạch Giá cũng về Phú Quốc để truyền đạt chủ trương của Trung ương Cục về kế hoạch giải quyết số tù binh vượt ngục ra Phú Quốc về đất liền. Sau đó toàn bộ số anh em tù binh ra còn tại Phú Quốc đều tổ chức đưa sang tỉnh Campôt, tổ chức học tập và có chủ trương giải quyết cụ thể. Số còn lại đều được đưa về bổ sung cho lực lượng vũ trang khu 9. Tôi được bố trí trong diện về Trung ương Cục. Từ Campôt về Trung ương Cục trên đất bạn đi bằng ca-nô của Ban Việt Kiều Trung ương, đến Biển Hồ trong đoàn có người chết, phải dừng lại chôn cất và phải mất 16 ngày đêm mới đến được ban đón tiếp Trung ương...

Không có sức mạnh nào bằng sức mạnh của lòng yêu quê hương đất nước, tinh thần căm thù cao độ quân cướp nước và bè lũ tay sai bán nước khi đã được phát động và nhân lên. Con người biết giữ gìn đạo đức, nhân phẩm và coi trọng đạo đức, nhân phẩm là lẽ sống vô giá; nhờ vậy mà đã vượt qua nhiều khó khăn tưởng chừng như không sao vượt qua được. “Đi tìm cái sống trong cái chết” là khẩu hiệu hành động của anh em tù binh đã từng bị giam giữ trên đảo Phú Quốc. Đó là nguyên nhân, xuất xứ giúp cho hơn 400 tù binh bị giặc Mỹ giam giữ tại Phú Quốc, đã bẻ gãy gông xiềng trở về lại với quần ngũ và tiếp tục chiến đấu. Đó là một kỳ công lớn, là niềm tự hào của mỗi người chúng ta.

VÕ CƯỜNG

(Cựu Tù Binh Phú Quốc)

LỜI TÂM HUYẾT CỦA MỘT CỰU TÙ...

... **N**gót mười bốn nghìn con người sau những năm tháng sống và chiến đấu gian khổ trong lao tù (thời kỳ kháng chiến chống Pháp), đã trở về gia đình với sức khỏe cả về thể chất lẫn tâm hồn; nhưng phần đông hăng hái bước vào cuộc chiến đấu mới trong sự nghiệp xây dựng miền Bắc và chống Mỹ cứu nước ở cả hai miền. Những anh em vượt ngục ra thì hai phần ba đã trực tiếp chiến đấu, công tác ngay từ những ngày đầu, còn một phần ba cũng vui vẻ làm bất cứ việc gì do cách mạng yêu cầu.

Còn số bám theo gót giặc ở lại cặng sau ngày trao trả chỉ chiếm một phần không đáng kể trong tổng số tù binh, đều là những tên tay sai cũ của giặc, có nợ máu đối với nhân dân, nay không dám và không muốn thở chung bầu không khí hòa bình, tự do với nhân dân.

Âm mưu thủ đoạn của địch vô cùng nham hiểm, 99 ngôi mộ trong nghĩa trang tù binh chứng tỏ rằng chính sách của địch rất tàn bạo, nhưng ý đồ của chúng thì không đạt được.

Thắng lợi chung của cuộc kháng chiến chín năm đã tạo điều kiện giải phóng cho mười bốn ngàn tù binh chúng tôi ở Cây Dừa, nhưng sự hy sinh chiến đấu, bất khuất kiên cường của anh em cũng góp phần đáng kể làm nên thắng lợi chung của kháng chiến và giải phóng cho mình.

Đảng bộ nhà tù Cây Dừa, một Đảng bộ gồm những đồng chí Trung, Nam, Bắc tin nhau hơn là quen biết, không có cấp trên giới thiệu, nhưng bằng vào thực tế hành động mà tự nguyện ghép lại với nhau, kết thành một khối vững chắc và nhận lấy trách nhiệm làm hạt nhân lãnh đạo. Họ không có cấp trên trực tiếp chỉ đạo, chỉ bám lấy đường lối, chính sách nói chung của Đảng mà vận dụng, cấp dưới tuân thủ cấp trên, đảng viên tuân thủ cấp ủy, quần chúng tin cậy và làm theo cán bộ, đảng viên. Lý tưởng Cộng sản, ý chí độc lập - tự do, sự lãnh đạo của Bác Hồ và Trung ương Đảng, đó chính là chân trời hướng tới, là niềm tin, không sức mạnh nào lay chuyển được niềm tin ấy, nó có sức động

viên kỳ lạ giúp mọi người vượt lên tất cả để giành chiến thắng. Suốt mười bốn tháng không có sự viện trợ trực tiếp nào bên ngoài mà Đảng bộ trong nhà tù vẫn đứng vững trước mọi thử thách và đảm bảo sự lãnh đạo của mình trong mọi lĩnh vực. Đây chính là *nhân tố đầu tiên* quyết định thắng lợi chung của cảng Cây Dừa.

Nhân tố thứ hai là đội ngũ cán bộ, dù giữ các chức vụ công khai hay bí mật, trong Đảng hay ngoài Đảng, phần đông đã được Đảng giáo dục rèn luyện nên vững vàng trước mọi tình thế, một lòng một dạ trung thành với Đảng, với dân và quần chúng tù binh; không ngại gian khổ, hy sinh, không giành đặc quyền đặc lợi cho mình và rất quan tâm đến lợi ích quần chúng.

Nhân tố thứ ba là tinh thần đoàn kết: Trung, Nam, Bắc đoàn kết; trong, ngoài Đảng đoàn kết; cán bộ và quần chúng đoàn kết; các tôn giáo đều đoàn kết xuất phát từ niềm tin nhau bền chặt. Đối với kẻ thù thì ranh giới phân minh, địch-ta không lẫn lộn, nhưng với quần chúng dù có chậm tiến, lỡ lầm thì khoan dung, giáo dục, không hẹp hòi thành kiến.

Nhân tố thứ tư là phương pháp lãnh đạo, phương pháp công tác rất linh hoạt, khôn khéo, luôn biết tranh thủ thời cơ (tranh thủ thời cơ xây dựng lực lượng, cải thiện đời sống, tranh thủ thời cơ vượt ngục, tranh thủ thời cơ đòi địch phải trả hết số anh em bị giam ở trại Biệt lập, hay số anh em bị ép buộc sang trại Tân binh về lại các trại...). Luôn luôn bám sát thái độ, hành động của địch, đoán đúng âm mưu, thủ đoạn của chúng để có chủ trương, biện pháp đối phó khôn khéo nhằm đạt mục đích yêu cầu của ta mà tiết kiệm xương máu nhất; công tác tư tưởng làm thường xuyên và kịp thời, lấy quần chúng giáo dục quần chúng và quản lý quần chúng; dùng nhiều tổ chức biến tướng và hoạt động biến tướng để che mắt địch, làm địch rối mắt, không nhận ra điểm để đánh ta; đẩy mạnh các hoạt động văn nghệ, thể thao, văn hóa, gây không khí vui tươi, lành mạnh để chặn đứng đòn tiến công của địch về tinh thần và nâng cao tâm hồn người tù vượt lên trên những khổ đau sâu thẳm, xây dựng khí thế lạc quan cách mạng, xây dựng con người vì lợi ích hôm nay và cả mai sau cho đất nước.

Cái sống, cái chết, cái vui, cái buồn... của mười bốn tháng trên mũi đảo đã khắc vào lòng mười bốn ngàn con người bao nhiêu kỷ niệm không phai. Từ ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng đến nay, bao bạn tù chúng tôi có ước vọng tổ chức một cuộc hành hương trở lại Phú Quốc, thăm lại mảnh đất từng thấm máu và nước mắt của mình, thăm đồng chí, đồng đội đã nằm lại nơi đây mấy chục năm qua, giành khoảnh khắc trầm mặc nghe sóng dội Hòn Dừa, lắng lời tâm sự của người trong lòng đất hay tiếng sóng của bản hùng ca bất khuất năm xưa không bao giờ tắt, lấy kỷ niệm nuôi lửa lòng giữ ấm đến mai sau. Đồng thời có dịp thăm lại các ba, má, cô, bác, anh, chị ở Dương Tơ, Cửa Dương, Bãi Bồn...; nghiêng mình trước hương hồn người đã khuất và sung sướng hòa nước mắt mừng tủi với người còn sống, hàn huyên tái ngộ thân canh.

Nhưng... làm được như điều ước vọng đó quả là khó khăn. Cho nên trước mắt, một số anh em chúng tôi tranh thủ viết hồi ký về nhà tù Cây Dừa - Phú Quốc, coi đây là cuộc “hành hương ký ức” về một chiến trường năm xưa, bằng tâm huyết của mình để hàn huyên với mọi người.

Viết những trang hồi ký này, tuy chỉ là lời kể của số ít anh em, nhưng là để góp lời kể về mười bốn ngàn tù binh năm ấy, là để tỏ lòng quý yêu và biết ơn đối với toàn thể anh em. Hơn nửa thế kỷ qua rồi, chắc không ít anh em đã qua đời do già yếu bệnh tật, hoặc do chiến đấu hy sinh, trong đó có thể không ít anh em đã bị đoạ đầy trở lại, quần quai trong cái nhà lao Cây Dừa thời 20 năm chống Mỹ cứu nước, gian khổ gấp nhiều lần. Mấy chục năm trong thử thách mới, rất đáng mừng là tuyệt đại đa số anh em đã giữ vững được truyền thống tù binh Phú Quốc ở bất kỳ vị trí chiến đấu nào, trong hoàn cảnh nào cũng một lòng một dạ trung thành với lý tưởng cách mạng, với con đường mà Bác Hồ, Đảng và nhân dân ta đã chọn.

Xin thành kính thấp những nén hương thơm hướng về các anh hùng, liệt sĩ đã hy sinh ở Phú Quốc và bốn phương trời; tưởng nhớ đến các bạn tù và những bà con, cô bác đã khuất. Còn với những anh em khác, mong sao chút hoài niệm về một thời của chúng ta, sẽ đến được với anh em và xin gửi cùng nó lời chào mừng, chúc sức khỏe, hạnh phúc của chúng tôi đến các bạn, các đồng chí và gia đình.

Trích Hồi ký

“Phú Quốc - Sóng dội Hòn Dừa”

của Huy Ninh



Đ/c Bí thư Tỉnh ủy Kiên Giang Lê Hồng Anh (Nay là Bộ trưởng Bộ Công an) cắm nhang viếng các liệt sĩ Phú Quốc



Đ/c Thiếu tướng Nguyễn Trân viếng mộ các tù binh liệt sĩ

TRANG TRỌNG LƯU DANH CÁC LIỆT SĨ ĐÃ HY SINH Ở PHÚ QUỐC



Nghĩa trang liệt sĩ Phú Quốc



Tượng đài kỷ niệm các chiến sĩ cách mạng tại nhà tù Phú Quốc



Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ tại Nghĩa trang liệt sĩ Phú Quốc

DANH SÁCH LIỆT SĨ HY SINH Ở PHÚ QUỐC

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Quê quán	Đơn vị	Ngày hy sinh	Số mộ
1	GIANG LẠC ĐẮC (7 KIÊN)	1914	Dương Đông - Phú Quốc	Huyện Phú Quốc	24/8/1965 (A1)	AAH1M1
2	NGUYỄN VĂN NHỊ (8 NHỊ)	1939	Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	11/11/1965	A1H1M2
3	DƯƠNG VĂN ANH	1918	Dương Tơ - Phú Quốc	Du kích xã Dương Tơ	20/6/1959	A1H1M3
4	HÀ QUỐC THỐNG	1935	Dương Đông - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	10/6/1967	A1H2M1
5	ĐINH VĂN SƠN (VŨ SƠN)	1942	Dương Tơ - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	1971	A1H2M2
6	NGUYỄN VĂN CẢNH (6 CẢNH)	1932	Dương Đông - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	5/10/1972	A1H3M3
7	NGUYỄN QUANG LỢI	1940	Hàm Ninh - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	5/2/1973	A1H3M4
8	NGUYỄN QUANG HÍ (6 KIỂU)	1940	Hàm Ninh - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	5/8/1966	A1H3M5
9	TRẦN VĂN ĐỎM	1939	Hàm Ninh - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	1969	A1H4M1
10	LÊ MINH MẠNH (MINH ĐOÀN)	1940	Cửa Dương - Phú Quốc	Đặc công Quân khu 9	02/7/1960	A1H4M2
11	HUỲNH VĂN BÀNG	1937	Dương Đông - Phú Quốc	Du kích xã Cửa Dương	13/9/1966	A1H4M3
12	NGUYỄN VĂN GIẢ	1933	Dương Đông - Phú Quốc	Du kích xã Cửa Dương	19/9/1967	A1H4M4
13	LÊ VĂN LUYỆN	1948	Dương Tơ - Phú Quốc	Du kích xã Dương Tơ	09/11/1972	A1H4M5
14	TRẦN VĂN NGỌC	1946	Dương Tơ - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	4/1975	A1H5M1
15	NGUYỄN VĂN THAI	1929	Dương Tơ - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	5/6/1969	A1H5M2
16	LÊ MINH CHIẾN	1936	Cửa Dương - Phú Quốc		25/5/1972	A1H5M3
17	LÂM VĂN SỰ (3 RÂU)	1917	Dương Đông - Phú Quốc	Kinh tài huyện PQ	24/8/1965 (A1)	A1H5M4
18	NGUYỄN VĂN HÀNH	1939	Dương Đông - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	30/4/1966	A1H5M5
19	TRẦN VĂN NGŨ	1920	Dương Tơ - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	15/6/1968	A1H5M6
20	PHẠM VĂN PHÁT (3 TẤN)	1937	Dương Đông - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	30/10/1967	A1H6M1
21	LÊ VĂN QUẾ (HUỆ)		Dương Đông - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	21/10/1969	A1H6M4

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Quê quán	Đơn vị	Ngày hy sinh	Số mộ
22	HỒ VĂN THÀNH	1940	Dương Đông - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	02/1969	A1H6M5
23	ĐỖ VĂN NỐI	1940	Dương Tơ - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	12/9/1969	A1H6M6
24	LÊ TRỌNG NGHĨA (3 SẮT)	1938	Ong Lang - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	20/10/1969	A1H1M1
25	PHAN VĂN LỢI	1950	Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	27/10/1969	A1H7M2
26	TRẦN VIỆT HỒNG (GIÁP)	1946	Dương Tơ - Phú Quốc	Du kích xã Dương Tơ	1965	A1H7M4
27	NGUYỄN VĂN HẢI	1938	Dương Tơ - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	02/1966	A1H7M6
28	NGÔ VĂN TẤN	1948	Dương Đông- Phú Quốc	Địa phương quân PQ	29/9/1969	A1H7M7
29	TRƯỜNG VĂN HỘI	1947	Dương Tơ - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	20/7/1970	A1H8M2
30	TỪ VĂN BÉ	1946	Hàm Ninh - Phú Quốc	Giao liên huyện	4/5/1964	A1H8M3
31	TRỊNH VĂN KIẾN	1939	Dương Tơ - Phú Quốc	Giao liên huyện	12/1/1971	A1H8M4
32	NGUYỄN VĂN CHÍNH (THAO)	1939	Dương Tơ - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	15/5/1971	A1H8M6
33	VÕ VĂN ÉN	1945	Dương Tơ - Phú Quốc	Đặc công	20/10/1971	A2H1M1
34	DƯƠNG VĂN ĐÔNG	1953	Dương Đông- Phú Quốc	Địa phương quân PQ	07/1975	A2H1M2
35	ĐỖ VĂN MỐI	1950	Ong Lang - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	04/04/1975	A2H1M3
36	TRẦN ĐÌNH NGỰ	1948	Ong Lang - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	05/09/1969	A2H1M5
37	TRẦN VĂN HÀ	1948	Hàm Ninh - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	24/11/1974	A2H1M6
38	VÕ VĂN ĐÀO	1940	Dương Đông - Phú Quốc	Du kích xã Dương Tơ	28/08/1972	A2H1M10
39	TRẦN VĂN CƯỜNG		Dương Tơ - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	16/03/1969	A2H2M2
40	LÊ VĂN ĐỨC	1936	Cửa Dương - Phú Quốc	Du kích xã Cửa Dương	30/10/1967	A2H2M3
41	NGUYỄN VĂN CHIẾN		Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	16/03/1969	A2H2M4
42	NGUYỄN VĂN BÌNH		Dương Tơ - Phú Quốc	Biệt Động	02/01/1975	A2H2M5
43	TRẦN VĂN PHƯỚC	1950	Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	05/01/1974	A2H2M6
44	TRẦN VĂN XUÂN		Hàm Ninh - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	10/01/1975	A2A2M7
45	TRÌNH VĂN HOA	1941	Dương Tơ - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	20/04/1975	A2H2M8
46	VÕ VĂN THÁI (TU)		Dương Đông - Phú Quốc	Du kích xã Cửa Dương	20/04/1975	A2H2M9
47	HUYỀN HOÀNG TRỌNG	1948	Cửa Dương - Phú Quốc	Du kích xã Cửa Dương	03/09/1970	A2H2M11
48	NGUYỄN VĂN CHIẾN	1950	Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	22/08/1971	A2H2M12

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Quê quán	Đơn vị	Ngày hy sinh	Số mộ
49	NGUYỄN VĂN GHINH	1914	Cửa Dương - Phú Quốc	Công an xã Cửa Dương	08/03/1969	A2H3M1
50	LÊ VĂN THANH	1948	Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ		A2H6M7
51	NGUYỄN VĂN CHẠY		Dương Tơ - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	23/06/1966	A2H6M8
52	CHÂU HỮU NGHĨA	1943	Cửa Dương - Phú Quốc	Du kích xã Cửa Dương	06/11/1962	A2H6M10
53	HÀ HẮC CHÍN		Cửa Dương - Phú Quốc	Du kích xã Cửa Dương	17/05/1963	A2H6M11
54	HUỲNH VĂN BỬU	1946	Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	16/09/1966	A2H6M14
55	HUỲNH VĂN THỌ		Cửa Dương - Phú Quốc	Du kích xã Cửa Dương	27/07/1965	A2H6M15
56	NGUYỄN VĂN TƯỢNG	1948	Dương Tơ - Phú Quốc	Du kích xã Dương Tơ	30/09/1963	A2H6M16
57	HUỲNH VĂN NHUNG	1951	Dương Đông - Phú Quốc	Du kích xã Cửa Dương	05/06/1969	A2H7M1
58	HUỲNH THIÊN TÂM		Dương Đông - Phú Quốc	Kinh tài huyện	10/1968	A2H7M2
59	NGUYỄN VĂN RÔ	1946	Dương Đông - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	28/06/1966	A2H7M3
60	NGUYỄN VĂN HẢO	1947	Dương Đông - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	13/01/1967	A2H7M4
61	LÊ CÔNG BA	1950	Dương Đông - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	12/04/1970	A2H7M6
62	TRƯƠNG VĂN SÁU	1950	Dương Đông - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	17/01/1970	A2H7M7
63	VÕ VĂN CỎ	1914	Dương Đông - Phú Quốc	Công an huyện	21/06/1958	A2H7M9
64	NGUYỄN VĂN KHỎE		Cửa Dương - Phú Quốc	Du kích xã Cửa Dương	20/12/1963	A2H7M10
65	PHAN VĂN VIỆT		Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	06/1961	A2H7M11
66	NGUYỄN VĂN THÀNH		Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	20/05/1965	A2H7M12
67	NGUYỄN VĂN HÙNG	1947	Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	10/06/1967	A2H7M13
68	NGUYỄN VĂN THÂN	1947	Dương Tơ - Phú Quốc		20/12/1963	A2H7M16
69	ĐÀO VĂN SỬU	1936	Cửa Cạn - Phú Quốc			A2H8M1
70	NGUYỄN VĂN LỰC		Dương Tơ - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	24/01/1963	A2H8M2
71	NGUYỄN VĂN ÚT	1945	Dương Tơ - Phú Quốc		10/03/1965	A2H8M3
72	NGUYỄN VĂN SÁU	1927	Hàm Ninh - Phú Quốc		10/12/1959	A2H8M4
73	HUỲNH LONG PHẤN	1918	Hàm Ninh - Phú Quốc		10/12/1959	A2H8M5
74	LA VĂN THÀNH	1925	Hàm Ninh - Phú Quốc	Giao liên huyện	10/09/1962	A2H8M6
75	LÊ VĂN DỆT	1929	Hàm Ninh - Phú Quốc		23/05/1967	A2H8M7
76	NGUYỄN VĂN TIẾT		Dương Tơ - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	16/01/1966	A2H3M2
77	ĐẶNG VĂN TẮP	1952	Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	15/01/1966	A2H3M3
78	HỒ VĂN HỎ		Dương Tơ - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	26/06/1953	A2H3M4

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Quê quán	Đơn vị	Ngày hy sinh	Số mộ
79	DƯƠNG VĂN BẠCH	1924	Dương Đông - Phú Quốc	Công an xã Dương Tơ	20/04/1961	A2H3M5
80	NGUYỄN VĂN CỰ		Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	02/03/1962	A2H3M6
81	VÕ VĂN TỊNH	1942	Cửa Dương - Phú Quốc	Quân bưu	05/01/1961	A2H3M8
82	LÊ VĂN DẸN		Dương Đông - Phú Quốc		08/10/1950	A2H4M1
83	NGUYỄN VĂN TRẠNG	1933	Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	20/08/1963	A2H4M2
84	HỨA TÔN HIỆP	1929	Dương Đông - Phú Quốc	Công an huyện PQ	09/02/1967	A2H4M3
85	NGUYỄN VĂN NHẠN	1951	Dương Tơ - Phú Quốc	Du kích xã Dương Tơ	06/09/1969	A2H4M4
86	LÝ VĂN NGHIỆP	1930	Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	16/01/1966	A2H4M6
87	PHAN VĂN ĐIỀU	1935	Cửa Dương - Phú Quốc		10/10/1964	A2H4M7
88	TRẦN VĂN QUANG	1945	Dương Đông - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	02/10/1970	A2H4M11
89	NGUYỄN VĂN GIỚI	1945	Hàm Ninh - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	1973	A2H4M12
90	TRẦN VĂN LIÊN	1941	Bình Định	Địa phương quân PQ	25/06/1965	A2H4M14
91	NGUYỄN VĂN HÙNG	1910	Cửa Dương - Phú Quốc		20/09/1962	A2H5M2
92	LÝ NGHIỆP HÈN	1935	Cửa Dương - Phú Quốc	Du kích ấp	20/02/1963	A2H5M12
93	HUỲNH THIÊN THU		Hà Tiên	Đơn vị biệt động	12/03/1968	A2H5M14
94	HUỲNH NGỌC THÀNH	1948	Hà Tiên	Du kích	09/09/1966	A2H5M15
95	NGUYỄN VĂN BUỒI	1960	Cửa Cạn - Phú Quốc		22/11/1969	A2H6M1
96	NGUYỄN THÀNH TÂN	1940	Cửa Dương - Phú Quốc	Chi đoàn xã Cửa Dương	17/07/1965	A2H6M4
97	NGUYỄN NGỌC LŨY	1936	Dương Đông - Phú Quốc		24/02/1966	A2H6M5
98	LÊ THANH VÂN	1948	Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	20/01/1973	A2H6M6
99	HÀ VĂN LÚA		Hàm Ninh - Phú Quốc		1969	A2H8M9
100	LÊ VĂN CƯỜNG		Hàm Ninh - Phú Quốc		1952	A2H8M10
101	LÂM VĂN TRỌNG	1910	Cửa Dương - Phú Quốc	Du kích xã Cửa Dương	22/01/1966	A2H8M11
102	VÕ VĂN PHÙNG		Dương Đông - Phú Quốc	Du kích xã Cửa Dương	11/01/1973	A2H8M12
103	LÊ VĂN HẠNH	1966	Hàm Ninh - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	10/06/1987	A2H8M14
104	LÂM VĂN DŨ		Hàm Ninh - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	11/1967	A2H8M15
105	NGUYỄN VĂN TÂM		Cửa Dương - Phú Quốc		02/01/1962	A2H8M16
106	TRẦN VĂN THÀNH		Hàm Ninh - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	20/05/1966	A3H1M3
107	ĐỖ VĂN ĐÔNG	1945	Cửa Dương - Phú Quốc			A3H1M4
108	NGUYỄN THỊ XUYẾN	1890	Hàm Ninh - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	01/03/1963 (A1)	A3H1M5

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Quê quán	Đơn vị	Ngày hy sinh	Số mộ
109	MAI VĂN BẢY		Dương Tơ - Phú Quốc	Du kích xã Cửa Dương	02/11/1969	A3H1M6
110	HUỖNH VĂN TÂM		Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	10/1974	A3H1M8
111	NGUYỄN VĂN EM		Hàm Ninh - Phú Quốc	Giao liên huyện	10/1962	A3H1M9
112	HUỖNH TẤN THÀNH	1925	Dương Đông - Phú Quốc	Xã Hàm Ninh	10/04/1947	A3H1N10
113	LÊ VĂN CU	1932	Hàm Ninh - Phú Quốc	Du kích xã	24/01/1963	A3H1M11
114	LÊ VĂN TRỰC	1942	Hàm Ninh - Phú Quốc	Du kích xã	01/02/1963	A3H1M12
115	LÊ VĂN BA		Dương Tơ - Phú Quốc	Địa phương QH	20/09/1962	A3H2M5
116	VÕ VĂN LỐC	1949	Dương Đông - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	29/09/1968	A3H2M6
117	NGUYỄN VĂN CỤT	1950	Dương Tơ - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	20/09/1968	A3H2M7
118	VÕ NHƯ LAI	1948	Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	02/1968	A3H2M8
119	TRẦN VĂN VÂN	1937	Cửa Cạn - Phú Quốc	UB Mặt trận huyện	23/04/1970	A3H3M1
120	NGUYỄN VĂN BÉ	1939	Cửa Dương - Phú Quốc	Du kích xã	08/03/1969	A3H3M2
121	NGUYỄN VĂN NUÔI	1946	Hàm Ninh - Phú Quốc	Du kích xã Dương Tơ	09/03/1969	A3H3M3
122	NGUYỄN VĂN THÊ	1940	Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	30/08/1968	A3H3M4
123	VÕ VĂN BÀO		Cửa Dương - Phú Quốc	Du kích xã	10/04/1972	A3H3M5
124	NGHIÊM VĂN THÁI		Dương Đông - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	01/02/1967	A3H3M7
125	HUỖNH VĂN CANG	1916	Dương Tơ - Phú Quốc	Binh vận huyện	22/07/1968	A3H3M8
126	TRẦN VĂN LÝ	1939	Dương Đông - Phú Quốc	Công an huyện	15/04/1952	A3H3M9
127	LÊ CÔNG QUANG		Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	23/06/1971	A3H3M10
128	NGUYỄN VĂN DÒI	1945	Dương Tơ - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	27/02/1967	A3H4M2
129	TRẦN THANH VÂN	1938	Dương Tơ - Phú Quốc	Du kích xã Dương Tơ	03/04/1966	A3H4M3
130	HỒ VĂN THÀNH	1940	Dương Đông - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	06/09/1962	A3H4M4
131	PHẠM VĂN LANG	1950	Dương Đông - Phú Quốc	Giao liên huyện	07/08/1974	A3H4M5
132	TRÌNH NGỌC THẢO	1948	Dương Tơ - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	30/04/1966	A3H4M6
133	LÊ VĂN SƠN	1944	Dương Đông - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	30/04/1966	A3H4M8
134	NGUYỄN VĂN HOÀNG	1940	Dương Đông - Phú Quốc	Văn công huyện	25/08/1966	A3H5M2
135	KHUU VĂN VÂN	1920	Bãi Bỏ - Phú Quốc	Huyện Phú Quốc	04/03/1953	A3H5M4
136	TRẦN TÍCH LỘC	1946	Dương Tơ - Phú Quốc	Du kích ấp	01/10/1963	A3H5M5
137	NGUYỄN VĂN DỮ	1940	Hàm Ninh - Phú Quốc	Du kích xã	17/06/1961	A3H5M6
138	NGUYỄN VĂN NÊU	1942	Dương Tơ - Phú Quốc	Du kích	21/02/1961	A3H5M7

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Quê quán	Đơn vị	Ngày hy sinh	Số mộ
139	TRẦN VĂN ĐẠT	1941	Dương Đông - Phú Quốc	Giao liên huyện	30/12/1961	A3H5M8
140	ĐỖ VĂN GIÁO	1921	Dương Đông - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	21/01/1964	A3H6M1
141	TRẦN VĂN CHÈO	1927	Cửa Dương - Phú Quốc	E124.QK9	24/11/1948	A3H6M4
142	TRẦN VĂN LY	1939	Dương Đông - Phú Quốc	An ninh huyện	15/02/1968	A3H6M6
143	HUỲNH THÀNH CÔNG	1939	Dương Đông - Phú Quốc	Trình sát huyện		A3H6M7
144	HỒ VĂN BẮC	1939	Dương Tơ - Phú Quốc	Du kích xã	25/08/1964	A3H6M8
145	NGÔ VĂN BỘ	1916	Cửa Dương - Phú Quốc	Xã Cửa Dương	10/11/1959	A3H6M9
146	HỒ THỊ NGHIÊM		Dương Tơ - Phú Quốc	Phụ nữ huyện	20/06/1959	A3H7M1
147	NGUYỄN VĂN TÀU		Dương Tơ - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	10/02/1962	A3H7M2
148	TRẦN VĂN MINH (TƯ MƯỜI)	1936	Dương Đông - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	19/04/1962	A3H7M3
149	NGÔ VĂN ĐỨC	1950	Dương Tơ - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	10/04/1970	A3H11M1
150	ĐẶNG VĂN TÈO	1951	Dương Tơ - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	15/04/1970	A3H11M2
151	PHÙ XÍ ÂU	1948	Cửa Dương - Phú Quốc	Xã Cửa Dương	17/01/1973	A3H11M3
152	NGUYỄN VĂN LÂM	1941	Cửa Dương - Phú Quốc	Giao liên huyện	25/06/1966	A3H11M5
153	PHẠM VĂN MỤC	1947	Dương Đông - Phú Quốc	Đặc công huyện	14/01/1973	A3H11M6
154	NGÔ THỊ KIM THU		Dương Tơ - Phú Quốc	Huyện Vĩnh Thuận	27/03/1971	A3H12M1
155	NGÔ THỊ KIM NGA		Dương Tơ - Phú Quốc	Huyện Vĩnh Thuận	25/02/1971	A3H12M2
156	TRẦN NGỌC AN (6 LANG)		Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	23/04/1975	A3H12M4
157	PHAN VĂN BÉ	1936	Dương Đông - Phú Quốc	Dân vận huyện	09/11/1966	A3H12M5
158	LÂM VĂN PHÚ		Dương Tơ - Phú Quốc	Du kích xã	16/12/1966	A3H12M6
159	PHẠM VĂN HỒNG		Dương Đông - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	16/01/1968	A3H13M1
160	TRẦN VĂN NĂM	1947	Dương Tơ - Phú Quốc	Du kích xã	02/06/1970	A3H13M2
161	GIANG TÂM PHÁT		Dương Tơ - Phú Quốc	Xã Dương Tơ	20/11/1963	A3H13M3
162	HỒNG VĂN THỜI	1936	Cửa Cạn - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	09/10/1969	A3H13M6
163	LÊ VĂN HIỆP	1939	Dương Đông - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	30/09/1967	A3H13M11
164	NGUYỄN VĂN THÀNH		Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	20/05/1965	A3H13M12
165	MẠC VĂN SÁNG	1927	Dương Tơ - Phú Quốc	Du kích xã Dương Tơ	20/10/1971	A3H13M13
166	NGUYỄN VĂN HOA	1944	Dương Tơ - Phú Quốc	Du kích xã	05/06/1969	A3H14M1
167	ĐỖ VĂN THƠ	1941	Dương Tơ - Phú Quốc	Du kích xã	28/06/1970	A4H14M2
168	NGUYỄN VĂN NGHỊCH	1947	Hàm Ninh - Phú Quốc	Du kích xã Hàm Ninh	06/10/1968	A3H15M3

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Quê quán	Đơn vị	Ngày hy sinh	Số mộ
169	NGUYỄN VĂN TRANH		Dương Tơ - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	1972	A3H15M4
170	NGUYỄN QUỐC BỬU	1925	Dương Đông - Phú Quốc	Xã Dương Tơ	21/06/1959	A3H15M7
171	NGUYỄN VĂN ĐỤC	1952	Kiên Giang	Sư đoàn 1	05/06/1975	A3H16M1
172	TRẦN VĂN KÍNH	1940	Dương Tơ - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	10/02/1962	A3H7M4
173	TRẦN QUYẾT THẮNG	1934	Dương Đông - Phú Quốc	Binh vận huyện	19/10/1963	A3H7M5
174	ĐẶNG VĂN CHUÔNG	1936	Dương Tơ - Phú Quốc	Tuyên giáo huyện	16/10/1965	A3H7M6
175	NGUYỄN TỬ HẢI	1944	Hàm Ninh - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	10/04/1975	A3H7M7
176	HỒ VĂN ĐỂ	1937	Dương Tơ - Phú Quốc	Du kích xã Dương Tơ	16/10/1965	A3H7M8
177	VÕ VĂN QUẾ		Cửa Dương - Phú Quốc	Ngoại vụ Nam bộ	27/08/1949	A3H8M1
178	TRƯƠNG VĂN CHANH	1928	Dương Tơ - Phú Quốc	Du kích xã Dương Tơ	20/09/1971	A3H8M4
179	HÀ VĂN ĐÔNG	1940	Dương Đông - Phú Quốc	Du kích xã	03/08/1962	A3H8M5
180	TRƯƠNG VĂN NGỌC	1953	Dương Tơ - Phú Quốc	Du kích xã Dương Tơ	21/06/1969	A3H8M6
181	HỒ VĂN ĐƯỢC	1931	Dương Tơ - Phú Quốc	Xã Dương Tơ	1960	A3H8M8
182	TỪ VĂN HÈN		Cửa Dương - Phú Quốc	Dân quân tự vệ	03/10/1963	A3H8M9
183	ĐÀO VĂN TẬP	1925	Dương Tơ - Phú Quốc	Xã Dương Tơ	20/06/1959	A3H9M1
184	PHÙ VĂN QUÝ	1943	Dương Tơ - Phú Quốc	Du kích xã Dương Tơ	18/06/1971	A3H9M2
185	ĐỖ KIM THỦ	1938	Dương Đông - Phú Quốc	Giao liên huyện	20/05/1963	A3H9M3
186	NGUYỄN VĂN TRỌNG		Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	07/09/1965	A3H9M5
187	NGUYỄN VĂN THÔNG	1939	Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	30/07/1966	A3H9M7
188	NGUYỄN VĂN TỐT	1937	Dương Đông - Phú Quốc	Du kích xã Dương Tơ	26/12/1963	A3H9M9
189	NGÔ VĂN THẬT		Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	22/12/1961	A3H10M2
190	NGUYỄN VĂN EM (CU)	1946	Dương Tơ - Phú Quốc	Du kích	10/06/1959	A3H10M3
191	PHÙ CHÍ TÊN		Dương Đông - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	07/09/1965	A3H10M4
192	TỶ ĐẦU BẠC		Dương Đông - Phú Quốc	Giao liên huyện	07/09/1966	A3H10M5
193	TRƯƠNG VĂN EM	1940	Dương Đông - Phú Quốc	Giao liên huyện	07/09/1965	A3H10M6
194	NGUYỄN VĂN NĂM	1931	Dương Đông - Phú Quốc	An ninh huyện	07/09/1965	A3H10M7
195	TRƯƠNG VĂN BA		Dương Đông - Phú Quốc	Giao liên huyện	07/09/1965	A3H10M8
196	LÂM VĂN TỶ	1941	Dương Đông - Phú Quốc	Miền tây	15/01/1964	A3H10M9
197	NGUYỄN VĂN ME		Dương Đông - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	17/05/1963	A2H1M4
198	TRẦN NGỌC CƠ		Cửa Cạn - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	08/07/1972	A2H3M11
199	NGUYỄN VĂN THẾ	1935	Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	10/05/1963	A2H4M8
200	HÀ VĂN BIẾT	1940	Dương Đông - Phú Quốc		25/02/1962	A2H5M3

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

STT	Họ và tên liệt sĩ	Năm sinh	Quê quán	Đơn vị	Ngày hy sinh	Số mộ
201	NGUYỄN VĂN LƯỢM	1941	Dương Đông - Phú Quốc		10/06/1967	A2H5M4
202	ĐỖ VĂN HAI	1936	Dương Đông - Phú Quốc		26/06/1972	A2H5M5
203	NGUYỄN VĂN ANH	1929	Dương Đông - Phú Quốc		20/06/1959	A2H8M8
204	NGUYỄN VĂN SANH		Dương Đông - Phú Quốc	Huyện đội	11/04/1947	A3H2M9
205	LÊ KHOAN (2 KHÁNH)	1930	Kiên Giang	Địa phương quân PQ	1966	A1H2M3
206	NGUYỄN VĂN NGHỊ	1949	Kiên Giang		06/06/1972	B3H4M3
207	TRẦN NGỌC BÍCH	1957	Cửa Dương - Phú Quốc		25/01/1975	D3H6M7
208	TRƯỜNG VĂN GIÓNG	1957	An Thới - Phú Quốc		01/12/1979	D3H6M8
209	HỒNG VĂN HÙNG		Cửa Cạn - Phú Quốc		03/06/1979	D3H6M9
210	TRẦN VĂN HỌC		Cửa Cạn - Phú Quốc		28/06/1978	D3H6M10
211	ĐỊNH VĂN ON		Kiên Giang			D3H6M11
212	HỨA VĂN HAI	1947	Hàm Ninh - Phú Quốc		24/08/1965	A2H5M1
213	NGUYỄN VĂN MUÔNG	1951	Kiên Giang		26/04/1972	B1H7M1
214	NGUYỄN VĂN TIỀN	1950	Kiên Giang		30/10/1972	B3H16M10
215	NINH VĂN KHÍNH	1956	Hàm Ninh - Phú Quốc		20/02/1976	C3H9M8
216	DOÃN BÌNH ĐỊNH	1958	Hàm Ninh - Phú Quốc		12/09/1982	C3H9M10
217	NGUYỄN VĂN THÍCH	1959	Hàm Ninh - Phú Quốc	D7 lữ 101	1981	C3H10M2
218	TRẦN ĐÌNH TRỌNG	1957	Hàm Ninh - Phú Quốc	D574 lữ 101	18/10/1981	C3H10M10
219	LÊ VĂN QUANG	1959	An Biên - Kiên Giang	Vùng 5	27/07/1981	D3H5M11
220	LÊ VĂN ĐÔNG	1967	Tân Hiệp - Kiên Giang	Vùng 5	25/01/1989	D3H5M12
221	PHẠM THANH VINH	1969	Tân Hiệp - Kiên Giang	Vùng 5	08/01/1989	D3H5M14
222	NGUYỄN VĂN ÚT	1966	Thị xã Rạch Giá		08/01/1989	D3H5M15
223	PHAN VĂN HÁT	1956	Kiên Lương - Kiên Giang	Du kích xã Dương Tơ	06/05/1978	D3H6M4
224	PHẠM VĂN PHÍCH	1915	Cửa Cạn - Phú Quốc		21/01/1961	

(Tư liệu này do Sở Lao động Thương binh Xã hội Kiên Giang cung cấp)

Danh sách và những hình ảnh về các liệt sĩ đã hy sinh tại nhà tù Phú Quốc, Ban biên tập chúng tôi đã cố gắng ở mức cao nhất để có được những tư liệu này. Do điều kiện khách quan và lịch sử để lại chắc chắn không thể đầy đủ và còn có thể được bổ sung theo thời gian. Chúng tôi cho in những tài liệu có được trên trang sách như một bằng chứng về sự hi sinh của các chiến sĩ trong nhà lao của đế quốc. Hy vọng sẽ được bổ sung trong những lần tái bản sau, vì cuốn sách này mới chỉ là sự khởi đầu ghi lại bản anh hùng ca trên đất đảo Phú Quốc anh hùng.

DANH SÁCH LIỆT SĨ HY SINH TẠI TRẠI GIAM PHÚ QUỐC THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ (Bổ sung)

STT	Họ và tên liệt sỹ	Số tù	Cấp bệnh
1	HUYNH MINH TRU	5.2.1.1182	
2	DANG THANH VAN	5.2.2.2517	Binh Nhất
3	TRAN VAN LAN	5.2.2.0579	Binh Nhì
4	PHAM NAM	5.3.6.1662	
5	HOANG THUNG	5.1.3.0151	Hạ sĩ
6	NGUYEN DUC HOAN	5.2.6.0975	Đội viên
7	LUU QUANG MEN	5.2.6.1716	
8	LE VAN CHUC	5.2.3.0444	Dân quân
9	TRAN VAN TUYET	5.2.3.2021	Binh nhất
10	LUU VAN TRUONG	5.2.3.1260	Đội viên
11	NGUYEN VAN DINH	5.2.3.2083	Trung đội trưởng
12	NGUYEN PHONG	5.1.1.0274	Trung úy
13	PHAN LONG	5.3.2.0244	Trung sĩ
14	PHAN VAN BI	5.1.4.1171	Tổ trưởng
15	NGUYEN VAN CACH	5.2.3.5291	Binh nhì
16	NGUYEN DAT	5.2.3.2484	Binh nhì
17	NGUYEN VAN DOI	5.2.3.1950	Cán bộ kinh tài
18	NGUYEN VAN BA	5.2.3.2127	Thôn đội phó
19	NGUYEN VAN THANH	5.2.3.2600	Binh nhất
20	NGUYEN NUOI	5.2.2.2635	Thường dân
21	HA VAN NHA	5.2.3.1857	Binh nhì
22	ĐANG ĐINH THIEU	5.2.3.3464	Binh nhì
23	NGUYEN ĐINH PHƯƠNG	523.3468	Binh nhì
24	MAI ĐANG NI	521.2664	Binh nhì
25	TRAN VAN TRUNG	5233626	Binh nhì

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

26	PHAN VAN LY	513.2597	
27	NGUYEN VAN PHUNG	523.3096	
28	LE KHAC THAI	523.4159	Binh nhất
29	NGUYEN CA	512.0782	
30	NGUYEN SI	536.2352	
31	LE VAN LUONG	513.4348	
32	NGUYEN VAN TIEN	523.3325	Binh nhì
33	NGUYEN VAN XE	513.4258	Binh nhất
34	TRAN HUNG SANG	513.3923	Trung sĩ
35	TRAN NGO	522.1946	Đội viên
36	TRAN LAI	516.2947	Đội viên
37	TRAN KHUYEN	526.3049	Đội viên
38	NGO DOAN	511.4268	Đội viên
39	TA BINH	2859	Chuẩn úy
40	LE VAN TRUNG	513.4256	Đại đội phó
41	ĐANG VAN LỜI	1771	Trung sĩ
42	NGUYEN DINH	2747	Chuẩn úy
43	LƯƠNG VAN LY	523.5222	Chiến sĩ
44	TRUONG VAN TRU	523.5078	Chiến sĩ
45	TRAN VAN HOA	523.5200	Chiến sĩ
46	NGUYEN VAN RANG	524.4360	Đại đội trưởng
47	VO VAN SANG	516.4522	Đội viên
48	NGUYEN VAN VIEN	4360	
49	DUONG VAN QUYET	5358	
50	NGUYEN VAN LANG	513.5658	Binh nhất
51	NGUYEN VAN NHAN	523.5821	Binh nhất
52	DƯƠNG BA NGAI	513.5615	Binh nhất
53	PHAM TAI		

DANH SÁCH LIỆT SĨ HY SINH TẠI NHÀ TÙ PHÚ QUỐC THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Quê quán
1	NGUYỄN ĐÂY (TỰ LÂU)	1918	Bình Thuận
2	NGUYỄN VĂN LỰC (TỰ HƯƠNG)	1913	Phước Thạnh - Mỹ Tho
3	NGUYỄN VĂN TƯ (TỰ THỌ)	1922	Hòa Phú - Tân An
4	NGUYỄN THỊ LAI (TỰ HY)	1932	Hứa Trung - Quảng Nam
5	LÊ THÀNH KÝ (TỰ LÊ KÝ)	1912	Trà Dinh - Quảng Nam
6	TRƯƠNG VĂN TỔNG (TỰ BA TỐN)	1907	Kiến Phước - Gò Công
7	NGUYỄN PHAN	1910	My Du - Nghệ An
8	TRẦN QUỐC ĐÊ	1936	Bot Da - Nghệ An
9	TRẦN ĐÁO	1929	Thánh Mỹ - Quảng Nam
10	TRẦN NGỌC SANH	1912	Ngọc Sơn - Quảng Nam
11	ĐỖ CÔNG PHÁT	1913	Lăng Viên - Hải Dương
12	TRẦN VĂN TRI (TỰ PHONG	1916	Long Điền - Bà Rịa
13	HUỲNH VĂN CHANG	1926	Mỹ Long - Cai Lậy - Mỹ Tho
14	NGUYỄN THANH TAM	1928	Hương Thọ Phú - Tân An
15	LÝ VĂN NHONG	1928	Xuân Thới Sơn - Hóc Môn
16	NGUYỄN VĂN THIÊNG (TỰ THÍCH, TỰ DƯƠNG NGỌC THANH)		Châu Phú - Châu Đốc
17	TRƯƠNG VĂN THÔNG	1913	Làng Tân Vĩnh Hòa - Sa Đéc
18	TRẦN QUAN CÔP	1926	Sài Gòn
19	ĐẶNG VĂN BA (TỰ NGUYỄN NGỌ)	1925	Sông Hương - Thừa Thiên
20	TRƯƠNG BA	1902	Làng An Vĩnh - Bình Định
21	TRẦN VĂN NĂM (TỰ MÃO)	1915	Làng Cống Nhuận - Ninh Bình
22	NGUYỄN VĂN TƯ	1928	Mỹ Hóa - Quảng Nam
23	VŨ TIẾN RƯƠNG	1915	Trúc Noi - Thái Bình
24	VÕ THÀNH CỨNG	1922	Tân Phú Đông - Sa Đéc
25	PHẠM VĂN TƯỚNG	1913	Xiên La - Thái Bình

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

26	NGUYỄN ĐĂNG CƯỜNG	1910	Châu Tu - Thanh Hóa
27	NGUYỄN VĂN HỔ	1921	Phù Liêu - Hà Đông
28	HOÀNG THỌ LỰC	1918	Xung Bảm - Nam Định
29	BÙI VĂN BẢY	1925	Làng Nai - Hải Dương
30	NGUYỄN BÍCH ĐẠI	1915	But Sơn - Hà Nam
31	NGUYỄN VĂN VĨNH	1917	Phú Hòa - Thủ Dầu Một
32	PHẠM VĂN NHÂN	1932	Tra Hải Hà - Nam Định
33	ĐINH VĂN BẮT	1929	Kim Chung - Nam Định
34	BẠCH VĂN BIỂN	1928	Giáp Môn - Hà Đông
35	NGUYỄN VĂN TEM (TỰ XO)	1933	Dong Mọt Thương - Hà Đông
36	TRẦN VĂN VƯƠNG	1900	Nam Định
37	BÙI VĂN THỦY	1920	Làng Nua - Thái Bình
38	PHẠM VĂN TRƯỜNG	1929	Lệ Xá - Hà Đông
39	NGUYỄN VĂN THỦ	1921	Bình Chuẩn - Thủ Dầu Một
40	ĐÀM VĂN NHỎ	1928	Thanh Khôi - Hải Dương
41	PHẠM VĂN CẦU	1926	Kiểu Hà - Kiến An
42	NGUYỄN XUÂN ĐÀI	1914	Hạnh Thiên - Nam Định
43	PHẠM VĂN KHÂN	1907	Lâm Đồng - Thanh Hóa
44	NGUYỄN VĂN HẢI	1921	Ninh Giang - Hải Dương
45	PHẠM VĂN NGỌC	1919	Chi Tru - Hà Nam
46	NGUYỄN VĂN ĐĂNG	1925	Cơ Le - Bui Chu
47	ĐÀM VĂN TRÍ	1930	Lộc Diển - Thanh Bình
48	NGUYỄN VĂN SANG	1915	Ru Dong - Kiến An
49	CAO VĂN CÒM	1918	Phuong Doi - Kiến An
50	NGUYỄN VĂN THÂN	1912	Tiên Tiên - Ninh Bình
51	NGUYỄN VĂN KHOAN	1904	Chau Tu - Thanh Hóa
52	ĐẶNG VĂN SƠN	1933	Nam Định
53	NGUYỄN HỒNG LANG	1926	Nam Định
54	NGUYỄN VĂN BA	1931	Vu Lao - Nam Định
55	ĐỖ VĂN CƯỜNG	1915	Đồng Văn - Hải Dương
56	NGUYỄN HỮU LƯỢNG	1926	Tuyên Quang
57	TÚ VĂN XUÂN	1926	Thới Hòa - Thủ Dầu Một
58	VŨ VĂN	1917	Giêu Hoàng - Thái Bình
59	NGUYỄN VĂN LONG	1927	Tân Đông Hiệp - Gia Định

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

60	ĐỖ TẤN TÀI	1926	Tân Đông - Sóc Trăng
61	VÕ THANH ĐÔ	1897	Mỹ Phước - Sóc Trăng
62	PHẠM VĂN SỬU	1924	Vĩnh Lợi - Rạch Giá
63	PHẠM VĂN TRÍ	1935	Lại Xá - Hà Đông
64	LÊ CÔNG VĂN (TỰ LỎN)	1929	Vinh Phú - Thủ Dầu Một
65	NGUYỄN VĂN QUYÊN (TỰ XƯƠNG)	1921	Tân Hòa Đông - Chợ Lớn
66	TRỊNH VĂN TỐT (TỰ NĂM, TỰ TẤN PHONG)	1931	Bình Trị Đông - Chợ Lớn
67	TRỊNH VĂN TÚC	1912	Long Khánh - Mỹ Tho
68	NGUYỄN VĂN CHIẾU	1930	Tân Trụ - Tân An
69	NGUYỄN VĂN CA	1919	Tân Trụ - Long An
70	NGUYỄN VĂN SONG	1918	Nhật Ninh - Tân An
71	LÝ VĂN LÂN (TỰ TRẦN TRUNG TÍN, TỰ HAI)	1935	Phong Duoc - Chợ Lớn
72	NGUYỄN THỊ TÁN (TỰ HỒNG, TỰ TẠO, TỰ BẢY)	1932	Linh Xuân Thôn - Gia Định
73	PHẠM VĂN THOẠI (TỰ ĐỨC)	1923	Cam Gia - Nam Định
74	NGUYỄN VĂN BÌNH	1936	An Bình - Tân An
75	UÔNG VĂN HÓA	1932	Long Hóa - Chợ Lớn
76	NGUYỄN VĂN CHƯỜNG	1926	Lac Thạch - Nam Định
77	ĐẶNG VĂN NHƯ (TỰ NGUYỄN VĂN LỘC)	1927	Hải Phòng
78	HUỖNH THỊ DẬU	1927	Bình Đông - Tân An
79	VÕ VĂN MƯỜI (TỰ MƯỜI HƯƠNG)	1912	Tân Đức - Tân An
80	NGUYỄN NGỌC VINH	1927	Thủ Thừa - Tân An
81	NGÔ VĂN NGUYỆT	1936	Bình Trung - Gia Định
82	NGUYỄN VĂN HÁM	1903	Làng Thanh Hoan - Thái Bình
83	VÕ VĂN KHÊN (TỰ VÕ NGỌC LÂN)	1917	Tam Hiệp - Biên Hòa
84	LÊ VĂN THIÊN	1892	Phước Tân - Biên Hòa
85	NGUYỄN VĂN ĐÌNH	1899	Tam Hiệp - Biên Hòa
86	PHẠM VĂN HÁT	1922	Tam Hiệp - Biên Hòa
87	TRẦN HỮU PHƯỚC (TỰ BÉ)	1932	Sài Gòn
88	TRẦN VĂN THANH (TỰ CỐ, TỰ HÙNG NGUYỄN)	1916	Sài Gòn
89	HÀ VĂN HẢO	1919	Làng An Lạc, Quận Ý Yên, Nam Định

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

90	NGUYỄN VĂN TRÍ (TỰ ĐỨC)	1919	Làng Tân Nhựt, Quận Trung Quan, Chợ Lớn
91	NGUYỄN XUÂN MẪN (TỰ NGUYỄN VĂN MẪN)	1911	Làng Van Ap - Hà Nam
92	NGUYỄN VĂN SANH	1903	Làng Lai Xa - Nam Định
93	TRẦN VĂN LỢI (TỰ CHI)	1927	An Hội - Gia Định
94	NGUYỄN ANH ĐẠI	1924	Làng Tân Sơn Nhì - Gia Định
95	TRẦN VĂN BIỂU (TỰ TRẦN CÔNG CHÁNH)	1912	Làng Vĩnh Công - Tân An
96	NGÔ VĂN HẢO (TỰ NGÔ VĂN VÂN)	1933	Làng Vĩnh Công - Tân An
97	PHẠM VĂN LỄ	1913	Hòa Phú - Tân An
98	NGUYỄN VĂN KIỆT (TỰ HỒ VĂN THÁI)	1920	Làng Vĩnh Công - Tân An
99	NGUYỄN VĂN NĂM (TỰ ĐOÀN HÙNG)	1925	Bai Gia - Thanh Hóa
100	TRẦN VĂN ĐUA (TỰ ĐĂNG TIÊN, TỰ PHẠM CỬ)	1917	Làng An Nghiệp - Nam Định
101	LÊ VĂN LÝ	1923	Mỹ Xuyên - Sóc Trăng
102	LÊ VĂN LÊN (TỰ LƯƠNG)	1920	Tân Quì Đông - Gia Định
103	HUỲNH VĂN LÀNH	1926	Xuân Hiệp - Gia Định
104	HUỲNH CÔNG CÁNG	1922	Khánh Thiên - Bình Thuận
105	HUỲNH NGỌC HƯƠNG (TỰ QUI)	1928	Chợ Lớn
106	NGUYỄN ĐÌNH THƯỜNG	1921	Đại Nhân - Ninh Bình
107	NGUYỄN VĂN LƯƠNG	1912	Đông Thạnh - Chợ Lớn
108	NGUYỄN PHÚC	1925	Hà Nội
109	ĐỖ THỊ ĐỂ	1914	Tân Tạo - Chợ Lớn
110	TRƯƠNG TRUNG HOÀNG	1935	Minh Hương - Quảng Nam
111	NGUYỄN VĂN BA (TỰ VŨ DUY PHƯƠNG)	1933	Làng Ngọc Tịnh - Nam Định
112	ĐINH MINH HỨA (TỰ TƯ, TỰ ĐINH MINH HAI)	1913	Làng Phú Hữu - Cần Thơ
113	NGUYỄN THƠ (TỰ KHÁNH)	1910	Lưu Phương - Ninh Bình
114	PHÙNG VĂN LỜI (TỰ PHẠM VĂN MẪN)	1935	Sài Gòn
115	ĐỖ THÀNH CƯ (TỰ THƠM, TỰ NĂM)	1927	Làng Phước Văn - Chợ Lớn
116	NGUYỄN HOÀNG LUÂN (TỰ NGUYỄN THÀNH)	1927	Làng Mỹ Phong - Mỹ Tho
117	PHẠM VĂN LẨM	1908	Làng Ninh Cường - Nam Định
118	TRẦN TRỌNG LIÊN (TỰ ĐỒNG)	1927	Đỗ Sơn (Bắc Việt)

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

119	PHAN VĂN TỐN (TỰ GÒN)	1927	Bình Hóa Xa - Gia Định
120	NGUYỄN THỊ MINH (TỰ BA)	1929	Chợ Lớn
121	TRẦN QUANG TUẤN (TỰ THẾ)	1933	Làng An Hội - Bến Tre
122	TRỊNH THỊ THOẠI	1932	Vĩnh Trường - Thủ Dầu Một
123	TRẦN VĂN THÀNH	1921	Làng Thanh Phú Long - Tân An
124	LƯU CHÍ HIẾU	1913	Làng Hương Các - Nam Định
125	LÂM HỮU CHƠN	1923	Làng Long Châu - Vĩnh Long
126	HOÀNG THÁI VIỆT	1929	Làng Vũ Dương - Bắc Ninh
127	PHẠM VĂN PHÚ	1934	Long Khánh - Quận Cai Lậy - Mỹ Tho
128	NGUYỄN VĂN PHÁP	1927	Long Khánh - Cai Lậy - Mỹ Tho
129	ĐẶNG VĂN NĂM	1922	Long Khánh - Cai Lậy - Mỹ Tho
130	VÕ VĂN QUỐC	1930	Long Khánh - Cai Lậy - Mỹ Tho
131	NGUYỄN VĂN BÉ (TỰ SANH, TỰ THANH LAM)	1927	Làng Quới Sơn - Quận Bình Đại - Mỹ Tho
132	CHÂU VĂN CỎ (TỰ CHÍNH CỎ)	1924	Làng Diễm Hy - Quận Châu Thành - Mỹ Tho
133	NGUYỄN HOÀNG MINH (TỰ PHẠM HÙNG, TỰ SỐ 12, TỰ A.G)	1932	Dương Hỏa Xa - Gia Định
134	BÙI THỊ HUÊ (TỰ SIMONE)	1930	Prey Vong - Nam Vang
135	TRẦN THỊ TRONG	1932	Chợ Lớn
136	VÕ THÀNH TIÊN (TỰ BÊ)	1932	Nhị Bình - Mỹ Tho
137	NGUYỄN VĂN TÂM	1935	Làng Bieu Da - Tỉnh Kiến An
138	VŨ VIẾT HÙNG (TỰ VỌNG)	1933	Làng Chi Chau - Nam Định
139	PHẠM NGỌC THỂ	1916	Làng Liêu Diêu - Hải Dương
140	LÊ VĂN NGŨ	1929	Làng Tam Tuc - Chợ Lớn
141	HOÀNG KIM NGUYỄN	1909	Long Thành - Nghệ An
142	NGUYỄN VĂN CẤU	1908	Ke Roc - Nghệ An
143	LÊ THUYỀN (TỰ LÊ AN)	1917	Làng Bac Da - Nghệ An
144	HOÀNG VĂN TƯ	1934	Lương Khê - Nghệ An
145	NGUYỄN XUÂN THU	1930	Làng Thanh Liêu - Nghệ An
146	NGUYỄN VĂN LỰC	1935	Làng Nghi Lộc - Nghệ An
147	HOÀNG VĂN SỰ	1930	Làng Lương Khê - Nghệ An
148	TRẦN VĂN CÔNG	1837	Vĩnh Lợi - Bạc Liêu
149	NGUYỄN VĂN CẨM	1930	Hà Nội

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

150	TRỊNH KIẾN	1928	Bon Thuong - Thanh Hóa
151	DƯƠNG VĂN THUYẾT	1913	Làng Văn Giáp - Hà Đông
152	NGUYỄN NGỌC THU	1914	Đông Mỹ - Hải Dương
153	NGUYỄN VĂN CỬ	1937	Dieu Hoa - Mỹ Tho
154	HỒ VĂN HIẾU	1914	Làng Phú Dự - Mỹ Tho
155	NGUYỄN VĂN BA	1937	Phúc Thành - Mỹ Tho
156	ĐẶNG VĂN ĐÊ	1919	Trà Ôn - Cần Thơ
157	NGUYỄN VĂN LẤN (TỰ CỎ)	1911	Mỹ Thạnh Trung - Vĩnh Long
158	NGUYỄN VĂN TƯ	1935	Mỹ Lộc - Vĩnh Long
159	PHAN VĂN HIẾU (TỰ NGUYỄN VĂN HIẾU)	1919	Mỹ Lộc - Vĩnh Long
160	PHẠM VĂN BẢY (TỰ BẢY BÌNH)	1915	Mỹ Lộc - Vĩnh Long
161	NGUYỄN VĂN THANH	1930	Mỹ Lộc - Vĩnh Long
162	TRẦN VĂN DIỆU	1927	Mỹ Lộc - Vĩnh Long
163	PHẠM VĂN TRIỆU	1909	Bình Phước - Vĩnh Long
164	NGUYỄN VĂN HAI (TỨC NẾT)	1925	Tân Hòa - Vĩnh Long
165	NGUYỄN VĂN HAI (TỨC PHÚC)	1930	Tân Quì Tây - Sa Đéc
166	LÝ VĂN QUANG (TỰ TƯ AN)	1909	Tân Vĩnh Đông - Sa Đéc
167	TRẦN NGỌC THÁI (TỨC PHAN)	1927	My Ngai - Sa Đéc
168	NGUYỄN VĂN PHÁT	1910	Làng Nhi Qui - Quận Cai Lậy - Mỹ Tho
169	LÊ VĂN ĐỎ	1904	Làng Nhi Qui - Quận Cai Lậy - Mỹ Tho
170	LÊ VĂN TÁM	1911	Xã Thành Lợi - Tân An
171	TRẦN VĂN HUẤN (TỰ UẤN, TỰ TÁM)	1920	Nam Đông - Thái Bình
172	TRẦN VĂN NHÚT	1908	Sài Gòn
173	NGUYỄN VĂN LAM	1913	Đình Bản - Bắc Ninh
174	LÊ ĐÌNH PHÁT	1908	Khuong Thuong - Ninh Bình
175	PHẠM VĂN TƯỜNG (TỰ LEN)	1918	Vĩnh Lộc - Gia Định
176	LÊ THỊ MAI (TỰ HOÀNG TÁM)	1928	An Bình - Cần Thơ
177	NGUYỄN TẤN HOÀI (TỰ NGUYỄN VĂN TÂN)	1916	Lợi Bình Nhơn - Tân An
178	NGUYỄN VĂN TRẮT	1928	Thọ An - Hà Đông
179	PHAN VĂN ĐÊ (TỰ ĐỐI)	1926	Vĩnh Thạnh - Gò Công
180	LÝ KIM SANG	1926	Cao Lãnh - Sa Đéc

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

181	LÊ VĂN DUNG	1920	Ho Phú - Thanh Hóa
182	NGUYỄN VĂN VINH	1931	Vinh Viên - Gò Công
183	NGUYỄN NGỌC KHAM	1911	Ngo Xa - Bắc Giang
184	LÊ THANH CUC (TỰ LÊ THANH LAM)	1910	Lộc Thủy - Quận Thạch Hà - Hà Tĩnh
185	NGUYỄN VĂN DUNG	1936	Mỹ Trà - Sa Đéc
186	PHẠM VĂN SANG	1927	Thạnh Mỹ Lợi - Gia Định
187	TRẦN VĂN TƯ	1924	Làng An Lạc - Nam Định
188	NGÔ VĂN HUON	1924	Làng Dong Phú - Gia Định
189	TRINH VIET LUU (TỰ TRINH QUANG HAI)	1928	Xã Sa Châu - Bùi Chu
190	LÊ VĂN ĐĂNG	1932	Làng Don Thuan - Tây Ninh
191	NGUYỄN VĂN MINH	1919	Làng Dai Trang - Bắc Ninh
192	NGUYỄN VĂN THANH	1912	Làng Giang Mai - Ninh Bình
193	TRẦN VĂN BANG (TỰ BÊN)	1915	Don Thuan - Quận Trảng Bàng - Tây Ninh
194	LƯU VĂN KẾ (TỰ ÚT)	1908	Làng An Phong - Thái Bình
195	LÊ VĂN THANH	1919	Chánh Hưng - Chợ Lớn
196	TRẦN VĂN CẦN (TỰ BA CẦN, TỰ VÂN CẦN)	1919	Van Xa, Hà Nam
197	TRẦN VĂN CHÚC	1920	Làng Lieu De - Hà Nam
198	VƯƠNG VĂN THẾ	1923	Long Dinh - Mỹ Tho
199	BÙI XUÂN NHAİ	1914	Kim Thanh - Bình Định
200	TRƯƠNG VĂN NGŨ (TỰ HOÀNG MAI, TỰ TRẦN VĂN TRUNG)	1918	Xuân Phú - Quảng Nam
201	HUỲNH VĂN QUYÊN (TỰ TƯ, TỰ THIÊN)	1916	Làng An Phú - Chợ Lớn
202	NGUYỄN MINH THI (TỰ SANH)	1916	Tân Hưng - Gia Định
203	TRẦN VĂN HUỲNH (TỰ MỌT)	1922	Hiệp Định Xa - Gia Định
204	NGUYỄN VĂN XƯỚC	1923	Làng Tam Đa - Gia Định
205	TRẦN HỮU ĐẠI	1935	Soai Rieng - Cao Miên
206	BỐ XUÂN HỔ	1936	Hữu An - Bình Thuận
207	TRẦN CHƯƠNG (TỰ XE)	1927	Làng Hòa Thuận - Sóc Trăng
208	PHAN CÚC	1920	Thanh Phuoc - Thừa Thiên
209	HUỲNH BÁ PHƯỚC	1936	Lang Dai Giang - Trà Vinh
210	ĐỖ VĂN GIA (TỰ OANH)	1927	Tiêu Lu - Huyện Lập Thạch - Vĩnh Yên
211	TRẦN VĂN HAI (TỰ THANH ĐẠM)	1928	Diem Phi - Mỹ Tho

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

212	LA KIM TRỌNG (TỰ ĐỒNG)	1902	Dong Yen - Quảng Ngãi
213	LÊ HOÀNG MINH	1916	Nhị Bình - Mỹ Tho
214	TRẦN THANH TÙNG	1909	Nhon Mỹ - Sóc Trăng
215	TRƯƠNG VĂN MINH (TỰ KHUÊ)	1934	Long Cang - Chợ Lớn
216	PHAN MINH ĐÚT (TỰ PHƯỚC)	1936	Vĩnh Lợi - Gò Công
217	NGUYỄN TÂN HÙNG	1924	Tân Thạnh - Bến Tre
218	NGUYỄN VĂN KIỂM	1930	Tân An Xa - Thủ Dầu Một
219	ĐỒNG VĂN NAM (TỰ LÝ PHƯƠNG)	1913	Bình Phúc Nhi - Gò Công
220	NGUYỄN NGỌC MINH	1924	Làng Luc Dien - Hưng Yên
221	PHẠM THỊ LIỄU	1909	Làng Luc Lon - Hà Nam
222	NGUYỄN VĂN ĐẠT	1920	Nam Định
223	NGUYỄN VĂN ĐẮC	1931	Hòa Khánh - Đức Hòa - Chợ Lớn
224	TRẦN VĂN HIA	1925	Bình Thạnh Đông - Gò Công
225	ĐỖ VĂN NHIỄU	1900	Bình Thạnh Đông - Gò Công
226	NGUYỄN VĂN TRONG (TỰ ĐA)	1910	Bình Thạnh Đông - Gò Công
227	LÊ VĂN CÂN	1912	Bình Thạnh Đông - Gò Công
228	TRẦN VĂN NGƯỢT	1916	Bình Thạnh Đông - Gò Công
229	NGUYỄN VĂN VIÊN	1928	Phước Lộc Xa - Biên Hòa
230	VÕ THUẬN KIỂM (TỰ TU)	1910	Phú Cường - Thủ Dầu Một
231	ĐÀO ĐÌNH ĐỖ	1925	Nuc Dap - Hải Dương
232	NGUYỄN VĂN THẨM	1905	Phú Hòa Đông - Gia Định
233	LÊ VĂN KHOA (TỰ LÊ THĂNG, TỰ BẢY SINH)	1910	Long Bình Hỏa Xa - Gia Định
234	LƯƠNG VĂN LÒNG (TỰ CHÍNH)	1926	Long Bình Điền - Mỹ Tho
235	NGUYỄN VĂN NGŨ	1937	Trường Thọ - Gia Định
236	VÕ VĂN CA	1937	Trường Thọ - Gia Định

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

237	NGUYỄN VĂN ĐỨC	1937	Phước Hiệp - Gia Định
238	TRẦN THỊ GÁI	1937	Lý Nhân - Hà Nam
239	NGUYỄN THỊ LAN (TỰ CỬI)	1937	Cam Lao - Quảng Nam
240	PHÙNG VĂN VĨ	1937	Xuân Thới Sơn - Gia Định
241	NGÔ VĂN MĂNG	1937	Phước Trường - Quận Thủ Đức - Gia Định
242	NGUYỄN THÀNH KHẢI	1937	Thạnh Quới - Long Xuyên
243	VÕ PHÁ	1937	Sài Gòn
244	LÊ VĂN HOÀNH (TỰ NGUYỄN VĂN HOÀNH, TỰ HAI HOÀNH)	1901	Bình Thạnh Đông - Gò Công
245	TRẦN VĂN MƯỜI (TỨC SANG)	1924	An Hội, Bến Tre
246	BÙI VĂN KHÁNH (TỰ LEM)	1922	Làng An Định - Bến Tre
247	VŨ VĂN NGOẠI	1902	Làng Thiên Đông - Kiến An
248	ĐẶNG VĂN GIAO	1937	Cao Miên - Nam Vang
249	NGUYỄN VĂN XÀ	1928	Làng Tân Phú Thượng - Chợ Lớn
250	LÊ VĂN TRỰC	1937	Làng Minh Hương - Quảng Nam
251	LÊ PHÚ (TỰ SÁU HOÀNG)	1906	Quảng Nam
252	ĐẶNG VĂN NHỎ	1910	Sài Gòn
253	HỒ VĂN MINH	1895	Dạ Phước Hội - Bến Tre
254	NGUYỄN VĂN GẶP	1930	Tân Phú Thượng - Chợ Lớn
255	NGUYỄN VĂN HỒNG	1925	An Hóa - Rạch Giá
256	TRẦN VĂN THÔNG	1913	Làng Bình Minh - Mỹ Tho
257	TRƯƠNG QUANG NGỌC	1921	Hà Nội
258	THÁI VĂN THÀNH (TỰ TRẦN VĂN THÀNH, TRẦN VĂN ĐỨC)	1927	Chợ Lớn
259	NGUYỄN VĂN TRÒN (TỰ HỒNG AN)	1928	Long Trung - Mỹ Tho
260	VŨ KIẾN (TỰ BỔNG)	1917	Làng Hoành Nha - Nam Định

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

261	HÀ VĂN PHÚ (TỰ PHÚ)	1915	Nguyệt Lãng - Nam Định
262	NGÔ TRỌNG TÚY (TỰ TÚ)	1914	Thanh Trì - Hà Đông
263	PHAN THÀNH HUÊ (TỰ BA HUÊ)	1916	Liêu Đông - Nam Định
264	HÀ DUY KÍNH (TỰ BA HỚT TÓC)	1919	Làng My Do - Hà Nam
265	HUỲNH VĂN TÂN	1912	Xã Phú Ngai Tri - Tân An
266	NGUYỄN VĂN LÔ (TỰ BỘ)	1916	Xã Bình Tinh - Tân An
267	ĐẶNG VĂN HOÀNH (TỰ TRẦN VĂN HẢO)	1925	Bình Quới - Tân An
268	NGUYỄN CÔNG CHÁNH (TỰ BÉ)	1918	Làng Tân Thạch - Mỹ Tho
269	VÕ VĂN HỘ	1889	Xã Tuyên Thạnh - Tân An
270	VÕ NGỌC HÙNG	1916	Xã Tuyên Thạnh - Tân An
271	LÊ VĂN QUANG (TỰ MÙI, TỰ HIỂN)	1928	Hòa Hưng - Rạch Giá
272	LÊ THỊ HIẾU (TỰ NAM)	1928	Hòa Hưng - Rạch Giá
273	LÊ VĂN TƯƠI (TỰ BA THÀNH)	1919	An Thới - Bến Tre
274	TRẦN VĂN NHÀN (TỰ KIÊN)	1923	Mong Thong - Rạch Giá
275	LÊ VĂN BỈ	1918	Vinh Thanh Van - Rạch Giá
276	VÕ VĂN KIÊM	1904	Hậu Lộc - Tam Bình
277	NGUYỄN VĂN CHÍ (TỰ BẮC)	1923	Tân Thạnh - Gò Công
278	MAI VĂN NGHĨA	1918	Làng Phước Thọ - Bà Rịa
279	NGÔ KHẢI PHÁT	1917	Xuyên Mộc - Bà Rịa
280	PHẠM CÔNG VĨNH	1916	Long Điền - Bà Rịa
281	LÊ HƯƠNG (TỰ HIỆP)	1919	Phú Yên
282	NGUYỄN VĂN ĐƯƠNG	1918	Bình Lương Đông - Gò Công
283	NGUYỄN VĂN SÓT (TỰ SÓC, TỰ HÀ PHƯƠNG)	1917	Xuân Đông - Chợ Gạo - Mỹ Tho
284	LÊ VĂN BIỂU (TỰ TƯ RÂU)	1902	Thanh Phú - Mỹ Tho
285	NGUYỄN VĂN HƯỜNG (TỰ PHẨM)	1934	Thiên Mỹ - Cần Thơ
286	HỒ HỮU LỢI (TỰ XÊ)	1923	Tân Phú Đông - Sa Đéc
287	TRƯƠNG VĂN THỊ (TỰ LANG)	1923	Sài Gòn
288	NGUYỄN VĂN SANG (TỰ TÀI)	1928	Bến Tranh - Mỹ Tho

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

289	NGUYỄN VĂN CÂY (TỰ CỬA)	1933	Phong Phú - Tân An
290	TRẦN VĂN BA (TỰ MÙI)	1936	Xuân Canh - Phú Yên
291	LÊ THỊ HƯƠNG	1932	Trung Chánh - Gia Định
292	DƯƠNG TẤN THẢO	1890	Tân Liên Đông - Gò Công
293	NGUYỄN VĂN CUNG	1912	Co Linh - Bắc Ninh
294	NGUYỄN THỊ HẠNH	1916	Huế
295	ĐỖ DOÃN THỌ	1913	Chương Dương - Hà Đông
296	LÊ VĂN DỪNG	1916	Hòa Khánh - Chợ Lớn
297	PHAN VĂN NGỒ (TỰ PHAN VĂN SƠN)	1923	An Thạnh - Thủ Dầu Một
298	HOÀNG VĂN HẢI (TỰ GIAN)	1924	Hà Nội
299	PHAN THANH SƠN (TỰ SÁU)	1936	Cần Giuộc - Chợ Lớn
300	LƯƠNG MINH ĐỨC (TỰ NGHIÊM)	1937	Cần Giuộc - Chợ Lớn
301	NGUYỄN VĂN NO	1919	Làng Hiệp Hòa - Quận Đức Hòa - Chợ Lớn
302	NGUYỄN VĂN LÂM (TỰ PHỊNH)	1921	Làng Mỹ Thạnh Đông - Tân An
303	NGUYỄN VĂN HIỂN	1924	Lam Ho - Phú Yên
304	HỒ NGỌC LINH	1922	Ngọc Thanh - Nghệ An
305	NGUYỄN VĂN MINH	1927	Làng Thượng Hóa - Ninh Bình
306	BÙI DOÃN NGHI	1927	Dương Đông - Quảng Yên
307	NGUYỄN VĂN THÀNH (TỰ LỘC, TỰ LUÂN, TỰ ÚT THỌ, TỰ MƯỜI BƯU)	1921	Long Sơn - Trà Vinh
308	NGUYỄN THÀNH LỢI	1921	Long Sơn - Trà Vinh
309	NGUYỄN VĂN HAI (TỰ ĐEN)	1925	Hiệp Mỹ - Trà Vinh
310	VÕ VĂN PHẨM	1926	Long Sơn - Trà Vinh
311	LÊ VĂN DẪN (TỰ TRÀ)	1910	Long Sơn - Trà Vinh
312	THẠCH NỮ	1935	Làng Mỹ Hòa - Quận Cầu Ngang - Trà Vinh
313	THẠCH CÓ	1908	Mỹ Hòa - Trà Vinh
314	THẠCH HƯƠNG	1922	Mỹ Hòa - Trà Vinh
315	NGUYỄN VĂN PHÊ	1924	Làng Long Đức - Trà Vinh

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

316	TRƯỜNG VĂN KÝ (TỰ PHÚC)	1893	Làng Bình Tân - Cầu Ngang - Trà Vinh
317	VÕ VĂN MƯỜI	1922	Làng Long Thới - Trà Vinh
318	MAI VĂN PHƯỚC	1900	Làng Tam Ngai - Cần Thơ
319	NGUYỄN VĂN LUNG	1903	Làng Long Phú - Cần Thơ
320	LÊ VĂN THUÔNG	1909	Long Thới - Cần Thơ
321	NGUYỄN VĂN MAI	1910	Long Thới - Cần Thơ
322	NGUYỄN THIỆN MUÔN	1899	Nhơn Ký - Sóc Trăng
323	LÊ VĂN TRÍ	1893	Long Thới - Trà Vinh
324	NGUYỄN VĂN GIÁC	1897	Long Thới - Trà Vinh
325	NGUYỄN VĂN NHƠN	1888	Làng Ninh Thới - Trà Vinh
326	NGUYỄN VĂN BẠC	1917	Hưng Hóa - Trà Vinh
227	NGUYỄN VĂN BÍCH	1930	Hưng Hóa - Trà Vinh
328	TRƯỜNG VĂN BA	1917	Ấp Tap Sơn - Trà Vinh
329	KIM SƠN	1914	Làng Hưng Hóa - Trà Vinh
330	THẠCH QUÌ	1919	Hưng Hóa - Trà Vinh
331	BÙI VĂN CANG	1893	Hưng Hóa - Trà Vinh
332	KIM PHI	1906	Trà Cú - Trà Vinh
333	THẠCH TON	1900	Làng Hòa An - Quận Cầu Kè - Cần Thơ
334	HUỲNH VĂN SANH	1875	Hiệp Mỹ - Trà Vinh
335	LÝ VĂN GIỎN	1916	Nhuận Đức - Gia Định
336	TRẦN VĂN DẪN	1893	Hưng Hóa - Trà Vinh
337	TRẦN VĂN CHỐI	1929	Nhuận Đức - Gia Định
338	TRẦN VĂN TÔN	1928	Nhuận Đức - Gia Định
339	NGUYỄN VĂN CHÂM	1913	Phu Lien - Kiến An
340	NGUYỄN VĂN TỎN	1923	Bình Lương Đông - Gò Công
341	NGUYỄN VĂN LẬP	1936	Bình Lương Đông - Gò Công
342	VÕ THỊ BIẾN	1921	Xính Công - Tân An
343	PHẠM VĂN EM	1931	Làng Long Vinh - Trà Vinh
344	PHẠM VĂN NGŨ	1924	Làng Long Toàn - Trà Vinh
345	DƯƠNG VĂN SĨ	1934	Làng Long Toàn - Trà Vinh

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

346	LÊ VĂN TRUNG	1936	Làng Long Toàn - Trà Vinh
347	DƯƠNG VĂN LIÊU	1929	Làng Long Toàn - Trà Vinh
348	TRƯƠNG VĂN HIỂN	1927	Bao Ly - Hà Nam
349	DƯƠNG VĂN THỌ	1910	Đức Hòa - Chợ Lớn
350	TRẦN VĂN TRỄ	1927	Đức Hòa - Chợ Lớn
351	LÊ HỒNG ÂN (TỰ PHÁCH)	1912	Thoi Thanh - Cần Thơ
352	TRẦN VĂN SÚNG (TỰ TÂM THIÊN)	1920	Vĩnh Lộc - Gia Định
353	TIÊU KHÁNH VÂN	1913	Bình Quới - Tân An
354	VŨ HỮU UẤN (TỰ NHỒI)	1924	Hải Hậu - Nam Định
355	NGUYỄN VĂN DẦM (TỰ DẦM)	1901	An Thanh - Thủ Dầu Một
356	LÊ TẤN ĐỨC (TỰ BẢY CAO)	1907	Mỹ Hiệp - Sa Đéc
357	NGUYỄN VĂN TƯ (TỰ LỜI)	1928	Chợ Lớn
358	TRƯƠNG VĂN THÀNH (TỰ GIÁC, TỰ BA)	1918	Long Mỹ - Bến Tre
359	ĐỖ NGỌC BÌNH	1933	Hà Đông
360	TRẦN VĂN DƯƠNG	1920	Nam Định
361	LÊ VĂN BÌNH	1922	My Ngai - Sa Đéc
362	NGUYỄN VĂN HAI (TỰ THÀNH)	1920	Hoa An - Sa Đéc
363	LÊ VĂN TIẾN	1936	Tân Phú Đông - Sa Đéc
364	NGUYỄN HỮU PHƯỚC (TỰ TONG)	1920	Tân Dương - Sa Đéc
365	NGUYỄN VĂN THÀNH	1927	Phú Hữu - Sa Đéc
366	NGUYỄN VĂN DUON	1930	Tân Hòa Khánh - Thủ Dầu Một
367	ĐẶNG VĂN TRẠNH	1925	Tân Hòa Khánh - Thủ Dầu Một
368	NGUYỄN VĂN HÓN	1934	Tân Hòa Khánh - Thủ Dầu Một
369	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	1935	Hà Tĩnh
370	TRẦN ĐÌNH HOÁN	1937	Nam Định
371	PHẠM THỊ TÁM (TỰ BÉ)	1926	Nam Định
372	ĐOÀN VĂN BẢY (TỰ NGUYÊN)	1922	Phú An Hòa - Mỹ Tho
373	PHẠM VĂN QUÝ	1922	Vinh - Nghệ An
374	PHAN TRÌNH (TỰ NHÌ, TỰ BẢY GIÀ)	1909	Quảng Nam
375	LÊ DUY TRUYỀN	1924	An Nghiêm - Hà Tĩnh

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

376	NGUYỄN VĂN THUY	1922	Nghệ An
377	ĐOÀN KIM BẢN (TỰ THANH, TỰ CHÚC)	1933	Vĩnh Lợi - Bạc Liêu
378	NGUYỄN VĂN QUẾ (TỰ CHÍNH, TỰ LẠC)	1907	Thuong Kiem - Bình Định
379	NGUYỄN VĂN BỔNG	1921	Hưng Công - Hà Nam
380	NGUYỄN VĂN DỐI	1906	Nam Xa - Hà Nam
381	NGÔ VĂN HÒA (TỰ XINH 574 XINH)	1927	Sài Gòn
382	UNG VĂN SÁU	1937	Long Khánh - Cai Lậy - Mỹ Tho
383	THÁI VĂN BÌNH	1937	Bình Hưng Hòa - Gia Định
384	LÊ MINH QUANG (TỰ KHÁNH LƯ)	1920	Phú Nhuận - Gia Định
385	LÊ VĂN HẰNG	1936	Chợ Lớn
386	LÊ VĂN TRỤ	1919	Hiệp Hòa - Chợ Lớn
387	TRẦN VĂN GIẤU	1919	Tân Kim - Cần Giuộc - Chợ Lớn
388	HỒ VĂN NHI (TỰ ĐẶNG VĂN NHI, TỰ SÁU NHI)	1908	Làng Hiệp Đức - Mỹ Tho
389	NGUYỄN VĂN SẮC	1915	Làng Ngũ Hiệp - Mỹ Tho
390	TÔ VĂN VINH	1930	Đông Thạnh - Cần Giuộc - Chợ Lớn
391	TRẦN VĂN TRÊN	1923	Trương Thanh - Cần Thơ
392	PHẠM VĂN HIẾU	1921	Thanh Lon - Hà Nam
393	LƯU ĐANH HOA	1926	Huong Ninh - Trung Hoa
394	VŨ VIẾT GIÁM	1915	Nhan Tho - Bùi Chu
395	NGUYỄN VĂN HIẾN	1916	Bình Phan - Mỹ Tho
396	LÊ HỮU NỖ (TỰ CU)	1927	Bình Phan - Mỹ Tho
397	ĐÀO CÔNG CHỈ (TỰ BỐN)	1927	Bình Phan - Mỹ Tho
398	NGUYỄN VĂN CHẤT	1936	Tân Bình - Mỹ Tho
399	NGUYỄN XUÂN PHƯƠNG (TỰ THANH PHONG)	1936	Long An - Vĩnh Long
400	TRƯƠNG VĂN VIỆT	1927	Làng Tân Thới - Cần Thơ
401	LÊ VĂN NGỌC	1937	An Phú - Chợ Lớn
402	VŨ BÁ KỲ	1914	Văn Điển - Hà Đông
403	NGUYỄN VĂN LIÊM	1931	Làng Mỹ Thạnh Trung - Vĩnh Long

LIỆT SỸ PHÚ QUỐC (TRONG CUỐN SÁCH TRẠI GIAM TÙ BINH PHÚ QUỐC)

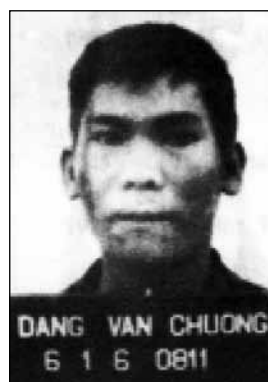
STT	Họ và tên liệt sỹ	Quê quán	Ngày hy sinh
1	Liệt sỹ HOÀN	Kiến Thụy - Hải Phòng	08/09/1953
2	Liệt sỹ ĐÃI	Quang Minh - Tứ Lộc - Hải Dương	
3	Liệt sỹ NGUYỄN VĂN ON		
4	Liệt sỹ NGUYỄN VĂN TỶ		
5	Liệt sỹ VÕ THÀNH ĐO		
6	Liệt sỹ NGUYỄN VĂN TỶ	Biên Hòa - Đồng Nai	05/06/1956
7	Liệt sỹ TRẦN BÁ NGÃI	Hà Đông	
8	Liệt sỹ NGUYỄN VĂN NI	Củ Chi	22/12/1969
9	Liệt sỹ NGUYỄN THANH LONG		09/04/1970
10	Liệt sỹ TRẦN HUỒN	Hoài Nhơn - Bình Định	06/12/1970
11	Liệt sỹ ĐẶNG HỒNG SƠN	Hà Nội	20/02/1971
12	Liệt sỹ CHÂU VĂN KHÁNH	Bình Định	04/12/1972
13	Liệt sỹ ĐỖ HÒA	Bình Định	20/10/1972
14	Liệt sỹ LÂM VĂN RÔ		02/11/1971
15	Liệt sỹ ĐẶNG VĂN BÊ (TÚC MINH)	Cai Lậy - Tiền Giang	31/01/1971
16	Liệt sỹ LÊ HỮU XÊ	Thừa Thiên Huế	31/01/1971
17	Liệt sỹ BA VẠN (TÚC TRẦN VẠN)	Quế Sơn - Quảng Ngãi	09/1969
18	Liệt sỹ LÊ VĂN ĐƯƠNG		02/07/1971
19	Liệt sỹ LÊ VĂN KIA		02/07/1971
20	Liệt sỹ NGUYỄN VĂN SẮC		07/1971
21	Liệt sỹ BÙI GIA BẢO		24/05/1972
22	Liệt sỹ TRẦN LONG (TRẦN LỜI)		20/07/1969
23	Liệt sỹ CHIÊU		11/1970
24	Liệt sỹ TRẦN TRINH		12/1972

HÌNH ẢNH CÁC CHIẾN SĨ CÁCH MẠNG HI SINH Ở NHÀ TÙ PHÚ QUỐC

BẾN TRE



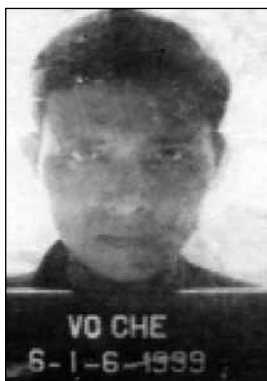
BÌNH ĐỊNH



HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC



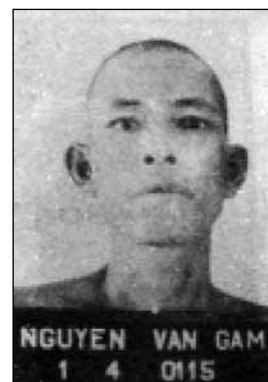
BÌNH THUẬN



CẦN THƠ



ĐỒNG THÁP



GIA LAI



HÀ BẮC



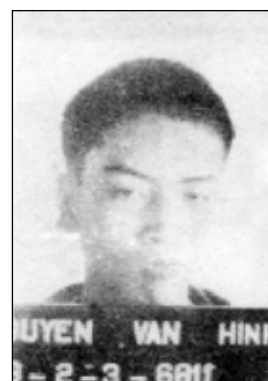
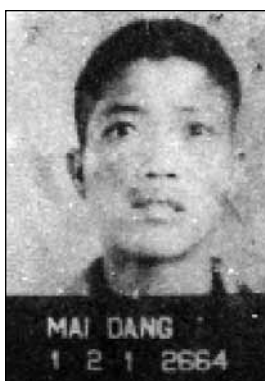
HÀ TÂY



HẢI HUNG



HẢI PHÒNG



HÀ TĨNH



HÒA BÌNH



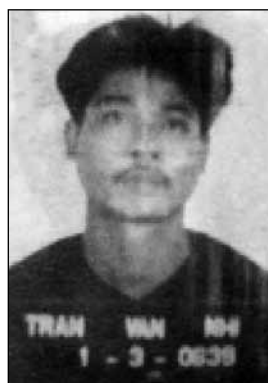
KIÊN GIANG



TP HỒ CHÍ MINH



LONG AN



MINH HẢI



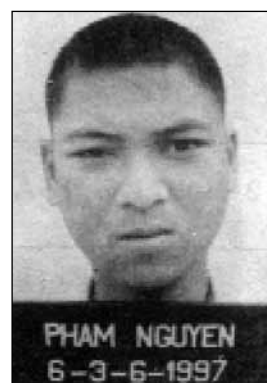
NAM HÀ



NGHỆ AN

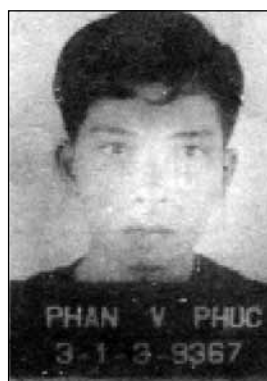


PHÚ YÊN





QUẢNG NAM ĐÀ NẴNG



HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC



QUẢNG NGÃI



QUẢNG TRỊ



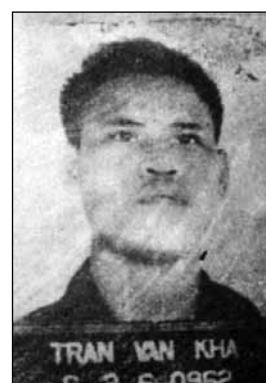
SÔNG BÉ



SÓC TRĂNG



THÁI BÌNH



HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC



TÂY NINH



THANH HÓA



THỪA THIÊN HUẾ



TIỀN GIANG





TRÀ VINH



VĨNH LONG



Danh sách và những hình ảnh về các tù binh, liệt sĩ đã hi sinh tại nhà tù Phú Quốc - Ban biên tập chúng tôi rất mong được nhận thêm những thông tin, hình ảnh để được bổ sung cho lần tái bản gần nhất. Xin trân trọng cảm ơn.

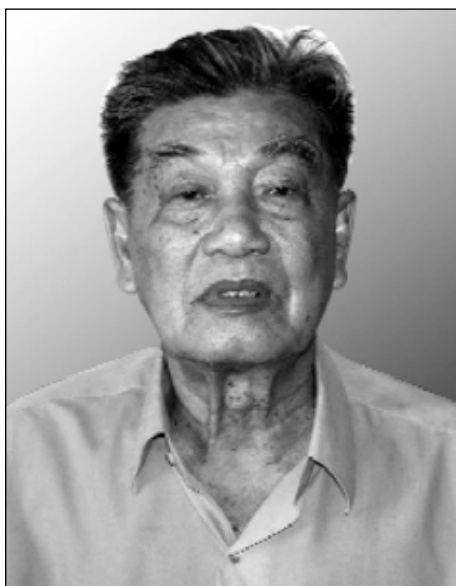
CHUYỆN KỂ TỪ NHỮNG NGƯỜI TRONG CUỘC

Đó là những con người đã từng cống hiến cả tuổi trẻ của mình cho cuộc chiến đấu ác liệt trên đảo; là những tù binh bị giam cầm, tra tấn dã man nhưng vẫn một lòng hướng về cách mạng với ý chí “không có gì quý hơn độc lập tự do”, gắn bó với quân dân trên đảo trong cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ... Họ có thể là đại diện cho hàng trăm, hàng ngàn cán bộ, chiến sĩ và đồng bào đã chiến đấu, hy sinh trên đảo suốt 30 năm chống kẻ thù xâm lược, kể về một phần cuộc chiến đấu ấy.

BÀI VIẾT TRONG PHẦN NÀY DO TẬP THỂ CÁN BỘ, PHÓNG VIÊN, BIÊN TẬP VIÊN CÔNG TY VĂN HÓA TRÍ TUỆ VIỆT THỰC HIỆN TRONG CHUYẾN ĐI CÔNG TÁC THỰC TẾ TẠI PHÚ QUỐC ĐỂ THỰC HIỆN BẢN THẢO CUỐN SÁCH.



NĂM TRÌ - NGƯỜI CON ƯU TÚ CỦA QUÊ HƯƠNG PHÚ QUỐC



Trước khi nghỉ hưu, ông là Bí thư tỉnh ủy tỉnh Kiên Giang - Một người từng lăn lộn, “ra sinh vào tử” suốt những năm khốc liệt của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Với ông, lý tưởng cộng sản, nền độc lập tự do của đất nước, của dân tộc là điều cao cả nhất. Vì vậy mà ông bất chấp mọi gian khổ, hy sinh, cống hiến suốt cuộc đời cho Đảng và nhân dân; Xứng đáng là người con ưu tú của quê hương Phú Quốc - Kiên Giang.

Lâm Kiên Trì (còn gọi là Năm Trì) tên thật là Lâm Minh Mẫn sinh năm 1928 ở Dương Đông - Phú Quốc. Ông tham gia cách mạng giữa những ngày lịch sử - Cách mạng tháng Tám năm 1945. Hồi đó đảo Phú Quốc quê ông cũng chịu sự đô hộ của thực dân Pháp và chính quyền phong kiến tay sai. Đời sống của nhân dân trên đảo vô cùng cực khổ. Tuổi thơ của Lâm Minh Mẫn gắn liền với đói khát, với chiến tranh và sự bất công của một xã hội thuộc địa... Thực tiễn đau buồn đó đã thôi thúc ông tham gia những hoạt động cách mạng với mục đích đánh đuổi thực dân, đánh đổ chính quyền phong kiến thối nát, giành chính quyền về tay nhân dân, xây dựng cuộc sống mới ấm no hạnh phúc. Là đội viên đội du kích xã và hoàn thành tốt những nhiệm vụ được giao, ông đã sớm bộc lộ tư chất thông minh, phẩm chất kiên cường của người cách mạng. Tháng 3 năm 1949, Lâm Minh Mẫn vinh dự được đứng trong hàng ngũ của Đảng; Hoạt động của ông ở Phú Quốc ngày càng sâu rộng hơn.

Năm 1951, ông trở thành huyện ủy viên, rồi Thường vụ huyện ủy huyện Phú Quốc. Cùng với đồng chí, đồng bào, ông làm việc vì quê hương; khó khăn, nguy hiểm luôn kề bên mà ông không hề run sợ, luôn bám sát dân, bám sát cơ sở, tìm mọi cách để hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ cách mạng, chống lại kẻ thù xâm lược.

Để chuẩn bị cán bộ cho phong trào cách mạng với nhiệm vụ ngày một nặng nề hơn, tháng 8 năm 1954, cùng một đợt với cán bộ đi tập kết, một số cán bộ huyện Phú Quốc được Tỉnh ủy đưa về đất liền dự lớp học chính trị do Khu ủy Miền Tây mở. Trong đó có Lâm Minh Mẫn. Họ cùng khoác ba lô hòa vào đoàn người đi tập kết trên Bãi Giồng xã Dương Tơ. Riêng với ông, mọi chuyện, mọi cam go còn đang ở phía trước, đòi hỏi phải có lòng tin và sự kiên định vô cùng lớn...

Có thể nói thời điểm năm 1954 và mấy năm sau đó ở miền Nam nói chung và Phú Quốc nói riêng, tình hình vô cùng phức tạp. Đế quốc Mỹ rắp tâm xâm chiếm nước ta, muốn biến miền Nam thành căn cứ quân sự của chúng nên đã ngay lập tức (Sau Hiệp định Giơnevơ) dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm và chúng ra sức khủng bố những người cách mạng. Tình hình ở Phú Quốc thời gian này hết sức cam go và ác liệt đối với phong trào cách mạng. Có thể coi đây là thời kỳ đen tối của cách mạng miền Nam và ở Phú Quốc. Làng xóm vắng lạnh, kẻ thù tỏ ra ngỗ ngược. Bọn phản động, ác ôn nổi lên, mặc sức giết chóc dân làng, trả thù người hoạt động kháng chiến...

Giữa lúc cam go ấy, Tỉnh ủy đã cử đồng chí Ba Hữu - ủy viên Thường vụ tỉnh ủy Long Châu Hà ra đảo chỉ đạo công tác tổ chức và phương hướng hoạt động của phong trào. Cũng vào dịp này, Lâm Minh Mẫn được cử là Bí thư Huyện ủy Phú Quốc (Cuối tháng 8/1954) mặc dù ông đi học chưa về.

Tính chất cam go, quyết liệt của giai đoạn sau năm 1954 đòi hỏi người cán bộ phải vững vàng, kiên định. Do đó, Tỉnh ủy nêu lên khẩu hiệu lúc này: “Kiên trì, trung thành nhất” - Và mỗi từ trong khẩu hiệu là mật danh của một đồng chí huyện ủy viên. Trong đó Minh Mẫn được đổi là Năm Trì (Lâm Kiên Trì). Tên ấy theo ông đến tận ngày nay.

Tháng 1/1955, sau khi học xong lớp chính trị, ông nhận chỉ thị của tỉnh ủy và tìm cách trở lại đảo. Thời gian đó, việc đi, về đảo Phú Quốc vô cùng khó khăn do địch tăng cường kiểm soát; Mỗi chuyến đi như vậy không khác nào vào một trận đánh, phải tính toán kỹ mọi tình huống để có biện pháp đề phòng, xử trí.

Về đảo, ông dành cả tháng trời đi hết xã này đến xã khác để nắm tình hình. Rồi sau đó Huyện ủy Phú Quốc đã lập một guồng máy điều hành công việc - Khu Tượng được chọn làm nơi ở của cơ quan Huyện ủy. Ông còn cho người đi liên lạc, móc nối, lần lượt triệu tập về Khu Tượng một số đồng chí nòng cốt như: Phan Đình Thăm (Hai Hiến), Nguyễn Trọng Hiếu (Hai Dài), Trần Văn Triệu (Năm Năng), Nguyễn Văn Nhan (Tư Điệp) và Phạm Văn Mầu (Ba Lon). Một cái lán nhỏ được dựng lên ở giữa rừng - Trong đó có một chiếc bàn, hai ghế băng cũ và một chiếc máy chữ “Rogan” cũ kỹ... Vậy mà có mấy ai biết rằng đây lại chính là một ngày lịch sử, một ngày đáng ghi nhớ của cơ quan đầu não Phú Quốc chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước lâu dài và gian khổ. Đối với ông Năm Trì, kỷ niệm ấy không bao giờ phai nhạt.

Khó khăn lớn nhất đối với Phú Quốc là thiếu thông tin và mất liên lạc với đất liền. Không chỉ một mà nhiều lần. Năm 1956 tình hình ấy trở nên vô cùng cam go. Mất liên lạc trong khi cơ sở bị đánh đứt néo, đi lại dù bí mật hay công khai đều hết sức khó khăn;

điện đài lại chưa có... trong khi ở đảo lại có biết bao nhiêu vấn đề nóng bỏng rất cần sự chỉ đạo của tỉnh ủy từ đất liền... Trước tình hình như vậy, ông cùng các đồng chí ở đảo nhiều lần tìm cách về đất liền, nhưng vô cùng khó khăn, vất vả và cả nguy hiểm nữa. Dần dần, với quyết tâm và sự năng nổ của ông, mọi việc ổn định hơn.

Có thể nói, mặc dù gặp muôn vàn khó khăn, thử thách, nhưng là người lãnh đạo cách mạng cao nhất trên đảo thời kỳ 1955-1957, và bằng bản lĩnh, bằng ý chí cách mạng của mình, ông Lâm Kiên Trì đã lãnh đạo phong trào vượt qua những ngày đen tối để tiếp tục tiến lên.

Tháng 10 năm 1957, ông được điều về đất liền, làm Bí thư Huyện ủy Giồng Riềng, Gò Quao. Với kinh nghiệm tích lũy được trong những năm hoạt động trên đảo, ông đã cùng đồng chí, đồng bào vượt muôn vàn thử thách gây dựng cơ sở, khôi phục phong trào cách mạng ở địa phương, làm thất bại nhiều âm mưu và kế hoạch thâm hiểm của kẻ thù.

Sau Đồng Khởi (1961), ông là tỉnh ủy viên, trưởng ban Tuyên - văn giáo tỉnh ủy, phụ trách công tác tuyên truyền. Đó là một nhiệm vụ đầy khó khăn trong hoàn cảnh cơ sở cách mạng ở nhiều địa phương chưa hồi phục lại được, trong khi địch lại tăng cường bộ máy đàn áp, bắt bớ, trả thù... Song, cũng chính hoàn cảnh khó khăn ấy càng tôi luyện người cộng sản vững vàng hơn, nhiều kinh nghiệm hơn trong đấu tranh với địch và xây dựng phong trào. Từ năm 1964 đến 1966 ông là ủy viên Thường vụ tỉnh ủy, Trưởng ban tuyên huấn và tổ chức của tỉnh ủy. Từ năm 1966, ông là Phó Bí thư tỉnh ủy Rạch Giá.

Cho tới năm 1967 là tròn 10 năm xa Phú Quốc, nhưng ông Năm Trì vẫn luôn nhớ về quê hương Phú Quốc, luôn khắc khoải ngóng chờ tin của phong trào ngoài đảo; nhất là trong điều kiện mất liên lạc. Với tình cảm và mong đợi cháy bỏng ấy, tháng 2/1966 trong một cuộc họp Thường vụ Tỉnh ủy Rạch Giá, ông đã đưa ra ý kiến về vấn đề này: - Không hiểu tình hình Phú Quốc, lực lượng cách mạng diễn biến ra sao? Nếu Phú Quốc không vô được, chắc là địch phong tỏa quá chặt. Nếu huyện không đủ sức móc nối thì tỉnh phải tìm cách móc nối - Đó là tâm huyết của ông. Nhưng phải mãi tới giữa năm 1967, ông mới thực hiện được ý nguyện của mình bằng một chuyến trở lại đảo đầy nguy hiểm với tư cách là Phó Bí thư tỉnh ủy. Đó là một chuyến đi vô cùng quan trọng, được ông lên phương án khá chi tiết gồm các bước: Tổ chức lực lượng, móc nối với đường dây chuyển hàng ở biên giới để sắm xuống ghe, tổ chức trinh sát, xác định điểm đưa đón... Điều ông quan tâm nhiều là phải làm sao giữ được liên lạc giữa đảo với tỉnh. Chuẩn bị xong, chuyến đi phải đi chuyển tới căn cứ của ta ở biên giới Campuchia rồi mới lên đường vượt biển ra đảo, trở về nơi ông đã sinh ra và lớn lên, từng cùng đồng chí, đồng bào chiến đấu bao năm ròng.

Có thể nói đoàn cán bộ của ông đến với đảo Phú Quốc hồi đó thực sự tạo ra một luồng gió mới trên đảo. Đối với Phú Quốc, chuyến công tác ra đảo lần ấy như “đất hạn gặp mưa”.

Vừa đặt chân lên tới đảo, Ông tổ chức ngay cuộc họp huyện ủy, nghe báo cáo tình hình trên đảo và phổ biến Nghị quyết của Tỉnh ủy, bàn biện pháp thực hiện các nhiệm

*Đồng chí
Lâm Kiên Trì
(Năm Trì) tại
Giành Dầu, nơi
đổ bộ bằng xuồng
về nối liên lạc
với Phú Quốc
(1967)*

Ảnh: TL



vụ trọng tâm ở đảo; Tăng cường công tác tổ chức, huấn luyện kỹ thuật pháo và đặc công cho lực lượng vũ trang huyện; Mở một số trận đánh có vũ khí mới trang bị nhằm kích động phong trào... Những hoạt động và sự chỉ đạo của ông trong chuyến trở về đảo giữa năm 1967 đã thực sự mang lại cho phong trào cách mạng và cuộc chiến đấu của quân dân ta ở Phú Quốc một bước ngoặt mới. Với ông nói riêng và với sự chỉ đạo của Tỉnh ủy nói chung, đó là một chuyến đi lịch sử! Thực tế đã chứng tỏ ông là một cán bộ lãnh đạo có tầm nhìn xa trông rộng, luôn hết mình vì sự nghiệp cách mạng. Ngay từ khi nhiều người còn chưa tin việc vượt vòng vây dày đặc của tàu tuần biển địch để ra đảo thành công thì chính ông đã tìm cách giao cho một bộ phận lập kho “Chân hàng” ở đảo. Và khi tới được đảo, ông đã lập tức mở rộng việc vận chuyển vũ khí cho đảo. Đó là một quyết định sáng suốt và táo bạo.

Có thể nói, ông Lâm Kiên Trì đã có những đóng góp đáng kể cho phong trào cách mạng và cuộc chiến đấu của Đảng bộ và nhân dân Kiên Giang nói chung và huyện đảo Phú Quốc nói riêng trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Trong con người ông, trước đây cũng như bây giờ, ngọn lửa cách mạng luôn rực cháy. Ngọn lửa ấy lớn lên theo năm tháng, theo trọng trách mà Đảng và nhân dân giao phó cho ông, không chỉ trong kháng chiến mà cả trong hoà bình xây dựng.

Từ tháng 1/1972, ông là Bí thư Tỉnh ủy Rạch Giá. Từ tháng 12/1975, ông là Phó Bí thư Tỉnh ủy, rồi là Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Kiên Giang cho tới lúc về nghỉ (1994).

Ông đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương độc lập hạng Nhất, Huân chương kháng chiến chống Pháp hạng Nhì, Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất, cùng nhiều phần thưởng cao quý khác.

Với Đảng bộ và nhân dân Phú Quốc, ông Năm Trì mãi mãi là một trong những tấm gương sáng trong sự nghiệp đấu tranh cách mạng trên vùng “đất giàu” giữa biển khơi Tổ quốc.

ĐẶNG ĐÌNH CHẤN

VỮNG VÀNG TRONG THỬ THÁCH CAM GO

Không sinh ra ở Phú Quốc, nhưng ông lại từng gắn bó với đảo trong những năm tháng cam go nhất của cách mạng miền Nam. Chỉ có lòng yêu nước nồng nàn, ý chí kiên cường, luôn vững vàng trước mọi thử thách mới giúp ông vượt qua được bao gian nguy và lãnh đạo phong trào vượt qua khó khăn lúc đó...



Giữa những ngày lịch sử tháng 8 năm 1945, người thanh niên Nguyễn Phước Kỳ vừa tròn 20 tuổi, hào hứng tham gia vào đội quân của cách mạng, là dân quân tự vệ, hoạt động trong tổ chức Đoàn thanh niên cứu quốc tại Vĩnh Thuận quê ông (Huyện Vĩnh Thuận - tỉnh Rạch Giá lúc đó). Đó là bước ngoặt lớn của cuộc đời ông, đáp ứng khát vọng cháy bỏng của người thanh niên yêu nước muốn được cống hiến sức mình, giải phóng quê hương khỏi ách thực dân.

Chưa đầy 3 năm sau (tháng 5/1948), ông được vinh dự đứng trong hàng ngũ của Đảng, trở thành một người cộng sản, mang trên vai trọng trách lớn hơn đối với mảnh đất quê hương đau thương mà anh dũng.

Vóc người nhỏ bé, nhưng hoạt bát, bản lĩnh, ông không quản khó khăn gian khổ, lẫn lộn với phong trào cách mạng ở địa phương. Thời gian đó, thực dân Pháp chưa từ bỏ dã tâm xâm lược nước ta, chúng dùng mọi thủ đoạn tàn bạo hòng tiêu diệt lực lượng cách mạng. Máu đổ, nhà tan, bao người dân vô tội phải chết dưới họng súng của giặc, bao đồng chí bị bắt bớ, giam cầm, hy sinh... Ông hiểu rất rõ sự tàn khốc ấy, nhưng ông không một phút chao đảo, kiên quyết bám dân, bám đất để cùng đồng chí, đồng bào

củng cố, xây dựng cơ sở... Càng ngày ông càng thể hiện vai trò và trở thành một cán bộ nòng cốt ở địa phương. Có nhiều lúc, địch tăng cường lùng bắt ông và các đồng chí lãnh đạo tổ chức Đảng, đòi hỏi ở ông sự vững vàng, bình tĩnh và mưu trí để vượt qua nguy hiểm, lãnh đạo phong trào.

Từ một chi ủy viên, đến năm 1950 ông là Phó Bí thư rồi sau đó là Bí thư Chi bộ và năm 1955 là Bí thư Đảng ở xã Vĩnh Thuận. Đến năm 1956 ông là Huyện ủy viên, tiếp tục gắn mình với những khó khăn trong những ngày tháng đen tối của cách mạng miền Nam khi đế quốc Mỹ và ngụy quyền thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng.

Một trong những dấu ấn và là một trang đậm nét trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Nguyễn Phước Kỳ chính là thời kỳ ông được điều ra Phú Quốc. Đó là đầu năm 1958, với cương vị là Bí thư huyện ủy đảo. Người ta vẫn còn nhớ anh Chín Kỳ ngày đó, người nhỏ con, có dáng giáo học, nhưng lại đóng giả một người buôn chiếu đột thẳng vào thị trấn Dương Đông... Đối với ông, đây cũng là một thời kỳ thử thách thực sự và ông đã từng bước vượt qua.

Những năm 1958-1960, cách mạng miền Nam gặp vô vàn khó khăn. Kẻ thù ra sức đàn áp các lực lượng kháng chiến. Máy chém 10/59 của Mỹ - Diệm lúc đó lê đi khắp miền Nam để đàn áp những cán bộ cách mạng, những người ủng hộ cách mạng mà giặc bắt được. ở đảo Phú Quốc cũng không phải là ngoại lệ. Máy chém của giặc đánh thẳng vào sự cô đơn của đảo khiến phong trào tưởng như không thể đứng vững. Máu tiếp tục đổ ở Bãi Bồn, ở Hàm Ninh, Cồn Dương, Suối Cao, Suối Đá, Cây Thông... Thử thách cam go của đảo cũng chính là thử thách vô cùng ác liệt đối với người Bí thư mới Nguyễn Phước Kỳ.

Là Bí thư cấp ủy cách mạng ở đảo, không còn cách nào khác là phải độc lập, tự chịu trách nhiệm trước Đảng, trước dân. Vì không phải lúc nào đảo cũng liên lạc được với đất liền, thiếu hẳn sự chỉ đạo thường xuyên của tỉnh ủy... Vì vậy, khó khăn lại càng khó khăn hơn, gian nan lại càng gian nan hơn. Cuộc đấu trí vì thế trở nên căng thẳng, quyết liệt; Giữa cái chết và sự sống chỉ là trong gang tấc...

Đến với Phú Quốc, ông Chín Kỳ đặc biệt quan tâm tới việc củng cố, móc nối gây dựng cơ sở cách mạng trên đảo. Bởi ông hiểu rõ giá trị của việc đó. Không có dân, không có cơ sở thì phong trào cách mạng không thể phát triển, lực lượng cách mạng không thể được bảo toàn. Vì thế, ông chỉ đạo sát sao việc xây dựng cơ sở một cách toàn diện: Cơ sở trong nhân dân, cơ sở trong lòng địch, phát triển cơ sở theo hệ thống nòng cốt, rồi xây dựng những tổ 3 người hoạt động bí mật... Nhờ vậy mà đã hạn chế tổn thất qua các đợt khủng bố gắt gao của địch và từng bước phát triển các hoạt động trên đảo. Bên cạnh đó là nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang, dân quân tự vệ... nhằm tấn công tiêu diệt địch, hỗ trợ cho đấu tranh chính trị.

Cũng cần nói thêm rằng tại thời điểm ông nhận nhiệm vụ trên đảo, địch đang ra sức thực hiện chính sách “qui khu”, dồn các gia đình có người đi tập kết và gia đình có

người hoạt động kháng chiến vào một khu riêng biệt ở thị trấn Dương Đông nhằm tách lực lượng cách mạng ra khỏi quần chúng. Âm mưu thâm độc của địch cần phải được đối phó sao cho có hiệu quả!. Ông cùng với các đồng chí Ban Thường vụ Huyện ủy đề ra một số biện pháp cụ thể có tính chất bổ sung như: Xác định lại tiêu chuẩn đảng viên và đoàn viên, phân công từng đảng viên nắm quần chúng, đánh giá lại thực lực để có biện pháp thích hợp. Mặt khác, tiến hành phân loại những tên phản động ác ôn, chỉ rõ một số tên đầu sỏ để có kế hoạch tiêu diệt nhằm gây hoang mang cho địch và cổ vũ phong trào của ta. Sở dĩ có kế hoạch đó là do bọn phản động, chỉ điểm lợi dụng những khó khăn của cách mạng, ra sức hoạt động để truy tìm bắt bớ cán bộ của ta. Chúng không từ một thủ đoạn nào để đàn áp, tra tấn, bắn giết những người mà chúng cho là theo cộng sản. Sự hung hăng tàn bạo của địch khiến cho cách mạng trên đảo gặp rất nhiều khó khăn; Nếu không có biện pháp khẩn trương, cách mạng sẽ khó tránh khỏi tổn thất.

Cuộc chiến đấu trên đảo ngày càng quyết liệt. Sự lãnh đạo cũng đòi hỏi phải sáng suốt, kịp thời và kiên quyết. Bản lĩnh của người cán bộ lãnh đạo lại càng phải nâng cao hơn. Thực tiễn đó không chỉ thể hiện tính chất ác liệt của công cuộc kháng chiến mà còn thể hiện sự phát triển của phong trào... Vai trò của tổ chức Đảng, của người Bí thư, vì vậy lại càng phải được nâng cao và càng cần sự quyết đoán sáng suốt. Ông Nguyễn Phước Kỳ, với bề dày kinh nghiệm trong chỉ đạo phong trào, đặc biệt là bản lĩnh vững vàng của một chiến sĩ cộng sản, đã có những đóng góp rất quan trọng thúc đẩy sự phát triển của cách mạng, của công cuộc kháng chiến trên đảo Phú Quốc trong những năm 1958-1961 đầy gian nguy.

Cũng nhờ vậy, khi đảo bước vào cuộc “đồng khởi” năm 1961, ông và lãnh đạo Huyện ủy Phú Quốc đã chủ động đề ra những chủ trương cụ thể phù hợp với điều kiện thực tiễn của đảo - Đó là phát động quần chúng đấu tranh chống địch bắt lính và đẩy mạnh việc xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng trên đảo; Đẩy mạnh các cuộc tấn công địch; Thắng lợi dành được trong thời kỳ này là tiền đề quan trọng cho những bước tiếp theo. Khi ấy ông vừa là Bí thư, vừa đảm trách chính trị viên một đại đội vũ trang do huyện mới thành lập. Cả về chính trị và về quân sự, ông Chín Kỳ đều vững vàng và mang lại lòng tin tuyệt đối cho anh em, tạo thêm sức mạnh cho cuộc chiến đấu.

Có thể nói, ông Nguyễn Phước Kỳ đã cống hiến trọn vẹn sức lực và trí tuệ của mình cho sự nghiệp cách mạng. Không chỉ thời gian công tác và hoạt động ở Phú Quốc, mà sau này khi trở về đất liền (từ 1962) cũng vậy. Ông tiếp tục được giao nhiệm vụ tới những “vùng yếu” để củng cố và gây dựng cơ sở cách mạng, tổ chức các hoạt động kháng chiến của nhân dân và xây dựng tổ chức cơ sở Đảng. ở đâu, ông cũng luôn coi trọng ba vấn đề chủ yếu; đó là: Xây dựng Nghị quyết của Chi bộ phải sát thực tiễn của địa phương, cơ sở; Kế hoạch thực hiện Nghị quyết phải cụ thể, tính trước tính sau, không để bị những bất ngờ làm đổ vỡ kế hoạch đề ra; Công tác tư tưởng, chính trị trong nội bộ Đảng phải được quan tâm thực hiện thường xuyên và có hiệu quả... Cũng nhờ lãnh đạo toàn diện, biết nhìn xa trông rộng nên ông đã không phụ lòng tin của tổ chức, hoàn

thành tốt nhiệm vụ, giúp cho phong trào ở những “vùng yếu” được củng cố và dần phát triển mạnh mẽ. Với những nơi ấy, hầu như ông là người “đi trước, về sau”, bất chấp bao gian nan, nguy hiểm.

Tâm sự với chúng tôi, ông Chín Kỳ vẫn chân thành: “Có được một số thành tích trong quá trình làm nhiệm vụ cách mạng là do ông đã được Đảng giúp đỡ, giáo dục, rèn luyện và nhân dân che chở. Nhưng so với anh em thì thành tích ấy chưa phải là nhiều...”. Tâm tư ấy của ông càng khiến mọi người thêm kính trọng ông. Bao nhiêu lần bị địch truy tìm, bao nhiêu nguy hiểm đã rình rập ông, cái chết luôn kề bên, với một ranh giới mỏng manh... Nhưng ông không nản lòng và sẵn sàng chấp nhận tất cả, mưu trí vượt qua để cống hiến cho phong trào chung. Đó chẳng phải là tấm gương trong sáng của một người cộng sản trên vùng đất Kiên Giang giàu truyền thống cách mạng?

Đã hơn 80 tuổi đời, trải bao sóng gió, vậy mà con người nhỏ nhắn, gầy gò ấy vẫn không hề mất đi khí chất của một người chiến sĩ cách mạng. Trong ông, vẫn trong vắt mạch nguồn của lòng yêu nước, của lý tưởng cộng sản - Những yếu tố đã giúp ông vượt qua mọi thử thách suốt mấy chục năm chiến đấu chống kẻ thù xâm lược, giành độc lập tự do cho quê hương đất nước.

Quả thật trong cuộc chiến đấu đầy cam go ấy của dân tộc, sở dĩ có được thắng lợi vẻ vang, cũng một phần chúng ta đã có được những con người kiên cường, bất khuất, trung thành với lý tưởng cách mạng của Đảng, của dân tộc, như ông Chín Kỳ.

TRẦN ANH TUẤN

TỪ MỘT THANH NIÊN YÊU NƯỚC ĐẾN MỘT BÍ THƯ HUYỆN ỦY...



Tiếp nối truyền thống cách mạng về vang của một gia đình, một dòng họ, năm 14 tuổi (1950), ông đã tham gia công tác cách mạng ngay trên vùng đất quê hương Phú Quốc của mình. Ngót nửa thế kỷ hoạt động trong các phong trào, trải qua nhiều vị trí, chức vụ khác nhau, ông đã thể hiện phẩm chất cao đẹp của người chiến sĩ cách mạng, luôn nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ Đảng và nhân dân giao phó.

Ông là Phạm Văn Minh, bí danh là Hai Phi. Cái dáng người thư sinh, trắng trẻo lúc còn trẻ cũng như một dáng vẻ tri thức khi đã lớn tuổi, cứ ngỡ ông khó hợp với bao gian truân, vất vả và cả sự hiểm nguy của cuộc đời người chiến sĩ cách mạng khi đất nước còn chìm trong đêm đen nô lệ, khi cuộc chiến khốc liệt kéo dài. Vậy mà ông đâu có “ngán”, sẵn sàng vượt qua tất cả để cống hiến cho quê hương, đất nước, đóng góp sức mình vào cuộc chiến đấu hào hùng của dân tộc và cả trong thời kỳ hòa bình xây dựng.

Năm 1954, lẽ ra ông cùng ở trong đoàn cán bộ tập kết ra Bắc, nhưng ông đã không đi mà tình nguyện ở lại quê hương chờ thời cơ tiếp tục hoạt động. Lúc ấy ông mới 18 tuổi - Cái tuổi ăn, tuổi chơi như người ta vẫn nói - nhưng với Phạm Văn Minh, đó lại là sự khởi đầu của một chặng đường dài dẫn thân cho lý tưởng. Năm 1955, một số cán bộ tập kết trở về miền Nam, bí mật móc nối với ông và quá trình hoạt động lại được tiếp tục. Đó là thời kỳ vô cùng khó khăn của cách mạng miền Nam. ở Phú Quốc cũng vậy, địch ra sức vây ráp, trả thù những người kháng chiến nên cuộc chiến đấu ngày càng ác liệt.

Năm 1955, ông trở thành một cán bộ đoàn và là Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản xã Cửa Dương... Đó là lực lượng xung kích trong các phong trào cách mạng, người cán bộ đòi hỏi phải nhiệt tình, năng nổ, dám chịu trách nhiệm, không sợ gian khổ hy sinh...

Chính công tác đoàn trong những năm ấy đã rèn luyện ông rất nhiều; không chỉ giúp ông dày dặn kinh nghiệm hơn trong công tác thực tiễn mà còn nâng cao bản lĩnh, ý chí trước những khó khăn gian khổ. Và, có thể nói đó cũng là một trong những quãng thời gian đầy kỷ niệm đối với ông trên quê hương Phú Quốc.

Công tác cách mạng đã giúp ông nâng cao vai trò của mình trong cuộc sống cộng đồng; Sự gắn bó của người cán bộ đoàn Phạm Văn Minh với phong trào ngày càng chặt chẽ và sâu rộng hơn. Tháng 8/1958, Hai Phi đã vinh dự được đứng vào hàng ngũ của Đảng. Vinh dự lớn lao và trách nhiệm cũng nặng nề hơn.

Trong giai đoạn 1956-1960, Mỹ - ngụy dùng mọi thủ đoạn tàn bạo nhất để đàn áp cách mạng miền Nam hòng đè bẹp ý chí của đồng bào ta, tiêu diệt lực lượng cách mạng. Biết bao chiến sĩ, đồng bào yêu nước đã bị giặc giết hại trong giai đoạn vô cùng khốc liệt này. Sự tàn bạo của kẻ thù không những không làm cho Hai Phi run sợ mà càng nung nấu chí căm thù, càng thôi thúc ông và đồng chí của mình sẵn sàng chấp nhận mọi hiểm nguy, bèn bĩ chiến đấu chống lại kẻ thù, bảo vệ đồng chí, đồng bào.

Từ năm 1960, ông được giao nhiệm vụ là trưởng ban thanh vận Huyện ủy Phú Quốc, rồi là Bí thư Huyện đoàn và là Huyện ủy viên. Không chỉ trực tiếp làm công tác vận động quần chúng mà ông còn tham gia chiến đấu chống lại kẻ địch; tham gia móc nối, gây dựng cơ sở cách mạng trên đảo, cùng các thế hệ cha anh thể hiện phẩm chất kiên cường của người cộng sản.

Từ sau cuộc tổng tấn công xuân Mậu Thân (1968) của ta, địch tăng cường kiểm tra kiểm soát nên liên lạc giữa đảo và đất liền bị gián đoạn; Đã khó khăn lại càng khó khăn hơn do đảo không nhận được sự chỉ đạo thường xuyên của Tỉnh ủy. Song, với ý chí tự lực tự cường, quân và dân trên đảo đã chủ động tổ chức đánh địch, kết hợp với đấu tranh chính trị, làm thất bại nhiều âm mưu thâm độc của chúng. Trong chiến công chung đó, có sự đóng góp đáng kể của những con người trẻ tuổi như ông Hai Phi. Từ cuối tháng 5 năm 1968, ông được bổ sung vào Huyện ủy và trực tiếp làm Bí thư thị trấn Đông Dương – Một địa bàn hết sức quan trọng ở Phú Quốc. Mặc dù hết sức khó khăn, nhưng cơ sở Đảng và tổ chức quần chúng trên đảo trong thời gian này vẫn được giữ vững, còn có bước củng cố và phát triển; các đơn vị vũ trang bám vững địa bàn hoạt động và chiến đấu bất chấp điều kiện khó khăn, thiếu thốn. Ngay ở thị trấn Dương Đông, ông Hai Phi đã cùng các đồng chí trong Chi ủy, trong Chi bộ Đảng kiên cường bám trụ lãnh đạo phong trào nên cơ sở cách mạng trong thị trấn vẫn được củng cố. Các cán bộ như ông bèn bĩ chịu đựng gian khổ, bám đất, bám dân, hoạt động và chiến đấu kiên cường. Không chỉ có vậy, sự mạnh – yếu của phong trào đều gắn liền với năng lực và lập trường quan điểm của người lãnh đạo một tổ chức Đảng ở cơ sở như ông. Ông hiểu rõ điều đó và đã không phụ lòng tin của đồng chí, đồng bào.

Cuối năm 1969, đầu năm 1970, sau khi bị thất bại trong kế hoạch “Bình định cấp tốc”, địch lại tập trung triển khai thực hiện kế hoạch “Bình định đặc biệt” nhằm lấy lại những vùng nông thôn rộng lớn. ở Phú Quốc, bất chấp dã tâm và kế hoạch của địch, quân dân trên đảo vẫn giữ vững căn cứ Khu Tượng – Cửa Đông, ra sức chống lại có hiệu quả kế hoạch bình định của địch. Số lượng đảng viên vẫn tiếp tục phát triển. Sự lãnh đạo của Huyện ủy nói chung và của các Đảng bộ ở cơ sở, nhất là ở thị trấn Dương Đông (do ông Hai Phi làm Bí thư) vẫn được duy trì và ngày càng phát triển tốt hơn. Năm 1972, ông Hai Phi vẫn là Bí thư thị trấn Dương Đông đồng thời đã là ủy viên Thường vụ Huyện ủy Phú Quốc. Ông trực tiếp lãnh đạo và chỉ đạo các hoạt động ở khu vực thị trấn. Trong đó, ông chỉ đạo cho anh em cán bộ, đảng viên tổ chức quần chúng và lực lượng cách mạng tiếp tục tấn công địch trên cả ba mũi: Chính trị, quân sự và binh vận; Đẩy mạnh phong trào du kích chiến tranh; Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng cơ sở, bám dân nắm dân thật chắc; Đồng thời tăng cường giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân ý thức phòng gian, bảo mật, kịp thời phát giác bọn tình báo, chỉ điểm để kịp thời đối phó... Nhờ vậy, khí thế cách mạng rất sôi nổi.

Năm 1973, ông Hai Phi được cử về đất liền học tập nhằm chuẩn bị cho những bước tiếp theo của cách mạng trên đảo... Từ đầu năm 1974, theo sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, ông được cử làm Bí thư Huyện ủy Phú Quốc. Với cương vị mới, ông trở thành người lãnh đạo cách mạng cao nhất trên đảo và đó chính là sự tin tưởng của Đảng, của nhân dân đối với ông.

Với những thắng lợi khá toàn diện giành được trong năm 1973, quân và dân ta đã tạo tiền đề và bước ngoặt quan trọng cho cuộc kháng chiến đang đi dần tới thắng lợi hoàn toàn. Trong năm 1974, tuy vẫn còn không ít khó khăn, nhưng quân và dân đảo Phú Quốc, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Huyện ủy, vẫn luôn tổ chức tấn công địch trên cả 3 mũi giáp công. Với lực lượng vũ trang làm nòng cốt, nhân dân đã nổi dậy phá kim, vây gở đồn bốt giặc, giải phóng thêm nhiều ấp, xã, mở rộng khu giải phóng...

Trong những năm cuối của cuộc chiến tranh giải phóng (1974-1975), thực hiện Chỉ thị của Tỉnh ủy về việc nỗ lực chuẩn bị lực lượng tấn công địch, với tư cách là Bí thư Huyện ủy, ông Hai Phi đã tổ chức Hội nghị đánh giá tình hình ta, tình hình địch trên đảo và xác định nhiệm vụ, phương hướng và phương châm hoạt động cụ thể của Đảng bộ huyện. Hội nghị cũng nhấn mạnh phải kiên trì thể tiên công cách mạng; khắc phục yếu kém, khuyết điểm, tăng cường ý thức tự lực tự cường, phát huy những thắng lợi đã giành được, quyết tâm cùng quân dân toàn miền đẩy mạnh cuộc chiến đấu, giành thắng lợi cho cuộc kháng chiến...

Đầu năm 1975, dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, quân và dân Phú Quốc đã chủ động dồn sức tấn công địch, nhất là tập trung bao vây, diệt đồn... với tinh thần “ở đâu giải phóng đó”. Huyện ủy đã thành lập Ban Chỉ huy chiến trường do ông Hai Phi (Bí thư Huyện ủy) trực tiếp phụ trách chung. Phương châm hành động được đề ra lúc này là “Tiên công như ngựa phi nước đại”; “Tấn công như Nguyễn Huệ, Binh vận như Nguyễn Trãi” với quyết tâm và ý chí “Một ngày bằng 20 năm”.

Thực tiễn đã chứng tỏ sự lãnh đạo đúng đắn, nhạy bén và đầy quyết đoán của Huyện ủy Phú Quốc trong những năm tháng hết sức khẩn trương của đầu năm 1975; Trong đó vai trò của người Bí thư Huyện ủy - ông Phạm Văn Minh là rất lớn. Ngay trước thời điểm lịch sử của tháng 4 năm 1974, trong vùng căn cứ trên đảo, Bí thư Huyện ủy Phạm Văn Minh đã triệu tập một cuộc họp khẩn cấp, xác định quyết tâm tập trung toàn lực lượng của Đảng bộ quyết đánh đổ nguy quyền, giải phóng huyện đảo bằng chính sức mình, bằng lực lượng tại chỗ, không chân chừ, do dự... Đó là những quyết định hết sức nhanh nhạy và cần thiết. Nhờ vậy mà đảo Phú Quốc đã được giải phóng nhanh chóng, kịp thời.

Trong công cuộc xây dựng đất nước trong hòa bình, ông Hai Phi tiếp tục có những đóng góp đáng kể qua nhiều trọng trách khác nhau. Ông được nghỉ hưu năm 1999 sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ ở cương vị Phó Bí thư Tỉnh ủy – Chủ tịch UBND, chủ tịch HĐND tỉnh Kiên Giang.

Ông Phạm Văn Minh là người đã có những đóng góp xứng đáng vào công cuộc đấu tranh của quân và dân Phú Quốc chống kẻ thù xâm lược. Sự nghiệp cách mạng vĩ đại của dân tộc ta nói chung, của nhân dân Phú Quốc nói riêng vô cùng tự hào vì đã có những cán bộ, đảng viên trung kiên, một lòng vì nghĩa lớn như vậy.

TRẦN MIÊU

NGƯỜI TÙ BINH BẢN LĨNH



Anh quê ở huyện Phúc Thọ tỉnh Hà Tây - đích thực là người miền Bắc. Nhưng lại gắn bó với huyện đảo Phú Quốc suốt 39 năm qua - Cả trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và thời kỳ hoà bình xây dựng. Một chiến sĩ đặc công, một người tù ở nhà tù Phú Quốc vượt ngục và là một chỉ huy có bản lĩnh, một người làm kinh tế giỏi nữa... Phác họa đôi điều như thế về anh Nguyễn Văn Mỹ (còn gọi là Ba Toản) có thể chưa nói được gì nhiều. Song, con người ấy là vậy, giờ vẫn vậy.

Là con một trong gia đình, anh Nguyễn Văn Mỹ được miễn đi bộ đội. Nhưng quyết tâm và tình nguyện mãi, anh cũng được chấp nhận nhập ngũ (năm 1963) và được đào tạo lính đặc công. Năm 1966, trong đội hình của Trung đoàn 46 sư đoàn 330, anh hành quân vào Nam chiến đấu.

Trực tiếp tham gia nhiều trận đánh, anh đã cùng đồng đội khiến quân thù phải khiếp sợ bởi sự táo bạo, hiệu quả và độc đáo của bộ đội đặc công ta. Nhưng rồi, trong đợt 3 cuộc tổng tấn công năm Mậu Thân (1968) vào giữa Sài Gòn, anh đã bị địch bắt.

Anh còn nhớ lần ấy, quần nhau với địch đã nửa ngày, phân đội của anh hy sinh gần hết, chỉ còn lại ba người bám trụ ở ba phía, gắng diệt được thêm thằng nào thì diệt, còn ngoài ra là ngồi chờ đến lượt mình đi theo đồng đội sang thế giới bên kia. Giữa lúc ấy, nhà bị sập. Anh ngất đi... , khi tỉnh dậy đã thấy mình nằm còng queo trong nhà giam Hồ Nai - Biên Hòa rồi.

Ba tuần sau đó, định chuyển anh ra nhà tù Phú Quốc. Và ngay khi xuống sân bay, anh đã được chúng đón tiếp bằng trận đòn phủ đầu choáng váng. Cú phủ đầu này thâm độc lắm - Anh lại kể - Ai nhát gan có thể quy ngay, hoặc tinh thần ý chí bị vỡ một mảng lớn.

Vậy là anh trở thành một tù nhân trong cái nhà tù Phú Quốc khủng khiếp. Cũng như bao người tù khác, Ba Toàn đã chứng kiến và trực tiếp là nạn nhân của một chế độ nhà tù tàn bạo. Mặc dù là tù binh, nhưng anh và đồng đội của mình không hề được chúng coi là tù binh theo như công ước quốc tế. Đánh đập, tra tấn, giết người tù bất kể lúc nào chúng muốn. ở khu biệt giam được hai tháng thì chúng chuyển anh sang khu V, phân khu 5B. Mà ở đâu cũng vậy, vẫn là ăn đói, nhịn khát, là tra khảo đòn roi... Không chỉ sự đau đớn về thể xác mà cả nỗi đau tinh thần mà kẻ thù không một giờ, một phút buông lời, tìm cách huỷ hoại.

Nhưng chính trong những ngày tháng bị giam cầm này, khát vọng tự do, mong muốn được trở về cùng đồng đội tiếp tục chiến đấu càng trở dậy mạnh mẽ trong con người anh.

Với những người như anh, cái chết không đáng sợ bằng sự tù túng và khi lòng tin bị mất. Vì thế mà anh luôn ấp ủ một kế hoạch vượt ngục để trở về với đồng đội. Anh tâm sự từ đáy lòng mình: “Khí tiết người tù cộng sản phụ thuộc vào sự chịu đựng và tính cách ngoan cường trước bạo lực mới chỉ là một phần, mặc dù là phần rất lớn, nhưng cái chuyện anh có dám vượt lên tất cả để thoát tù trở về tiếp tục chiến đấu không mới là toàn bộ giá trị và phẩm tiết...”. Suy nghĩ ấy trở thành động lực cho cuộc vượt ngục của anh và đồng đội sau này.

Nhưng, câu chuyện vượt ngục của anh và các bạn tù khác đâu có đơn giản. Bởi, không phải là việc chui hay vượt qua mấy lớp rào kẽm gai (anh là lính đặc công, chuyện đó không khó) mà quan trọng là ra với ai và khi ra ngoài liệu có tìm được cơ sở của ta hay lại lẻ loi, cô đơn mà chết dần chết mòn giữa rừng? Niềm tin có cơ sở cách mạng trên đảo rất quan trọng, nhưng căn cứ vào đâu để có niềm tin ấy? Bởi vì anh em tù binh bị đưa ra đảo, hoàn toàn xa lạ, chưa hề biết một chút gì về đảo nói gì tới biết có người của ta bên ngoài hay không.

Cho tới một hôm, một sự kiện có tính “lịch sử”, có tác dụng rất lớn đến tâm lý và dũng khí chiến đấu của tù binh nói chung và đặc biệt là tới quyết tâm vượt ngục của nhiều người. Đó là sự xuất hiện của một đầu đạn mìn còi. Lúc ấy ai cũng nghe thấy tiếng súng, tiếng M79 nổ chát chúa và hình như ngay phần ngoài hàng rào của nhà tù là tiếng súng quen thuộc - súng AK. Anh em đều bất ngờ, vì địch thì làm gì có AK? Chắc là của ta rồi! Lại có cả tiếng đạn văng trên mái tôn và một đầu đạn rơi xuống. Đúng là đầu đạn AK rồi, đầu đạn của đảng mình rồi! Thế là ai cũng tin ở ngoài đảo đã có các đồng chí, đồng đội của mình đang hoạt động... Quyết tâm vượt ngục càng cao hơn.

Nói đến Ba Toàn là nói tới một trong những kỳ tích về vượt ngục ở nhà tù Phú Quốc. Đó là vào một đêm hạ tuần tháng 6 năm 1968, tổ 6 người do anh phụ trách đã thực

hiện cuộc vượt ngục. Để che mắt địch và tránh bị chó đánh hơi phát hiện, Ba Toàn cho anh em nguy trang bằng nhọ nồi pha đất sét bôi lên người, tạo thành màu trắng nhờ nhờ (như màu đất ban đêm dưới ánh đèn) và xát tỏi vào người. Đêm đó anh là người đi đầu, cả tổ sắp vượt hết hệ thống rào thì bỗng đèn pha các cỡ bật sáng và súng nổ vang ngay phía sau, cả tiếng hò hét, tiếng xe máy, tiếng chó... Cả tổ lặng đi, cứ ngỡ mình đã bị lộ - Vậy là số phận chấm hết ở đây, cái chết chỉ còn trong gang tấc sẽ đến! Nhưng riêng Ba Toàn vẫn tỉnh táo. Anh nghĩ: Nếu lộ thì bọn địch đã bắn xối xả ngay vào đội hình mình rồi, đâu còn phải lờn vờn vòng ngoài nữa. Qua những gì diễn ra, anh xác định có thể đó là 5 người ở tổ của ông Xạ đi sau (Vì chuyến đi đó cũng đã được bàn bạc trước đó rồi) - Xương sống anh lạnh buốt vì ý nghĩ ấy. Điều đó có nghĩa là lại có thêm 5 đồng đội hy sinh. (kể đến đây, không kìm được xúc động, anh đã khóc).

Anh tiếp tục chỉ huy anh em vượt rào và khôn khéo tránh đụng địch. Ra khỏi khu vực giáp ranh nhà tù, cả tổ chạy thẳng lên một ngọn núi gần đó ẩn nấp. Mọi người đều đã kiệt sức, ai cũng ê ẩm toàn thân. Nhưng lúc ấy vì biết vẫn còn ở trong khu vực gần nhà tù nên mọi người lại động viên nhau đi tiếp.

Vừa đi vừa mò mẫm trong đêm đen, nếu không nhanh, khi trời nóng dễ bị lộ nên anh bảo mọi người ôm chặt lấy đầu, cuộn tròn người lại rồi cứ thế lặn dốc... Ai nấy đều thương tích, máu me lẫn với bùn đất đầy mình. Nếu nằm bất động một chỗ, họ chẳng khác nào một mô đất chứ không phải là một con người. Trời sáng, bất ngờ tổ của anh đụng bọn lính đi tuần, cả chó săn nữa, hiểm nguy đang đến, ai cũng lo. Giữa lúc ấy, Ba Toàn chợt phát hiện ra một đám cỏ voi cao quá đầu người mọc trên lớp sinh lầy đặc sệt. Với kinh nghiệm sẵn có, anh kêu anh em nhanh chóng bẻ mỗi người một lóng cỏ voi ngậm vào miệng rồi chui ngay vào bụi cỏ vùi sâu người xuống lớp bùn nước, chỉ để hở một đoạn ống cỏ để lấy không khí mà thở. Vừa xong động tác ẩn nấp “độc đáo” đó thì bọn lính dẫn chó tới nơi. Lính và chó lung sục khắp nơi, cả trên khô và dưới ao bùn nhưng may mà chúng không phát hiện được, lát sau khi địch đã đi khỏi, cả tổ đội sinh đứng dậy và cố đi được một đoạn thì phát hiện không thấy Dũng (quê Hà Nam) đâu cả. Cả tổ quay lại tìm mò một lúc, họ lồi lên một thân hình rũ rượi gần như đã chết, sức quá yếu nên đã ngất xỉu ngay trong sinh lầy. Hô hấp nhân tạo và đổ nước vào mặt một lúc lâu thì anh ấy tỉnh lại. Tất cả lại dìu nhau đi. Khó khăn lớn nhất lúc này là không biết đi đâu, hướng nào, liệu có gặp được người của ta không?

Thêm nữa, đói, mệt, muỗi rừng... Bao khó khăn hành hạ các anh cả thể xác lẫn tinh thần. Đã có lúc tưởng như tuyệt vọng. Nhưng rồi cả tổ vẫn đi tiếp theo “linh cảm” của Ba Toàn - Chuyển từ hướng Đông sang đi theo hướng Bắc.

Đêm thứ hai, thứ ba, rồi thứ tư..., cả tổ vẫn lầm lũi đi hay đúng hơn là lúc đi lúc bò, chậm chạp và chẳng biết mình đang đi về đâu giữa rừng núi rậm rạp. Đêm ấy cả tổ lạc vào một rừng chuối, họ bẻ đọt chuối ăn cho đỡ đói rồi thiếp đi qua đêm.

... Trời sáng, bừng mắt dậy mới biết đang gần một con suối. Bất chợt phát hiện dưới suối có một toán người đang rửa chân tay - không ra lính địch, cũng không ra người

của ta? Quan sát mãi, họ nhận thấy những người đó có nước da xanh tái, rửa mặt bằng tay... đoán chắc không phải bọn địch... Vậy là họ gặp được người bên mình và chỉ nói được mấy câu: “Các đồng chí ơi! Các đồng chí có phải là anh em mình đó không?” rồi lẫn ra ngất xỉu... Vài tiếng sau các anh được đưa tới gặp anh Sáu Cảnh - Huyện đội phó và anh Ba Lon - Huyện đội trưởng, không thể nói hết niềm vui của những người tù vượt ngục được gặp anh em mình - Bao nhiêu nỗi vất vả, đói mệt... tan biến hết, chỉ còn lại tình đồng chí và mong muốn được tham gia chiến đấu, trả thù cho đồng đội... Như vậy, tính từ đêm vượt ngục cho tới khi về được căn cứ của ta trên đảo, tổ của anh Ba Toàn phải băng rừng, lội suối suốt 6 ngày đêm. Thế cũng là nhanh rồi và điều quan trọng là cả tổ đều đến đích, không ai phải nằm lại nơi rừng rú hoặc bị sa vào tay giặc lần nữa...

Không thể phủ nhận một điều: Tổ 6 người vượt ngục thắng lợi, có công lớn của anh Ba Toàn. Những kỹ năng và kinh nghiệm dày dặn của một chiến sĩ đặc công đã giúp anh rất nhiều trong cuộc vượt ngục đầy gian nan, nguy hiểm đó. Trở về được căn cứ, Ba Toàn tình nguyện được ở lại trên đảo cùng chiến đấu với anh em. Anh nghĩ đâu cũng là đất nước mình, đã làm cách mạng, cầm súng chiến đấu thì ở đâu cũng vậy, đều là để chống lại Mỹ - Nguy cả.

Thời gian sau đó, theo đề nghị của những anh em vượt tù ra, Huyện uỷ Phú Quốc đã cho thành lập một phân đội đặc công, khoảng 20 người gọi tắt là Đội 22 (lấy ngày 22 tháng 12 là ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam để đặt tên). Lúc đầu có các anh Hai Hội, Tư Phước, rồi anh Tư Tâm, Nguyễn Quang, Ba Toàn và anh Ba Toàn được phân công biên soạn tài liệu huấn luyện. Về sau anh là người trực tiếp chỉ huy.

Ra quân trận đầu, đánh địch ở Cửa Cạn thắng lợi làm cho khí thế hào hứng hẳn lên. Nhưng sau đó, trận đánh địch ở Cây Thông, rồi Suối Đá lại không thành công, ta hy sinh nhiều do sự phối hợp không chặt chẽ, kỷ luật chiến đấu không nghiêm, giữa các anh trong chỉ huy còn có sự khác nhau trong cách tổ chức chiến đấu. Vậy là phong trào lại lắng xuống. Ba Toàn buồn lắm, ruột gan anh lúc nào cũng nóng ran. Tự ái người tù lúc này lại trời dấy dữ dội. Ngày đêm anh suy nghĩ và nung nấu tìm cách đánh mới sao cho vừa diệt gọn địch mà hạn chế tới mức thấp nhất tổn thất của ta. Vừa hay lúc đó, anh được chỉ định làm chỉ huy trưởng của đội đặc công. Anh Hai Hội - Người chỉ huy ban đầu, rất nể phục bản lĩnh và kinh nghiệm chiến đấu của Ba Toàn, đã nói chân tình: “Phải bổ sung quân và huấn luyện lại Ba Toàn ạ! Phải đánh một trận thật ngon để gỡ lại danh dự Người tù”. Ba Toàn coi đó như một lời động viên, sự khích lệ của cấp trên, của đồng đội dành cho mình. Anh tập trung thời gian và công sức trực tiếp huấn luyện anh em, rồi khi chiến đấu đánh địch, lại trực tiếp chỉ huy. Thời gian trôi đi, những nỗ lực và mong muốn của anh dần dần trở thành hiện thực trong đội quân nhỏ bé mà tinh nhuệ của đảo.

Sau một thời gian huấn luyện, với quyết tâm lớn, anh chọn đánh lại mục tiêu đồn Cây Thông - nơi mà trận đánh trước đã không thành công, cũng là vị trí kiên cố của địch, bọn chúng vẫn huênh hoang: “Nếu Việt cộng đánh được đồn Cây Thông này, xin được tế củ kiệu đầu heo nhậu chơi”.

Để chuẩn bị cho trận đánh, anh trực tiếp đi trinh sát căn cứ địch suốt 3 đêm liền; tự thân anh vượt qua 6 hàng rào của căn cứ địch để vào khảo sát tận nơi... Khi phương án chiến đấu được chuẩn bị kỹ càng, anh dẫn quân đi. Và thật tuyệt vời, trận đánh đó do anh trực tiếp chỉ huy, đã thắng lợi giòn giã: Không chỉ diệt toàn bộ đồn địch, thu toàn bộ vũ khí, bắt sống tù binh mà phía ta lại không bị thương vong gì. Sau trận này, đội đặc công của Ba Toàn còn đánh nhiều trận khác thắng lợi, mang lại khí thế mới trên đảo. Tiêu biểu như trận đánh thẳng vào dinh tên thiếu tá quận trưởng ác ôn, nơi xuất phát của những cuộc hành quân và tội ác. Trận đó, phân đội đặc công là lực lượng nòng cốt. Đó là vào đêm 25 tháng 10 năm 1971, trong lúc địch đang tập trung họp bàn kế hoạch gây tội ác và diệt lực lượng cách mạng trên đảo mùa khô 1971 - 1972 thì lực lượng đặc công do Ba Toàn chỉ huy đã bí mật luồn rừng, băng lộ tiếp cận mục tiêu. Sau khoảng 30 phút chiến đấu, ta đã tiêu diệt hơn 50 tên địch, trong đó có tên thiếu tá quận trưởng ác ôn và cả tên thiếu tá tiểu đoàn trưởng thuộc bộ chỉ huy sư đoàn 9 của địch. Nhiều cơ sở nhà cửa, khu thông tin của giặc bị phá huỷ, lực lượng của ta thu nhiều vũ khí...

Cứ như vậy, cuộc chiến đấu trên đảo nói chung và của đội đặc công nói riêng, trong đó có vai trò đáng kể của anh Ba Toàn, ngày càng phát triển, góp phần tích cực làm tan rã mưu đồ “Bình Định cấp tốc” của địch, đưa cuộc kháng chiến của quân dân trên đảo phát triển lên một bước mới. Trong cuộc chiến đấu ấy, anh Ba Toàn – người chiến sĩ đặc công, một cựu tù của nhà tù Phú Quốc, luôn xác định cho mình ý chí và quyết tâm cao nhất trước nhiệm vụ được giao. Bao nhiêu khó khăn, bao nhiêu thử thách và không phải không có những lúc bi quan, chán nản do những nguyên nhân từ nội bộ không hiểu nhau. Song, anh đã vượt qua tất cả để chiến đấu và cống hiến cho công cuộc đấu tranh giải phóng trên đảo.

Năm 1972 anh và những anh em tù vượt ngục khác được rút về đất liền nhận nhiệm vụ mới. Nhưng sau đó, đảo lại cần anh, anh em ở Phú Quốc lại xin anh và Ba Toàn lại trở lại đảo tiếp tục xây dựng lực lượng và chiến đấu cùng quân dân Phú Quốc cho tới ngày miền Nam và Phú Quốc hoàn toàn giải phóng.

Quả thật, cuộc đời sao lắm chuyện éo le, có bao điều kỳ lạ mà lúc bình thường sao khó hình dung, khó hiện thực? Với anh Ba Toàn, hơn chục năm trời vào Nam chiến đấu trong hàng ngũ quân đội nhân dân Việt Nam, đâu ngờ rằng lại bị địch bắt, bị đưa ra nhà tù Phú Quốc, rồi vượt ngục và trở thành một người chiến sĩ của đảo... Chính cái “vòng vo” ngoài ý muốn ấy của cuộc đời đã đưa đến cho anh bao sự khổ đau, buồn tủi; khổ vì tù đầy, khổ vì trải qua cực nhọc, đói khát, khổ vì nỗi nhớ quê hương, nhớ gia đình, vợ con mãi ngoài miền Bắc; Lại cả những nỗi buồn vì, như anh từng trần trụi: “Người tù không dễ nói gì được...”. Nhưng điều quan trọng là anh đã vượt lên tất cả để vẫn giữ tròn phẩm chất của một người đảng viên (Anh được kết nạp vào Đảng năm 1968), của một người chiến sĩ cách mạng. Và, chính hơn chục năm đầy cam go ấy đã tôi luyện anh, rèn rũa anh thêm dày dạn, kiên cường, thêm bản lĩnh và càng tin vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc. Anh Ba Toàn là người đầu tiên, cũng là người

cuối cùng ở phân đội đặc công Phú Quốc cho đến ngày 30 tháng 4 năm 1975 khi miền Nam được giải phóng hoàn toàn.

Những năm sau giải phóng, anh được điều về công tác ở tỉnh đội Kiên Giang, tham gia chiến đấu chống bọn lán chiếm biên giới. ở đâu, làm gì, anh đều hoàn thành nhiệm vụ.

... Anh Nguyễn Văn Mỹ đã nghỉ hưu được hơn hai chục năm nay. Cũng từ đó, anh lao vào một cuộc chiến đấu mới trên mặt trận xây dựng kinh tế - Cho gia đình và góp phần cho xã hội, ngay trên mảnh đất Phú Quốc mà anh coi là quê hương thứ hai của mình.

Con cái trưởng thành, gia đình êm ấm, hạnh phúc, kinh tế gia đình anh ngày càng phát triển giàu có, làng xóm yên vui... Đó là thành quả xứng đáng mà anh gặt hái được hôm nay... Cũng thật mừng, trong bao chuyện vui - buồn, cái đọng lại trong sâu thẳm lòng anh hôm nay, chỉ còn là những điều tốt đẹp; những điều mà anh và bao đồng chí, đồng đội đã bất chấp hy sinh, sẵn sàng đổ xương máu để giành được.

ĐẶNG ĐÌNH CHẤN

MỘT TRÁI TIM CÓ “LỬA”

Cái tên Tư Lửa, nghe thật “nóng”, cứ ngỡ ông là một con người “hét ra lửa” hay chỉ ít thì cũng đứng đầu về cái tính... nóng nảy! Vậy mà khi gặp ông, cảm nghĩ ấy bỗng nhạt dần. Cái cười cởi mở, vẻ mặt linh hoạt, cách nói dứt khoát và có phần dễ tính của ông thật khác so với chất “lửa” mà ông có được trong những năm tháng chiến đấu gian khổ và khốc liệt hơn ba chục năm về trước.



Năm 1960, khi mới 17 tuổi, Lê Văn Lửa đã tham gia các hoạt động kháng chiến ở quê hương (xã Đại Phước, huyện Long Trạch, tỉnh Đồng Nai). Ông làm liên lạc, rồi trở thành du kích; Tới năm 1963 thì thoát ly hẳn để cùng đồng chí, đồng bào chiến đấu chống lại Mỹ - Ngụy. Ông trở thành một cán bộ hoạt động ở cơ sở, gắn liền với vùng đất và con người nơi chôn rau cắt rốn của mình. Chính vì vậy, sự gian khổ, tính khốc liệt ngày càng nhiều hơn do địch không ngừng càn quét, không ngừng thi hành nhiều thủ đoạn thâm độc, tàn bạo nhằm tiêu diệt những cán bộ cách mạng và ly tán nhân dân với họ. Song, cũng như nhiều cán bộ, đảng viên khác, ông Tư Lửa không chùn bước trước thử thách cam go. Năm 1967, ông được kết nạp Đảng. Vinh dự ấy càng thôi thúc ông phấn đấu nhiều hơn vì lý tưởng cao đẹp của Đảng và của dân tộc.

Từ sau cuộc tổng tấn công Mậu Thân (1968) của ta, địch tăng cường đánh phá phong trào cách mạng ở khắp nơi. Đã có những cơ sở bị vỡ, có những cán bộ, đảng viên bị địch bắt, bị giết hại... Trong bối cảnh chung ấy, tháng 7/1969, trong một đợt ruồng

bắt gắt gao của địch, ông Lê Văn Lửa đã bị bắt. Chúng đưa ông về nhà giam ở Biên Hòa, rồi tra khảo, đánh đập, nhốt trong hầm tối suốt 20 ngày. Không khai thác được gì ở ông, địch chuyển ông tới nhà giam Tân Hiệp; sau đó lại tới trại giam Hồ Nai và tới tháng 2 năm 1970 địch đưa ông ra nhà tù Phú Quốc...

Có lẽ biết ông là một cán bộ “nằm vùng” nên ngay khi ông tới nhà tù Phú Quốc, địch đã đánh đập ông rất dữ. Sự tàn bạo của chúng ngày càng trắng trợn hơn. Ông kể: “... Đấu tranh, nó đánh; Không đấu tranh nó cũng đánh. Đang đêm đi nhậu về buồn tay ghé vào nhà giam nó cũng đánh “chơi” vài cú cho hả. Sáng ra thua bạc cháy túi, ức quá không biết làm sao, lại đổ vào đầu tù và thế là đánh...”. Nhưng những kiểu đánh tự phát ấy dù sao cũng không độc địa, đau đớn bằng sự tra tấn, đánh đập, dày ải có “bài bản” của bọn ác ôn trong nhà tù. Người ta có cảm giác bọn địch dồn tất cả những thằng ác ôn nhất miền Nam vô đây? Thế nên, người tù ở nhà tù Phú Quốc phải chịu bao cực hình; sống vậy mà chết lúc nào không biết... Bị địch đánh đập nhiều nên tới giờ mỗi khi trở trời là cái đầu ông lại đau nhức chịu không nổi, “lắm lúc phải ụi đầu vô tường đui đui cho đỡ đau”, ông kể vậy. Con mắt ông giờ cũng chịu chung hậu quả, nhìn đâu có rõ. Có lần, chính thằng chúa ngục (đại tá Đắc) đã nện đế giày vào mặt ông và hét lên “Đánh cho mi chết thì thôi, có sống trở về thì cộng sản cũng hết xài” - Thật là độc địa...

Có lẽ với ông Tư Lửa, bị nhốt vào “chuồng cọp” là “kỷ niệm” không dễ gì quên được. Chuồng cọp được làm bằng dây thép gai, chẳng khác gì cái rọ heo. Bị đẩy vào đó thì ngồi không được, nằm không xong, xung quanh toàn đỉnh kềm gai đâm chọc vào người, máu tóe ra, đau nhức, buốt xót. Chúng nhốt ông cả ngày đêm ở đó, lại còn đánh, đổ nước muối... Cái chết luôn rình rập. Nhưng rồi ông cũng vượt qua, không cho kẻ thù có chút cơ hội nào để nhìn thấy sự yếu mềm của mình.

Với Tư Lửa, sự tàn bạo của kẻ thù, những thử thách khốc liệt ở trong tù không làm cho ông nhụt chí. Ý chí của người đảng viên cộng sản đã thấm vào máu, vào thịt của ông, không thủ đoạn thâm độc nào của địch có thể làm đổi thay. Nhưng cũng chính sự dã man của địch càng thôi thúc ông quyết tâm vượt ngục trở về cùng đồng đội tiếp tục chiến đấu trả thù cho đồng chí, đồng bào.

Và nung nấu ấy cũng đã đến khi ông cùng với bốn chục bạn tù khác tổ chức vượt ngục trong một lần địch đưa đi lao động ngoài rừng. Do đã bàn bạc và bí mật chuẩn bị từ lâu nên họ đã cướp súng, đánh bọn lính đi canh phòng thoát ra ngoài. Cuộc thoát tù đầy nguy hiểm ấy đã thành công và ông may mắn nằm trong số đó.

Suốt ba ngày đêm vượt suối, băng rừng, ai cũng chịu đói, rét, muỗi vắt bám theo... Nhưng thật may mắn, ý chí và lòng dũng cảm đã giúp ông và bạn tù tìm gặp được cơ sở của ta trên đảo. Không thể nói hết được niềm vui sướng của những người tù vượt ngục như ông khi đã gặp được “người bên mình” giữa vùng đất đảo xa lạ này!

Vậy là ước nguyện được tiếp tục cầm súng đánh địch bước đầu đã trở thành hiện thực. Từ mong muốn đó, ông được đưa về một đội du kích của đảo (phân đội 2), rồi

sau được giao làm phó công an xã Cửa Dương... Ở đây, làm gì, ông Tư Lửa cũng hoàn thành nhiệm vụ và để lại những dấu ấn tốt đẹp đối với anh em, góp phần tích cực vào thắng lợi chung của cuộc chiến đấu trên đảo.

Không phải không có những thử thách quyết liệt, cũng không phải không có lúc mà trở ngại, khó khăn khiến ông phải trăn trở, băn khoăn và cả lo lắng. Song, ông luôn xác định mục đích cao nhất, nhiệm vụ lớn nhất là được chiến đấu, được hoạt động chống lại kẻ thù giành độc lập, hòa bình cho dân tộc. Vì vậy, ông đã vượt qua tất cả để thực hiện trọng trách được giao. Ông coi Phú Quốc là quê hương thứ hai của mình; Là nơi ông đã gắn bó một phần đời gian nan nhất, đau khổ nhất, nhưng cũng vinh quang nhất - Phần đời ấy là năm tháng bị giam tù trong nhà tù Phú Quốc và cùng quân và dân Phú Quốc trực tiếp chiến đấu... Cũng chính vì vậy mà ông Tư Lửa đã quyết định ở lại đảo, mãi mãi là một công dân của đảo. Sau ngày giải phóng, ông tiếp tục được phục vụ trong lực lượng công an Phú Quốc tới lúc về nghỉ hưu (1990). Ông đã được nhận nhiều phần thưởng cao quý do Đảng và Nhà nước trao tặng.

Trải qua bao gian nan thử thách, kể cả những thử thách trong nhà tù Phú Quốc tàn bạo, ông Lê Văn Lửa vẫn luôn giữ vững khí tiết. Trái tim đỏ “lửa” của ông luôn hòa nhịp đập cùng quê hương đất nước, lúc chiến tranh cũng như trong hòa bình.

HOÀNG VIỆT HÙNG

PHÚ QUỐC

MỘT THỜI ĐỂ NHỚ

Một vùng đất đảo tiền tiêu của Tổ quốc với hào khí của bao thập kỷ đấu tranh giữ nước, giữ đảo. Ở đó còn có một dấu ấn mãi mãi không phai mờ trong lịch sử đấu tranh cách mạng của dân tộc ta - Đó là nhà tù Phú Quốc với cuộc chiến đấu “thầm lặng” mà vô cùng cam go, khốc liệt của hàng vạn chiến sĩ cách mạng... Máu đào thấm đẫm đất đảo, chí khí anh hùng không bao giờ có thể bị lãng quên... Và vì thế, Phú Quốc luôn có “Một thời để nhớ”...



“NẾU AI CHƯA HIỂU CUỘC CHIẾN TRANH VIỆT NAM, HÃY ĐẾN PHÚ QUỐC”

Thời Pháp thuộc, Phú Quốc từng có đồn điền trồng dừa và cao su. Năm 1953, thực dân Pháp cho xây dựng trại tù mang tên “Căng cây dừa”, thuộc địa bàn xã An Thới. Theo tài liệu cũ còn lưu giữ thì từ tháng 3-1953 đến tháng 8-1954, thực dân Pháp giam giữ khoảng 14.000 tù binh. “Trại chính huấn Cây Dừa” cũng được xây thời kỳ này để giam giữ tù chính trị. Khi bọn giặc không thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, đàn áp phong trào cách mạng ở miền Nam, trong 2 năm 1956-1957, chúng đã giam giữ gần 1.000 tù chính trị nơi đây.

Đầu năm 1967, Mỹ và chính quyền tay sai, ngụy quyền Sài Gòn đã cho xây dựng “Trại giam tù binh cộng sản Việt Nam, Phú Quốc”, trên một diện tích rộng 400ha, thường gọi là “Trại giam tù binh Phú Quốc”. Trại giam gồm 12 khu giam, mỗi khu có 4 phân khu A, B, C, D, hơn 500 nhà giam. Vì vậy, Phú Quốc được xem là một trại giam tù binh trung tâm toàn miền Nam của địch. ở đây giặc giam tù binh của 4 vùng chiến thuật: Đà Nẵng, Plâycu, Biên Hoà, Cần Thơ. Từ năm 1967 đến năm 1972 có khoảng 40.000 tù binh, tù chính trị của 34 tỉnh, thành phố bị địch bắt giam giữ tại nhà tù Phú Quốc. Trong lần trở lại thăm đảo Phú Quốc, ông Võ Văn Hiền, nguyên Ủy viên Ủy ban kiểm tra Trung ương Đảng, hiện là Trưởng Ban liên lạc cựu tù binh Phú Quốc tại thành phố Hồ Chí Minh, đã kể: “Chỉ trong vòng vài ngày của nửa đầu tháng 3-1969, tên Nguyễn Văn Vỹ, Tổng trưởng quốc phòng ngụy quyền Sài Gòn đã ra 2 huấn thị về “Kế hoạch chuyển hướng tư tưởng và phân loại tù binh cộng sản Việt Nam...”. Thực chất hai kế hoạch này là thủ đoạn dụ dỗ, cưỡng ép chiêu hồi”.

Không dụ dỗ được, chúng chuyển sang tra tấn, đàn áp. Ông Võ Văn Hiền kể tiếp: “Có nhiều cách giặc nhục hình anh em tù binh, như: treo, đổ nước xà bông, chạy điện, đóng đinh vào bàn chân, bàn tay, vào đầu, đốt dây kẽm cho cháy đỏ rồi xuyên vào bắp

thịt, đục răng, lấy mắt cá chân... Dã man nhất là đánh cho anh em mình tả tơi rồi bỏ vào bao bố đổ nước sôi lên, hoặc bỏ bao cột lại thả vào chảo nước sôi, hay trùm bao bố rồi đổ lửa than lên. Những trường hợp bỏ vào bao bố, đổ nước sôi đều chết, còn đổ lửa than, thì mình mấy anh em cháy phỏng loang lổ. Có những trường hợp, chúng thiêu sống và chôn sống hàng chục anh em ở đồi 100, trước mặt mấy chục tù binh của các phân khu, để uy hiếp tinh thần anh em. Đau đớn lắm!”.

Người dân đảo và ngay cả một số sắc lính khác của quân nguy, khi nói về đám quân cảnh giám thị các phân khu trại giam nhà tù Phú Quốc, cho rằng: “Đó là bọn say máu, lấy chuyện đánh người làm thú vui” và chính trong nội bộ chúng, cũng nhìn bọn này là lũ mặt người lòng lang sói. Thượng sĩ quân cảnh trại giam Phú Quốc Trần Văn Nhu, luôn ám ảnh với những trò tra tấn tù binh vô cùng man rợ mà ông ta nghĩ ra: đục răng, đánh vào mắt cá chân tù binh bằng thanh gỗ lim, để ngày gặp lại những người tù năm xưa ông ta chỉ biết cúi mặt như loài dơi sợ ánh sáng.

Trong giai đoạn chống Mỹ, nhà tù Phú Quốc tồn tại một thời gian không dài (gần 6 năm), từ tháng 6-1967 đến tháng 3-1973, vậy mà bọn giặc ở đây đã giết đến 4.860 đồng chí của chúng ta. Thế nhưng, khi quy tập tại đồi 100 được 800 hài cốt và vài nơi khác được 45 hài cốt nữa (đến nay chỉ quy tập được 845 hài cốt), thì các Ban liên lạc cựu tù binh Phú Quốc trong cả nước đều cho rằng con số tù binh, tù chính trị hy sinh ở Phú Quốc có thể còn nhiều hơn những con số chúng ta có hiện nay và chưa có con số nào chính xác. Chính điều này luôn làm day dứt những người đang sống. Đại tá Tô Diệu, Trưởng ban liên lạc cựu tù binh Phú Quốc, khẳng định: “Trại tù binh Phú Quốc tập trung tội ác điển hình của kẻ thù. Một chiến trường đặc biệt của cuộc chiến đấu. Chính trong hoàn cảnh đặc biệt đó, đã làm rạng rỡ phẩm chất cao đẹp và anh hùng của người chiến sĩ cộng sản. Chúng ta chưa tìm được hài cốt hơn 3.000 đồng chí của chúng ta. Đó là món nợ lòng lớn lao lắm”.

Ông Lê Út Long nói: “Nhà tù Phú Quốc lớn nhất Đông Dương và Đông Nam Á. 40.000 tù binh giam trong một nhà tù, con số không nhỏ. Nhà tù nằm chơi vơi giữa biển, có lực lượng canh phòng nghiêm ngặt mà còn dựng thêm chuồng cọp, kẽm gai. Nếu tính kỹ từ ngoài vào trong trại, từ rào giới hạn trong đến rào giới hạn ngoài, có cả thảy 12 lớp kẽm gai, chưa kể bùng nhùng. Có 40 chuồng cọp kẽm gai nhỏ ngoài trời, không có mái, chỉ có cọc sắt, tù binh ăn và tiểu tiện tại chỗ. Chuồng cọp rộng 1,2m, dài 1,6m, cao 0,8m. Với diện tích này, chỉ nhốt 5-10 người còn chật chội, vậy mà có lúc chúng nhốt 10-20 tù binh, thì không phải địa ngục trần gian là gì?”.

Ông Long đã dẫn chứng một đoạn miêu tả về chuồng cọp kẽm gai của ký giả Robin Moore: “Không có nơi nào dã man hơn kiểu biệt giam chuồng cọp kiểu này. Ở đây, nhân viên cai tù trở hết tài độc ác nhất đối với tù binh, ngoài sức tưởng tượng của sĩ quan Mỹ được huấn luyện từ trường Fort-Barass nước Mỹ”. “Tù bị nhốt vào chuồng cọp chỉ mặc trên người chiếc quần đùi. Trời lạnh thì đổ nước cho lạnh thêm. Trời nắng thì tăng nóng thêm bằng cách đổ tro than. Thời gian tù bị nhốt trong chuồng cọp kéo dài hàng tháng.

Có người cảm nắng chết, người chết vì lạnh. Thấy có người chết, bọn giám thị lời xác đem chôn trên đồi 100”.

Bọn giặc tưởng rằng sự khắc nghiệt của nhà tù có thể lung lay tinh thần, ý chí đấu tranh của “tù binh Việt cộng”, triệt tiêu ý chí cách mạng của những con người yêu nước. Nhưng những chiến sĩ cách mạng đã biến nhà tù đế quốc thành trường học cộng sản, 42 cuộc vượt ngục của 400 anh em, 239 người về được căn cứ và tiếp tục chiến đấu tại đảo, hoặc tìm cách về đất liền để báo cáo với Đảng, với đồng bào tội ác của kẻ thù, tinh thần bất khuất của anh em tù binh, tù chính trị, cho thấy tinh thần yêu nước, ý chí kiên cường, lòng thủy chung với cách mạng, giúp người chiến sĩ cách mạng vượt qua tất cả, chấp nhận hy sinh vì Tổ quốc. “Anh em tổ chức vượt ngục, phân công ra ngoài, người ở lại tiếp tục đấu tranh. Những trận tuyệt thực đòi địch giải quyết yêu sách, diễn hình ở phân khu B5. Anh em tuyệt thực 3 ngày, ngồi giữa trời đòi Bộ chỉ huy trại xuống giải quyết yêu sách. Giặc không cử người xuống giải quyết, đến ngày thứ 4, anh Sơn, quê Thanh Hoá, kéo ra một cái bàn, để trước mặt hàng ngàn anh em tù, rồi tự tay anh mổ bụng mình, kéo ruột ra ngoài, để anh em tù la hét lên, bắt bọn chỉ huy trại giam xuống giải quyết yêu sách. Sau đó, nhiều phân khu đều có đấu tranh tuyệt thực. Khi có một phân khu đấu tranh, các phân khu khác đều đấu tranh hưởng ứng, bắt chấp địch đàn áp. Phân khu sĩ quan A4, anh Đồng cũng tự mổ bụng, anh Rồi, anh Trác, anh Phúc, mổ bụng bằng cán cà mèn. Trước khi quyết định mổ bụng tự sát, anh Rồi được Chi bộ nhà tù tổ chức kết nạp Đảng. Khí thế đấu tranh sục sôi trong nhà tù càng mạnh mẽ. Tắm gương chiến đấu, sẵn sàng hy sinh của các anh ấy, cổ vũ tinh thần anh em trong nhà tù ghê lắm”.

Ông Trần Tiến Đan xúc động nói: “Những anh em may mắn thoát được địa ngục trần gian Phú Quốc, sống sót trở về với gia đình và còn những anh em quyết tâm đào hầm để cho đồng đội và bản thân mình vượt ngục, nhưng hy sinh, đều xứng đáng là anh hùng như các anh Tín, Công, Luân, Trần Tín, 6 tháng trời tham gia đào hầm, vượt được ra ngoài, giả đóng quân cảnh chiến đấu, để giải thoát cho nhiều anh em nữa, đã hy sinh. Rồi anh Hồng Sơn, thiếu úy đặc công binh chủng hải quân, đào xong hầm bị lộ, địch bắt được, đóng vào đầu 9 cây đinh 5 phân, hy sinh...”. Mãi sau này, người đồng đội của Sơn đi bóc mộ cho anh, mới tìm thấy những chiếc đinh ấy trong hộp sọ Sơn... Những câu chuyện như thế này ở nhà tù Phú Quốc, không ai có thể quên được, nếu quên là có tội với các anh, với lịch sử!” - Người cựu tù binh Phú Quốc nhắc lại chuyện cũ, mà giọng ông cứ nghẹn đặc.

Điều quan trọng nhất là những người đang hưởng hạnh phúc hôm nay đã làm một việc không quên quá khứ, không quên hơn 40.000 người con khắp mọi miền đất nước, đã sống và chiến đấu trong một hoàn cảnh vô cùng khắc nghiệt – nhà tù. Cuộc chiến đấu mà trong tay họ không có một tác sát, chỉ có ngọn lửa của tuổi trẻ được thắp sáng lên từ trái tim, từ tấm lòng tận trung với nước. Những trái tim rực lửa một thời ấy, dẫu vùi sâu trong đất, vẫn như ngọc sáng ngời!

NGUYỄN THANH XUÂN

NỖI ĐAU VÀ NIỀM KIÊU HÃNH(*)

*(Trích trong cuốn sách “Nhà lao Cây Dừa”
của nhà văn Chu Lai)*

Phú Quốc là đất giàu! Phú Quốc cũng là đất dữ. Bao đời nay hòn đảo hình lưỡi mác vung giữa biển khơi này đã chặt nát bao ý đồ xâm lăng tàn bạo của các loại kẻ thù.

Phú Quốc gần mà xa, xa mà gần. Phú Quốc cô đơn nhưng không bao giờ cô độc. Phú Quốc, vị trí chiến lược quân sự lợi hại, Phú Quốc lại cũng là địa thế chiến lược kinh tế tràn đầy hy vọng cho công cuộc kiến tạo giang sơn mai này.

Phú Quốc mang trong lòng nó tất cả dáng hình của Tổ quốc. Nhưng dáng hình nào cũng vẫn đậm đà của bản sắc Phú Quốc làm sao! Phú Quốc mang trong lòng nó cư dân của khắp mọi nơi dồn về. Nhưng cư dân nào cũng thấm nhuần phong độ người Phú Quốc biết bao! Người Phú Quốc kiên cường trước kẻ thù, thuần phác với bạn bè, chân tình với khách bốn phương và khoáng đạt trong phong cách sống, cách làm.

Phú Quốc mang trong lòng nó một nhà tù. Một nhà tù khổng lồ cũng mang tên Phú Quốc.

Đã có nơi nào số phận nhà tù lại gắn bó khăng khít với số phận của người dân đảo như nơi đây? Đã có nơi nào sự nghiệp đấu tranh của nhà tù thờ cùng nhịp thở với cuộc kháng chiến trên đảo như nơi này?

Hai mươi năm tồn tại nhà tù. Hai mươi năm tồn tại tội ác. Hai mươi năm thấm

(*) Đầu đề là của Ban Biên Tập

máu thương đau. Hai mươi năm quấy cựa không ngừng khát vọng sổ lồng tung cánh. Hai trăm ba mươi chín người tù vượt ngục trong bốn mươi hai lượt người ra; 16 vụ vượt rào, 14 lần đi riêng lẻ, 7 cuộc đánh quân canh, 4 lần đào hầm... Những thông số khiêm nhường nhưng không hề ít ỏi đó nói lên điều gì? Sẽ không nói lên điều gì cả nếu như cuộc kháng chiến bên ngoài không tồn tại. Và sẽ nói lên tất cả một khi cái quật cường bên ngoài đã vấy gọi, nâng đỡ cái quật cường bên trong. Tự nghĩ, nếu cái buổi hôm đó mà không có một đầu đạn mang nhãn hiệu CKC, nhãn hiệu của ta lọt vào trại giam thì những con số trên kia liệu có được hình thành không? Những con số hình thành bằng máu. Máu bên trong và máu bên ngoài. Truyền thống bên ngoài và khí phách bên trong thâm lặng hà hơi tiếp sức nhau.

Và nếu bên ngoài là nơi hội tụ của dân cư mọi miền thì bên trong cũng là điểm tập trung tù binh của đất đai cả nước. Nếu bên ngoài mang trọn dáng hình sông núi quốc gia thì bên trong 40 ngàn tù binh cũng cùng tâm lý mỗi người một vẻ. Tại sao lại có cái trong và cái ngoài trùng hợp nhau đến thế? Phải chăng cuộc đời gom tụ mọi sắc màu Việt Nam về đây để thử thách một phen. Phú Quốc, gương mặt của Việt Nam! Gương mặt sáng hay mờ? Trách nhiệm lịch sử ấy thiêng liêng và cũng nặng nề biết bao!.

Hơn 400 người ra, nhưng chỉ 239 người đến đích. Thế mới biết, nằm trong lòng nhau, thở hơi thở của nhau, cách nhau không đầy gang tấc mà đến được với nhau gian khó làm sao!

Tổ anh Hai Hội, anh Tư Phước đi mất 11 ngày. Tổ Ba Toàn 6 ngày, tổ của Hồng lại những 16 ngày, còn hàng trăm người khác nữa, biết bao nhiêu ngày? Nhưng cái đó có hề chi trước sau vẫn chỉ là số lượng, điều cốt yếu là đã đến được. Người ra trước kẻ ra sau, người gặp lại bạn, người không gặp lại bạn, tất cả đều mừng mừng tủi tủi trong cuộc đời mới mẻ.

Hơn 400 người ra còn lại 239 người? Gần 200 người làm gì trong cái hòn đảo ít người cũng gay mà nhiều người quá cũng chết này? Huyện ủy và huyện đội để cho các anh được quyền lựa chọn theo sở trường, ngành nghề của mình. Họ tản xuống các xã cùng du kích tham gia bám trụ địa bàn, họ gia nhập lực lượng võ trang huyện, họ vào trạm xá, trong các ban ngành của huyện ủy. Trong số họ có một ít quá mệt mỏi xin ra làm rẫy, lấy vợ như một người dân, số khác xin được trở về đất liền móc ráp lực lượng, tìm đơn vị hay trở lại quê hương.

239 người có 15 sĩ quan từ thiếu úy đến trung úy, có 26 hạ sĩ quan từ hạ sĩ đến thượng sĩ, có 3 huyện ủy viên, 3 bác sĩ, 29 y sĩ, 5 y tá, còn lại là chiến sĩ của gồm đủ các quân binh chủng: hải quân, bộ binh, pháo binh, đặc công, cơ yếu thông tin...

Trong số sĩ quan có anh hùng quân đội Trương Văn Hòa. Chỉ khi khai lý lịch tại ban đón tiếp tù ở huyện đội, người ta mới biết được điều đó. Anh hùng là vốn quý của quân đội, của nhân dân, huyện báo cáo lên tỉnh, tỉnh báo cáo lên khu, khu báo cáo lên “Rờ” và “Rờ” báo cáo lên Trung ương. Trung ương điện trở lại. Ba tháng sau, Trương

Văn Hòa dù muốn ở lại đánh giặc nhưng đành phải chia tay mọi người vượt biển về đất liền. Ba tháng sau nữa, người lính Phú Quốc một đêm mở đài đã thấy tiếng anh đang tổ cáo hành động chà đạp thô bạo lên công ước quốc tế về đối xử với tù binh chiến tranh của nhà lao Cây Dừa trên làn sóng phát thanh Hà Nội.

239 người ra tù! 106 người tản về các cơ quan ban ngành, các bộ phận huyện xa; 50 người còn khỏe mạnh và nhiệt huyết về lực lượng chiến đấu, 34 người về đất liền, 7 người đau bệnh chết, 5 người mất tích không rõ lý do, 1 người tự sát, 1 người chết vì trốn về đất liền, 2 người đầu hàng địch trở lại... Những con số này cũng sẽ không nói lên điều gì nếu khi ra, người tù không gắn mình vào hoàn cảnh ngặt nghèo của cuộc kháng chiến trên đảo và sẽ nói lên tất cả nếu hàng trăm con người đó biết coi mảnh đất đảo này chính là mảnh đất chiến đấu của mình. 239 người thoát tù, còn lại gần 200 người trụ lại. Hầu hết những người trụ lại đều mang chung một tâm lý phục thù. Ngày đêm họ nung nấu ý nghĩ phải tấn công nhà lao bằng mọi cách, dù chỉ để phá vỡ đi một mảng, giải phóng được một số người. Sau những năm tháng đau khổ tột cùng, tâm lý muốn trả hận kẻ đã gây ra cho mình những khổ đau ấy là thường tình. Thường tình nhưng thực chất là cảm tính và manh động. Sự manh động này dẫn đến tự sát và khủng hoảng phong trào không mấy xa. Những cán bộ lãnh đạo chủ chốt trong thời gian này của huyện như anh Hai Hiến, Năm Nhất, Năm Sĩ, Ba Lon, Tư Tâm, Hai Phi và những người tù từng trải đã kịp thời ngăn chặn.

Đó là những hứng cảm chiến đấu chính đáng. Song cũng có những cảm hứng đời thường không mấy vui; ai không thêm khát cuộc sống thanh đạm yên hàn, nhất là sự thèm khát đó được nảy sinh sau những năm tháng tù đầy kinh hoàng. Nhưng cả nước đang có chiến tranh, hòn đảo đang có chiến tranh, làm gì có một thiên đường yên ả cho người tù trú ngụ. Phải chăng vì lẽ đó mà sau khi xin ra làm rẫy lấy vợ, đẻ con, người tù mang dòng máu lính, một số không ít đã quay trở lại rừng lãnh một cây súng làm tiếp phận sự “traí thời loạn” cùng với đồng đội. Số khác còn ngân ngừ, lập tức có kẻ xấu đến rí vào tai những điều bậy bạ nọ kia nhằm phân tán lôi kéo họ dạt sang hướng đối diện với trận tuyến của nhân dân.

Nhưng giữa một mối cầu an và hành vi phản bội là chuyện khác nhau. Những người tù đó không thể phản bội lại quá khứ, phản bội lại đồng đội được. Nếu phản bội thì họ phản bội từ trong tù ngục rồi. Tuy nhiên, cũng có một người lính không tỉnh táo mà sa ngã. Khi nhận ra thì việc đã muộn. Lại phải chọn một mệnh đề thứ hai: Giữa phản trắc và cái chết. Người này tự sát (xin cho miễn được nói tên).

Tù ngục là lò luyện phẩm tiết. Nhưng tù ngục cũng có tác dụng phá vỡ nhân cách nếu một lúc nào đó anh đánh mất vị trí quân nhân cách mạng của mình. 239 người ra. 237 người nằm trong đội ngũ. Nhưng vẫn có 2 người không chịu đựng được sự kham khổ và ác liệt bên ngoài, sau một đêm không ngủ với giấc ngủ của đồng đội, sáng sớm mai đã trở thành những tên đầu thú vào chi khu. Thật là một cuộc hành trình tâm tột: từ đội ngũ vào tù, tù trở về với đội ngũ, và từ đội ngũ lại trở về với kẻ thù. Cuộc trở

về lần ba đó còn khốn khổ hơn trở lại nhà tù. Một nhà tù phẩm cách, đạo lý và lương tâm. Sau này ta đã tìm diệt được một trong hai tên tằm tôi đó và tôi cũng xin miễn phải nói tên.

Tại sao thế nhỉ? Con người là một mớ tổng thể những rắc rối lằng nhằng mà chính họ cũng không lý giải được. ở tù gần kề cái chết thì khát thèm được thở hít khí trời tự do khoáng đạt dù chỉ một giờ rồi có vĩnh viễn xa lìa cõi sống cũng được. Vậy mà ra với tự do rồi lại loay hoay trăm thứ nợ kia. Băn khoăn về đãi ngộ ư? Về cấp chức ư? Về đường lối cách mạng, về tồn thất Mậu Thân ư? Cả một chút công thần về cái sự đã trải qua tù ngục nữa. Kỳ lạ! Hòn đảo cách đất liền 115 cây số nhỏ vô cùng. Và cũng gian lao vô cùng. Cả đảo chỉ có một đại đội không ngày nào không có người ngã xuống mà lại còn nhìn ngó trước sau ư? Khi ở tù làm gì có cái gọi là tồn tại cá nhân. Khi ra được, cái cá nhân lại nở phồng lên nhiều thế? Vậy là anh đã chậm lại so với tình hình. Thời gian tù đây là thời gian đông lạnh, trong khi cuộc sống ở ngoài vẫn cuộn chảy ào ào. Nếu không khéo, khi ra được, anh lại vô tình trở thành hòn đá tảng trong dòng chảy ấy. Nhưng rất may là cái đó không nhiều, thậm chí là rất ít. Một cán bộ đại đội bất mãn nằm ỉ, một thiếu úy chán ngán cảnh đánh đấm cò con, tự cho mình đứng ngoài kích thước của một tiểu đội, đã trộm ghe tính vượt biển trốn về đất liền, trốn về với đoàn quân chủ lực thôi, nhưng không được. Cái chết do đạn lạc của anh đã làm cả đảo giật mình. Cấp ủy giật mình. Một bản tổng kết kinh nghiệm chỉ đạo tư tưởng với sự có mặt của anh Ba Ca, cán bộ tỉnh ủy ở đất liền ra đã tự đánh giá thâm thía: “Cấp ủy đảo đã không thật nhạy bén với tình hình anh em tù ra nhiều. Đã không đánh giá và phát huy hết năng lực của anh em. Trong cấp ủy vẫn có những đồng chí nóng vội, chấp chới chưa đi sâu tìm hiểu anh em thấu đáo, thậm chí có lúc có nơi còn vội vàng trong đánh giá, trong cách nói năng cư xử... Huyện ủy khẳng định đây là những hạt nhân quý giá nếu biết tận dụng sẽ rất có lợi cho phong trào chung...”.

Thế mới biết, ở đời cái gì cũng có hai mặt của nó cả. Anh em tù ra đã thổi vào đảo một sinh khí mới, song cũng để ra những khó khăn không nhỏ. Chỉ có điều cái sinh khí đó mới là hệ trọng, mới đóng vai trò quyết định.

Tôi xin được nói sâu về cái sinh khí này.

Trong số 50 anh em thiện chiến khỏe mạnh được bổ sung và tình nguyện bổ sung về chiến đấu ấy, có 20 anh em về thành lập phân đội đặc công. Bắt đầu là Hai Hội, Tư Phước rồi Hai Hội, Nguyễn Quang và sau nữa là Tư Tâm, Ba Toàn rồi chót cùng là còn lại mình Ba Toàn chủ trì.

Đọc đến đây chắc các bạn sẽ không trách tôi là sao lại có ý thiên vị về Ba Toàn lắm thế, lại viết đầu tiên nữa. Một con người làm nên công trạng trong tù nên đã khẳng định, cũng con người ấy lại tiếp tục quên mình đi, tạo nên công trạng trong giai đoạn ra tù thì dù có thiên vị đi nữa, ắt cũng là chuyện thường, huống hồ đây đâu phải là cái chuyện thiên vị hay địa vị mà là lịch sử, là khách quan.

Sau khi phân đội đặc công của anh Hai Hội, Tư Phước rồi Hai Hội, Nguyễn Quang đánh thắng trận Cửa Cạn, không khí chiến đấu chung có chiều hướng đi lên và binh chủng đặc biệt tinh nhuệ vốn đã được hình thành từ lâu nhưng đang teo tóp dần đi nay lại được phục hồi trở lại. Ấy vậy mà đến trận Cây Thông và trận Suối Đá, ta tổn thất do công tác phối hợp không chặt và kỷ luật chiến đấu không nghiêm.

Sau hai trận này không khí lại lắng xuống. Một số mất tinh thần nằm yên, số khác lại xin về đất liền. Ngay cả đồng chí phân đội phó cũng rẽ ngang ra dân làm ăn... Trong nội bộ, trong nhân dân đã xuất hiện những tiếng nghe thật xót xa: “Coi chừng! Chúng mày cứ theo ba cái ông tù ra là chết hết! – “Chúng mày” đây là những anh em bên đại đội bộ binh của anh Dũng quẹo sang phối hợp.

Ba Toàn khi đó cùng với Bảy Minh và Tư Hùng - Những bạn tù cùng chui ra một lượt là ba mũi trường. Nghe được như vậy ruột gan cứ cuộn lên. Tự ái người tù bị đánh thức dậy dữ dội. Ai đó nói đâu phải lỗi họ, lỗi là ở tay súng được đào tạo chính quy mà, đánh có ba cái thằng địch địa phương cũng không xong. Hồ danh binh chủng lắm! Ngày đêm anh nung nấu những phương cách mới. Phương cách tác chiến của chính mình dựa trên đặc điểm cụ thể của kẻ thù trên đảo.

Vừa may huyện ủy, huyện đội kịp chỉ đạo củng cố lại đội hình. Tư Phước đã về đất liền, tuổi tác và sức khỏe không cho phép anh Hai Hội ở lại trực tiếp chiến đấu thêm được nữa, anh đề nghị chỉ định Ba Toàn, người mũi trường có năng lực nhất thay mình. “Bổ sung quân và huấn luyện lại, Ba Toàn ạ! Phải đánh một trận thật ngon để gỡ lại danh dự NGƯỜI TÙ”. Anh nói vậy và cùng với Nguyễn Quang về tham mưu huyện đội.

Trong trận cuồng phong của chiến cuộc, nhiều sức mạnh của người lính phụ thuộc vào tư cách và danh dự chứ lòng căm thù, tinh thần yêu nước, lý tưởng chính trị có đặt ra ở đầu súng đầu. Đặt hết vào đó, nặng lắm, bắn thế nào được. Ba Toàn chọn đánh lại mục tiêu “đồn Cây Thông” là mục tiêu rắn mà thành địch thường huênh hoang tuyên bố. “Nếu Việt cộng đánh được, xin tể củ kiệu đầu heo nhậu chơi!” Đồn này lực lượng mạnh: Một trung đội bảo an thiện chiến canh giữ, ba lô cốt, hàng rào 6 lớp dày đặc mìn trái và hai tiểu đội dân vệ chốt ở vòng ngoài.

Rút bài học lần trước, lần này Ba Toàn tự mình đi nghiên cứu ba đêm liền. Có phương án rồi nhưng chưa thật yên tâm anh lại trực tiếp vượt qua 6 hàng rào vào khảo sát lần cuối cùng rồi mới dẫn quân đi... Trận đánh thắng lợi ròn rã. Ta thu toàn bộ vũ khí, bắt sống tù binh và không thương vong một ai.

Thừa thắng, sau mấy tháng chờ cho địch củng cố xong, anh lại xin trên cho đánh “đồn Cây Thông” một lần nữa. Một lần bại, hai lần thắng mới mong xóa được tiếng dờ ỉ ờ. Trận này địch tăng cường mạnh hơn nhưng chỉ sau nửa giờ đồng hồ đã bị ta san thành bình địa. Truyền thống bắt tù binh, thu vũ khí, băng bó cứu chữa cho kẻ thù của Phú Quốc từ xa xưa lại được tiếp tục ở cấp độ cao hơn trong trận đánh bồi đánh nhồi này.

Thay vì những câu nói nghe đau lòng trước kia, sau trận này, một người dân từ áp

chiến lược mang rượu, đầu heo ra nói: “Trời đất! Mấy chú đặc công ta đánh ngon quá! Lính quốc gia đang kháo nhau âm cả lên kia kìa. Họ bảo, sau này có thấy mấy người nói tiếng trợ trợ, tốt nhất là chạy thôi, họ có đùn đẩy nhau rút thăm khi bị điều lên đồn”. Chao ôi! Nghe mát ruột quá! Tự ái người tù nằm trong cái tự cái non sông đã tạo nên một thế trận trên đảo.

Phân đội đặc công đã ăn nên làm ra. Tiếp tục phối hợp cùng với đại đội bộ binh của huyện diệt gọn trạm cảnh sát ác ôn ở gần thị trấn Dương Đông, cái ung nhọt chuyên cầm vận, làm khó làm dễ cho dân, cho phong trào bao lâu nay.

Tháng 10 năm 1971, toàn bộ lực lượng vũ trang của huyện đảo tổ chức đánh thẳng vào dinh thiếu tá quận trưởng ác ôn. - Nơi xuất phát của những cuộc hành quân và tội ác. Phân đội đặc công với nghiệp vụ tinh thông của mình đã kết hợp với nội gián bên trong thực hiện một động tác điều nghiên rất chu đáo.

Đêm 25 tháng 10, trong khi kẻ thù đang họp bàn để tìm cách diệt ta trong mùa khô 1971 - 1972, lực lượng vũ trang ta, lấy đặc công là nòng cốt đã bí mật đi từ Bến Tràm về Dương Tơ, cắt ngang lộ số 10 tập kết tại núi Suối Mây rồi dựa theo mép sóng tiếp cận lên Ao Sen sát thị trấn. Đáng lẽ trận đánh thọc sâu này sẽ đạt hiệu quả cao hơn nếu như ta không bị lộ, đành phải tập kích từ xa. Tuy vậy, sau nửa giờ, tên ác ôn thiếu tá cũng phải đền tội cùng với 50 tên khác trong đó có cả tên thiếu tá tiểu đoàn trưởng thuộc bộ chỉ huy sư đoàn 9 vừa chân ướt chân ráo đặt chân tới đảo để thực hiện một âm mưu bình định mới của kẻ thù. Khu thông tin và nhiều nhà lính bị đánh sập, ta thu và phá hủy một cây 12 ly 7, hai pháo 15, một cối 106,7 ly, bốn cụm rốc két hàng đêm nhả đạn vào rừng. Trận này ta hy sinh hai người, trong đó có một người lính đảo và người lính tù, đã cùng đổ xuống cho một bước trưởng thành về chiến thuật, kỹ thuật của đường lối chiến tranh nhân dân đang tồn tại ở nơi đây - Từ chiến thuật phòng ngự chuyển sang chiến thuật tấn công.

Sau trận tập kích rung động này, địch lo sợ vội đưa lực lượng cảnh sát của chúng vào vòng trong để tránh bị tiêu diệt. Nhưng thế trận đã mở ra, chúng trốn đâu cho thoát. Mùa mưa 1973, đội biệt động do Ba Toàn chỉ huy đã giả trang lũn vào tận giường nằm của chúng và nổ súng, làm chủ toàn bộ chi khu cảnh sát ba, bốn tiếng liền...

Chiến công nối tiếp chiến công. Càng đánh lực lượng ta càng mạnh. Số anh em tù vẫn tiếp tục ra thay thế cho những anh em tù đã ngã xuống. Lúc ấy, cả tiểu đoàn 207 của tỉnh trong đất liền cũng chỉ được một trăm quân nhưng riêng đại đội chủ công của huyện đã có biên chế nhiều hơn thế rồi.

Chiến công này tạo đà cho chiến công khác. Dương Tơ anh hùng đã trụ vững kìm chân địch suốt trong những năm tháng gian lao. Hôm nay, nếu đi dọc theo con đường ven biển từ An Thới về Dương Đông, khách vãng lai sẽ nhìn thấy những cột mốc chiến thắng dựng ở ven lộ với ngày... tháng... năm... Quân và dân Dương Tơ đã diệt một trung đội..., một tiểu đội...

Dường như ẩn sau những trụ xi măng đứng im lìm trong cỏ lác đối diện với biển

cả bốn mùa sóng vỗ ấy, người ta thấy được bóng dáng xã đội trưởng Hai Sứ mà chiến công đánh giặc của anh được bà con lưu truyền như huyền thoại với tài nghệ xuất quỷ nhập thần, với sự gan góc đến thành liêu lĩnh, với lối đánh gần như giáp lá cà khiến địch không kịp trở tay. Và nhìn thấy bóng dáng của cả những người tù quê ở bốn phương đêm ngày bám dân bám đất, chịu cực khổ cùng với người xã đội trưởng bản xứ của mình như: Nguyễn Đức Hòa, Ngọc, Sinh...

Và Hàm Ninh, và An Thới nữa. Được sự trợ giúp của lực lượng võ trang huyện, những người tù đã kề vai sát cánh cùng các chiến sĩ du kích; các bà má, các chị, các em cơ sở trong ấp không ngừng mở ra những trận diệt ác gây thổi động hàng ngũ địch. Hồng, Sơn..., những người tù vượt ngục đã khiến cho đám quân cảnh phải kính nể năm xưa, giờ đây đang hết mình cho một cuộc chiến đấu. Với khả năng trinh sát của mình, họ đã dẫn đường cho đại đội chủ lực của huyện đánh một trận sát ngay hàng rào nhà lao diệt một trung đội quân cảnh đang áp tải đi vào rừng, giải phóng thêm được hàng chục tù binh.

Bác sĩ Ba Châu, cùng với y sĩ Sơn chuyên về trạm xá ở căn cứ Khu Tượng. Tại đây người thầy thuốc mát tay này đã trở thành niềm tin cậy khôn cùng đối với các tay súng ngày đêm xông pha tại trận tiền. Có anh rồi, người lính không còn thấp thỏm những lo lắng không đâu. Hãy mạnh dạn nhào vô, chẳng may bị thương, ông bác sĩ quê Bắc này sẽ chữa trị cho anh đang hoảng. “Chỉ cần đưa về được đến phẫu ông Ba là coi như sống rồi!”. Họ bảo nhau như thế!

Chính người bác sĩ này, vào những đợt địch càn gặt gạo, không kiếm được thuốc, đã phải cầm lòng dùng nước cất chích tiêm để yên lòng bộ đội. Đã phải sử dụng những phương tiện thô sơ nhất để tiến hành những cuộc giải phẫu công phu thành công mà ngay ở những quân y viện hiện đại nhất cũng nhiều khi phải bó tay. Có một thời, chỉ với một ngọn đèn măng xông, mấy cây đèn pin, nồi nước sôi và trái tim tràn ngập yêu thương, những người thầy thuốc trong rừng đầy bom đạn đã làm nên những sự tích khoa học lạ kỳ.

Những năm bảy mươi, kẻ thù bị đánh tan tác ở mọi nơi trên đảo. Chúng đã nghĩ ra cách sử dụng những toán biệt kích gián điệp, tuồn vào căn cứ những ống thuốc độc màu trắng, màu cá kho, màu canh chua.. Những sắc màu quen thuộc cho mọi bữa ăn ở rừng để hòng tiêu hao lực lượng ta. Những chiến sĩ an ninh của anh Hai Ngáng, Ba Lạc kết hợp với phân đội biệt động đã khám phá ra vụ này. Một mặt ngăn chặn, tìm diệt từ xa; một mặt đưa những chất nước kì dị đó lên nhờ bác sĩ Dư phân tích. Bằng cách thử nghiệm thông thường cho chó ăn, người bác sĩ này đã tìm ra những độc tố nằm lẫn trong giềng, suối, cây cỏ, góp phần đáng kể đánh bại thủ đoạn vi sinh học lén lút của chúng.

Cuộc chiến đấu của quân và dân Phú Quốc đã làm tan rã ý định “bình định cấp tốc” của đối phương, đưa tình thế kháng chiến sang một thời kỳ mới hết sức vẻ vang và sôi động. Cũng như trong lịch sử chiến tranh nhân dân, Phú Quốc đã cùng cả nước đập tan chiến lược chiến tranh đặc biệt, chiến lược chiến tranh cục bộ và bây giờ là chiến

lược Việt Nam hóa chiến tranh của đế quốc Mỹ. Kẻ thù có thể nghĩ ra đủ các thứ học thuyết, chủ nghĩa, chiến lược, chiến thuật to tát nọ kia nhưng người Phú Quốc chỉ có một chiến lược duy nhất - Chiến lược quyết không chịu mất đảo, quyết không chịu làm nô lệ - Chiến lược phát ra từ tấm lòng và trái tim của vị lãnh tụ anh minh.

Từ Mậu Thân 1968 đến Hiệp định Pari năm 1973, Phú Quốc đã tiến hành đánh địch hàng trăm trận lớn nhỏ, đã diệt của chúng hàng ngàn tên cùng với phương tiện, vũ khí, kho tàng, cứ điểm hiện đại. Trong thắng lợi rộn ràng đó, đất đai Phú Quốc, lòng dân Phú Quốc không thể không ghi tạc công lao, xương máu của những người tù vượt trại ra.

Lạ kỳ sao! Sau thời xuân “sáu tám”, phong trào cách mạng ở hầu hết mọi nơi đều tạm lắng xuống, có nơi lắng hẳn nhưng nơi đây, như một nghịch lý hào hùng, phong trào đánh địch lại dâng cao chưa từng thấy. Cái nghịch lý đó biểu hiện gì? Phải chăng hòn đảo cô đơn nhưng không cô độc này đã biết cách tự đứng vững trong bất cứ hoàn cảnh nào, nó đã luôn luôn hòa vào cái chung nhưng một khi cần thiết, nó lại hoàn toàn biết mang một tính cách riêng, tính cách tự lực tự cường.

Anh em tù vẫn tiếp tục ra. Một số về đất liền, một số chuyển sang chiến đấu, số nữa lại tản vể các xã, các ban ngành... Nhà tù cung cấp nhân lực, tài lực cho đất liền. Chu trình luân chuyển đó diễn ra không thôi, hết ngày này sang ngày khác, hết năm này sang năm kia, như một dòng chảy của bản giao hưởng trùng khơi vùng lên trong khói lửa.

Bốn trăm người ra, 239 người đến đích. Gần một nửa nằm xuống dọc đường. Trong số những người nằm xuống đó, bà con Phú Quốc còn kể lại những mẫu chuyện đau lòng.

Một tốp ba người đã lang thang đói khát ở trong rừng nhiều ngày. Đến ngày thứ tám, họ may mắn gặp được một ông già người Tàu ở ngoài rẫy, ông này lòi com, lòi nước trong bọc ra cho họ ăn rồi bảo cứ ngồi chờ, ông sẽ về kêu cách mạng ra. Mừng đến chảy nước mắt, ba anh em tìm nơi kín đáo nằm thiu thiu ngủ... Lát sau, trước mặt họ hiện ra không phải những người cách mạng mà là một tiểu đội quân cảnh lâm lâm tay súng. Uất quá, một người đã ném mạnh nắm com đang ăn dở vào giữa mặt lão già phản trắc đó, nguyên rủa: “Rồi lão sẽ chết thối thây không thấy mặt con cháu, không một nén hương cắm lên mộ...”. Ba người tù ấy bị giải trở lại trại không rõ sống chết ra sao, nhưng người ta nói lão già ấy vẫn còn sống. Chỉ có điều con cháu lão đã bỏ lão mà đi hết cả, ngày ngày người ta chỉ thấy lão lủi thủi ra vào một mình, thỉnh thoảng lại ngồi rũ ra bên cạnh con chó già lở tróc.

Một tốp khác chỉ có hai người. Bài học đau đớn về tốp ba người mấy tháng trước đã khiến họ hết sức đề phòng. Ngày thứ năm, họ lại vào một nhà dân. Trong nhà chỉ có một bà má già. Bà má cũng cho họ ăn uống rồi bảo chờ để đi gọi người đảng mình. Bà còn để lại cho hai anh em chiếc đài để nghe đỡ sốt ruột. Khả nghi quá! Hai người quyết định bỏ đi, không mang theo bất cứ một cái gì kể cả cái đài quý giá có thể đổi được

không ít gạo, muối trong cuộc hành trình lên Bắc Đảo. Oan nghiệt thay, họ không hề biết rằng bà má đó là một cơ sở cách mạng trung kiên của xã Hàm Ninh, khi bà dẫn theo hai du kích trở lại thì căn nhà đã trống không.

Từ đó bà má ấy cũng như mọi người dân Phú Quốc không còn nghe được tin tức gì của hai người tù trẻ tuổi kia. Thời gian trôi qua. Những trận đánh trôi qua..., những vinh quang tủi nhục và đau thương trôi qua. Ba năm sau, bỗng một hôm một người lên rừng đốn củi đã tìm thấy hai bộ xương người nằm còng queo trong một hốc đá trên phần đảo phía Bắc. Bộ xương thứ nhất nằm kín đáo hơn, chân tay duỗi thẳng, đầu kê trên một phiến đá nhỏ. Bộ xương thứ hai nằm ở ngoài hang chân tay vẹo vọ, xương đầu xương cổ ngoặt sang một bên. Người có khiếu đoán sẽ nhận ngay ra rằng, người thứ nhất đã chết trước, người thứ hai ráng sức dọn dẹp cho bạn một chỗ nằm ngay ngắn rồi mới bò ra cửa hang chết sau. Chết vì đói, vì bệnh tật, vì dã thú hay vì biệt kích mò vào? Điều ấy chưa ai có thể kết luận được nhưng chắc chắn rằng đó là bộ xương của hai người tù năm xưa đã một lần ghé qua nhà bà má ở xã Hàm Ninh. Một trong hai người còn để lại một mẫu thư nhỏ gói nilông trong túi áo đã nát mủn: "...Mẹ ơi, ngày mai con sẽ ra khỏi nhà tù. Nếu trời phạt phù hộ thì ba tháng sau con sẽ có mặt ở bên mẹ. Mẹ hãy chuẩn bị cho con năm đôi gà trống thiên để con lấy vợ...".

Tình thế cách mạng đã mở ra một hiệp định hòa bình tại Pari năm 1973. Trước ngày ký kết hiệp định, Trung ương cục miền Nam có lệnh rút tất cả anh em tù binh đang sống và chiến đấu ở Phú Quốc về đất liền để củng cố lực lượng, chuẩn bị bước sang thời kỳ mới. Từ trung úy trở lên rút về R. Từ thiếu úy trở xuống rút về Long Châu Hà, Phú Quốc thời điểm này lại thuộc Long Châu Hà.

Hơn một trăm con người đã quen hơi quen đất, bỗng chốc có lệnh ra đi cả, Phú Quốc nhỏ hẹp không thể không cảm thấy bịn rịn và trống vắng. Sự ra đi này có sức hút của một thời nam châm cực lớn. Đất liền bao giờ cũng là mơ ước và khát vọng của



*Khách thăm quan
phòng trưng bày
tại Di tích nhà tù
Phú Quốc*

Ảnh: TL

những người lính muốn được thỏa ước vẫy vùng. Những người ra đi, dù không muốn, mặc nhiên cũng thu hút một trung đội của Phú Quốc đi theo. Lịch sử chiến tranh sẽ châm chước cho sự ra đi chính đáng nhưng lại không thấu tình này.

Cũng như lịch sử chiến tranh Phú Quốc sẽ ghi nhận sự thành tâm của những người tù sau khi Trung ương cục gọi về R một thời gian lại tình nguyện xin trở lại Phú Quốc tiếp tục cầm súng như anh Ba Toàn, Hai Hội, Ba Lửa, Tư Thắng, Bảy Tềng, Ba Đại ở Cửa Cạn, Vũ Tấn Quát ở Hàm Ninh...

Phân đội đặc công của huyện đảo vẫn được duy trì và cuộc chiến đấu trên đảo đã làm hệ thống phòng thủ của địch tan rã thêm từng mảng. Những năm “bảy ba” đáng ghi nhớ này, anh Tư Tâm đã lên làm huyện đội, Hai Sửu từ Dương Tơ cũng lên huyện đội. Bí thư huyện lúc này là anh Mười Việt ở ngoài tỉnh mới bổ sung về.

Thời cơ giải phóng toàn bộ nhà lao Cây Dừa đã đến. Trên đưa một số cán bộ trong đó có cả một tổ đặc công thủy xuống Phú Quốc nắm tình hình, trinh sát thực địa và chuẩn bị chỗ cho đội hình một sư đoàn mạnh tới đứng chân. Lòng vui như trẻ hời. Ở hòn đảo xa xôi này đã bao giờ có sự hiện diện của một sư đoàn chủ lực? Phen này không còn nghi ngờ gì nữa, ngày toàn thắng dứt khoát đã đến gần, bốn mươi ngàn tù binh nhất định sẽ được giải phóng.

Nhưng công việc chuẩn bị chưa đâu vào đâu thì hiệp định hòa bình đã có hiệu lực, hai bên được phép trao trả tù binh. Tại nhà lao Cây Dừa, số chiêu hồi, ác ôn được chúng bí mật đem đi, số cổ thủ đáng gờm cũng được chúng đem đi đâu không biết, số còn lại được chính thức trao trả tại Lộc Ninh và Thạch Hãn.

Thế là sau hai mươi năm tồn tại, nhà lao giam giữ tù binh lớn nhất Đông Nam á đã không còn. Sự cáo chung của con quái vật cuồng sát này là tất yếu. Với oan khí ngất trời không trước thì sau, nó cũng không tránh khỏi số phận bị hủy diệt.

Năm 1973, lực lượng địch ở nhà lao sạch bóng nhưng cuộc chiến đấu bên ngoài vẫn tiếp tục diễn ra gian khổ, ác liệt hơn. Tổ đặc công thủy không còn chức năng giải phóng nhà tù nên đã chuyển sang mục tiêu đánh tàu, đánh đường ống dẫn dầu của hải đoàn An Thới.

Quân và dân Phú Quốc tiếp tục tựa lưng vào thắng lợi đã đạt được, tựa lưng vào tinh thần Hiệp định Pari, Hiệp định đã đổi bằng máu và nước mắt của cả dân tộc để lần địch thêm từng bước, không ngừng diệt ác trừ gian kết hợp với những trận đánh tập trung để mở mang mở vùng. Vùng giải phóng loang rộng ra, tạo thành thế cài răng lược với kẻ thù ở bất cứ nơi nào, ở ngay trong sào huyệt của chúng nó.

Phú Quốc gần mà xa, xa mà gần... Phú Quốc là chiến hạm nổi canh giữ bờ biển phía Nam của Tổ quốc. Phú Quốc tự lực tự cường, Phú Quốc nhiều khổ đau nhưng cũng chất ngất vinh quang. Hùng khí Phú Quốc đã thổi dạt thế lực đối phương có lúc tăng cường đến một ngàn lần hơn trong thế tương quan nghiệt ngã. Phú Quốc, cái nôi âm áp

của nhà lao Cây Dừa. Số tù binh trong lao có lúc đông hơn số dân mười lần nhưng lòng dân vẫn mở ra che chở bao la.

Thời gian tiếp tục trôi qua trên hòn đảo hình lưỡi mác. Năm “bảy lăm” đang chuyển động đến gần. Vẫn không nhiều phương tiện thông tin, điện báo, vẫn vắng thiếu những chỉ thị, những mệnh lệnh, tin tức thì vẫn bằng radiô và tấm lòng cách mạng vẹn tròn, Phú Quốc đã nổi dậy kịp thời cùng với cả nước mở chiến dịch Hồ Chí Minh đại thắng. Xa đất liền 115 cây số, hòn đảo này đã được giải phóng hoàn toàn chỉ sau Sài Gòn đúng bốn giờ đồng hồ. Thật là một điều kỳ diệu về mệnh lệnh hiệp đồng trong chiến tranh. Thứ mệnh lệnh hợp đồng vang lên từ nhịp đập con tim khát vọng chủ quyền...

Đảng bộ Phú Quốc thở phào! Quân và dân Phú Quốc cũng thở phào nhẹ nhõm! Trường kỳ chiến đấu, một chặng đường vô cùng gian khổ, ác liệt đã vượt qua. Phú Quốc một vùng đảo hình lưỡi mác tiếp tục vượt lên, chồm lên đầu sóng phía Tây Nam Tổ quốc càng đậm nét và hào hùng hơn.

Chỉ có điều, bóng dáng nhà lao Cây Dừa giam giữ 40 ngàn tù binh sẽ vẫn còn đó, khu nghĩa trang bốn ngàn liệt sĩ vẫn còn đó... Mãi mãi tượng trưng cho một thời đau thương oanh liệt mà thế hệ mai sau không thể quên. Không được quên.

MỤC LỤC

PHÚ QUỐC - ĐẤT VÀ NGƯỜI TRONG CỘI NGUỒN LỊCH SỬ

Phú Quốc - đất và người	9
Phú Quốc trong hành trình lịch sử	18
Phú Quốc - di tích danh thắng	23

PHÚ QUỐC - KHÚC TRÁNG CA HÀO HÙNG

Phú Quốc truyền thống hào hùng	35
Người anh hùng Nguyễn Trung Trực trên đất đảo Phú Quốc	59
Di tích lịch sử trại giam Phú Quốc	63

Từ “Căng Cây Dừa” dưới thời thực dân Pháp xâm lược...

Trại giam “Căng Cây Dừa” (1953 - 1954)	67
Căng Cây Dừa - ý chí và hành động cách mạng của người chiến sĩ	71
Trại huấn chính Cây Dừa những năm tháng ấy	76

Đến trại giam tù binh cộng sản Việt Nam - Phú Quốc

Một trại giam không lò và tàn bạo	78
Trại giam tù binh Phú Quốc - tội ác dã man của giặc và ý chí kiên cường...	104
Chuồng cọp kẽm gai sự tàn bạo của kẻ thù	111

Ý chí bất khuất của những chiến sĩ cách mạng

Còn hơi thở là còn chiến đấu	115
“Xây dựng Đảng” trong trại giam tù binh Phú Quốc	124
6 tháng đào hầm, một đêm vượt trại...	129
Chiếc bật lửa Zippo mở đầu chiến thắng	135

Ký ức: Oán hận kẻ thù	141
Người tù binh trại giam Phú Quốc bị kêu án tử hình	144
Vượt ngục và khát vọng trở về với cách mạng	149
Khí tiết của người tù vượt ngục	163
Lời tâm huyết của một cựu tù...	169
Trang trọng lưu danh các liệt sỹ đã hy sinh ở Phú Quốc	173
Hình ảnh các chiến sỹ cách mạng hy sinh ở nhà tù Phú Quốc	200

CHUYỆN KỂ TỪ NHỮNG NGƯỜI TRONG CUỘC

Năm Trì - Người con ưu tú của quê hương Phú Quốc	214
Vững vàng trong thử thách cam go	218
Từ một thanh niên yêu nước đến một bí thư huyện ủy...	222
Người tù binh bản lĩnh	226
Một trái tim có “lửa”	232

PHÚ QUỐC - MỘT THỜI ĐỂ NHỚ

“Nếu ai chưa hiểu cuộc chiến tranh Việt Nam, hãy đến Phú Quốc”	236
Nỗi đau và niềm kiêu hãnh	239

Tài liệu tham khảo sử dụng trong cuốn sách được cung cấp bởi

- Ban quản lý di tích Nhà tù Phú Quốc.
- Sở Văn hóa Thông tin tỉnh Kiên Giang
- Sở Lao động Thương binh xã hội tỉnh Kiên Giang
- Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Kiên Giang
- Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam
- Phòng lịch sử địa phương - Viện Sử học Việt Nam
- Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Phú Quốc.

BBT trân trọng cảm ơn các tác giả, các nhân chứng sống đã cho phép chúng tôi tiếp cận và sử dụng các tư liệu và bài viết để sử dụng trong cuốn sách này.

Tạp chí
Trí thức & Phát triển

THỰC HIỆN VÀ GIỚI THIỆU
DỰ ÁN VĂN HÓA UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN
TRÍ ÂN CÁC ANH HÙNG LIỆT SỸ
ĐÃ HY SINH VÌ ĐỘC LẬP TỰ DO CỦA TỔ QUỐC

Với sự phối hợp thực hiện của
TRUNG TÂM THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG VÌ MÔI TRƯỜNG PHÁT TRIỂN và CÔNG TY VĂN HÓA TRÍ TUỆ VIỆT

Huyền thoại **PHÚ QUỐC**

Chịu trách nhiệm xuất bản:

VŨ QUỐC KHÁNH

Chịu trách nhiệm nội dung:

LÊ THỊ THU HƯƠNG

Biên tập:

PHÙNG THỊ MỸ - TRẦN THỊ THU HƯƠNG

Thực hiện mỹ thuật:

HÀ NGUYỆT TÂM

Tạp chí **TRÍ THỨC VÀ PHÁT TRIỂN**

Địa chỉ Tòa soạn: Tầng 8 - Cung Trí thức TP Hà Nội - Phố Trần Thái Tông
Phường Dịch Vọng Hậu - Quận Cầu Giấy - Hà Nội * Tel/Fax: 043.7823798 - 043.7823799
Website: trithucvaphat trien.vn * Email: trithucvaphat trien@gmail.com

**Sách không kinh doanh, được thực hiện trong khuôn khổ
CHƯƠNG TRÌNH THỜ PHỤNG VÀ LƯU DANH
ANH HÙNG LIỆT SỸ VIỆT NAM**

Cuốn sách in khổ 70 x 100cm do Công ty CP Văn hóa Trí tuệ Việt thực hiện.

Giấy phép xuất bản số 680-2013/CXB/10-16/ThT

In xong và nộp lưu chiểu tháng 10/2013.